

TUYỂN TẬP SÁNG TÁC - BẢN TÌNH CA NGƯỜI LÍNH

HUỲNH NGỌC ẨN

Kính tặng

HUYỀN NGỌC ẨN

TUYỂN TẬP SÁNG TÁC
BẢN TÌNH CA NGƯỜI LÍNH



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

Lời giới thiệu

Của cố nhà văn Hoàng Văn Bôn

Tôi biết Ân vào những năm 1948 đang kháng chiến chống Pháp giữa rừng Chiến khu Đ, vùng Bình Chánh - Ông Đông. Đạo ấy, tôi đang làm Trưởng ban Giáo dục huyện Tân Uyên kiêm Hiệu trưởng Trường Tiểu học Kháng chiến của huyện. Trong số học trò độ vài chục em gồm con em cán bộ kháng chiến, thiếu sinh quân, con em liệt sĩ có Huỳnh Ngọc Ân. Bố Ân là anh Tư - Huỳnh Văn Lũy, đảng viên kỳ cựu - Phó Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa.

Thực ra, hồi nhớ lại các em học sinh tiểu học ngày ấy, kham khổ, lam lũ, đói, bệnh tật đủ thứ. Lục lại trí nhớ, khó tìm ra em nào nổi bật gây ấn tượng, khó quên. Giống nhau như trứng gà, trứng vịt, lử khử, rách rưới. Da xanh mét, bụng chang bang vì lá lách bị bệnh sốt rét sưng phồng. Cho nên, bảo em nào nổi bật, khó nhớ lắm. Chỉ trừ vài em gái nhà có gạo cung cấp thêm, có thức ăn như mắm ruốc, muối tiêu... Viết đến đây, tự dừng thấy buồn ngủi. Một thế hệ tương lai của đất nước mà phải chịu cảnh ấy đến ba chục năm trời. Có thể nói: Chín năm trong rừng Chiến khu Đ, rất ít được một bữa cơm hai chén. Toàn là cơm không trộn khoai, mì sợi, khoai củ, rau tàu bay. Vậy mà thế hệ ấy vẫn chung thủy với kháng chiến, với mái trường Tiểu

học Kháng chiến huyện Tân Uyên chúng tôi cho đến ngày hòa bình năm 1954. Cái mái Trường Tiểu học Kháng chiến ấy một năm bị giặc đốt cháy ít nhất cũng năm, bảy lần. Các thầy chúng tôi dẫn các em chạy giặc, tổ chức đánh lại chúng, chặt cây rừng, cắt tranh làm lại trường, lại vào học. Tự lên rừng chặt cây, đốt rẫy, trồng lúa, khoai, rau. Tự viết tài liệu do chúng tôi rút ruột soạn ra, in bột, in bằng đất sét, phổ biến toàn huyện. Tham gia các đội tuyên truyền xung phong, diễn kịch tuyên truyền cho kháng chiến...

Đã năm mươi năm trôi qua, trong đó có ba mươi năm kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Số ít trong các em học sinh Trường Tiểu học Kháng chiến huyện Tân Uyên ngày ấy đã hy sinh, đã qua đời vì bệnh tật. Số lớn đã thành đạt, trở thành cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước, trong đó có: Huỳnh Văn Bình - Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai; Lê Thị Ngọt - Phó thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Huỳnh Ngọc Ẩn - Phó Giám đốc Sở Thủy lợi tỉnh Đồng Nai; Cúc A Sâm - Thượng tá bác sĩ quân y; Mười Cao - Thượng tá công an; Trương Đình Cát - Giám đốc xí nghiệp gạch ngói 3/2; Đỗ Hữu Báu - Cán bộ giáo dục tỉnh Đồng Nai; Huỳnh Chí Quốc - Phó Giám đốc Sở Xây dựng Đồng Nai; Huỳnh Đình - Giám đốc Sở Giáo dục...

Tất nhiên, ai cũng hiểu rằng Trường Tiểu học Kháng chiến huyện Tân Uyên chỉ là buổi học đầu đời của các em. Nhưng là một buổi học đầu đời vô cùng quan trọng suốt cuộc đời các em. Cái buổi học đầu đời trong rừng sâu, trong bom đạn ấy, đẹp lắm, không dễ gì quên được. Đó là hành trang quan trọng suốt cả quá trình nửa thế kỷ qua của các em. Với các em được đi tập kết, được làm học sinh miền Nam trên đất Bắc, những ngày ấy lại càng sống mãi

liệt, thêm thù nhà, nợ nước và sẵn sàng hy sinh vì non sông đất nước, vì ngày sum họp quê hương giải phóng.

Những bài thơ viết dưới dạng gần giống như “nhật ký” của Huỳnh Ngọc Ẩn, đúng như “tiếng lòng tôi” của một học sinh miền Nam, của một chiến sĩ vượt Trường Sơn chiến đấu gian khổ góp phần giải phóng quê hương. Là tiếng kêu nhức buốt tận tim của một người con khi nghe tin người cha Đảng viên Cộng sản đã bị kẻ thù giết hại, là nỗi lòng thương mẹ, nhớ cha, nhớ mảnh rừng chiến khu năm xưa có mái trường tuổi thơ ấu đã hun đúc nên nhân cách, khí phách các em.

Xuyên suốt hơn mấy chục bài thơ, hầu như không bài nào tác giả không nhắc đến lòng thương nhớ cha mẹ, các em, lòng căm thù giặc xâm lược và lòng mong muốn được cầm súng chiến đấu để sớm được trở về quê hương...

Cũng có những “tiếng lòng” về tình yêu thuở ấy, nhưng không bài nào trọn vẹn. Tình cảm riêng tư vẫn cứ bị tình yêu quê hương, lòng thương nhớ cha mẹ lấn lướt:

*Những năm đất nước căng rời
Đêm Nam, ngày Bắc bồi bồi nhớ mong
Từ trong sâu thẳm cõi lòng
Giữ bao kỷ niệm sống cùng thời gian
Bàn chân xuống biển, lên ngàn
Mỗi miền đất nước muôn vàn mến yêu*

Những kỷ niệm khó phai mờ về một Chiến khu Đ của “miền Đông gian lao mà anh dũng” cũng luôn thường trực trong trái tim anh:

*Nơi một thời cùng chung ấm lạnh
Kỷ niệm ngày qua bùng dậy trong tôi
Như thấy mây đông vùn vù bầu trời
Giặc đến đốt nhà hung hăng bắn giết
Máu lại đổ thấm sâu từng tấc đất
Và hờn căm như lửa cháy ngút trời!
Chiến khu Đ - cứ địa của lòng người
Bao lớp cha anh bền gan chống giặc
“Chiến khu Đ còn, Sài Gòn mất”
Lũ giặc nghe câu nói cũng kinh hoàng...*

Đại khái, bài nào cũng bị cái tư tưởng, cái tình cảm chủ đạo chen vào, cắt ngang giữa dòng suy nghĩ mơ màng, lãng mạn nhất. Có lẽ đó là điều dễ thấy ở tuổi trẻ học sinh miền Nam những năm tháng tập kết, xa quê hương. Bởi vì xét cho cùng, không thống nhất đất nước, đời các em không còn gì cả: quê hương, cha mẹ, ông bà, gia đình, dòng sông nơi mình sinh ra, mái trường đầu đời trong khói lửa. Đó là đặc điểm của tuổi trẻ miền Nam tập kết. Cũng là một trong những sức mạnh to lớn của nhân dân ta đánh thắng kẻ thù xâm lược hung bạo và mạnh nhất thuở ấy: Một nửa đất nước bị đô hộ. Một nửa gia đình bị chia hai. Một nửa hạnh phúc vợ chồng chờ ngày gặp lại.

Và, đây là một đoạn thơ anh viết về kỷ niệm ngày má tiễn anh đi tập kết:

*Như chiều nay dưới trời cao lộng
Tiễn con đi xa lòng má trĩu buồn
Má dặn con: “Ra miền Bắc hậu phương
Ráng học tập luyện rèn cho giỏi*

*Mai một trở về xây dựng quê hương...”
Thương má quá, con nuốt từng lời dặn
Ôi! Mẹ hiền - hình ảnh quê hương!*

Thuở ấy, trên thế giới có vài nước bị chia cắt làm đôi: Triều Tiên, Đức và Việt Nam. Nhưng chia đôi triệt để đi tập kết thì chỉ có ở Việt Nam. Một người nửa ở nửa đi. Một cặp vợ chồng nửa ở nửa đi. Thế đấy, mà đó là cuộc chia ly suốt cả chục năm trời.

Ngoài cái chung ấy ra, với Ân, lại thêm những nỗi đau riêng nếu không đặt trong bối cảnh “tập kết”, “chia đôi” ấy không dễ gì đứng vững được: Năm 1956, Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy, Phó bí thư Tỉnh uỷ Biên Hòa (vào Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1936) đã bị giặc Mỹ giết tại quê nhà, cù lao Mỹ Quới, huyện Tân Uyên. Từ ấy, lúc nào cái chết của cha cũng là động lực thúc đẩy Ân đứng lên, tiến về phía trước, bất chấp mọi gian nguy, thử thách. “Bức ảnh gia đình” mà Huỳnh Ngọc Ân luôn mang theo bên mình đã trở thành một kỷ niệm sâu sắc, một nguồn động viên khích lệ vô cùng lớn lao đối với anh:

*Mỗi khi xem bức ảnh gia đình
Lòng tôi như ánh lửa lung linh
Nâng bức ảnh, áp lên lồng ngực
Thấy cả quê hương nặng nghĩa tình*

và, vì thế, nên:

*Bức ảnh theo tôi ra chiến trường
Mỗi lần xem ngắm, dội tình thương
Vọng lời ba má thăm căn dặn
Tiếp sức tôi qua mỗi chặng đường...*

Trong hành trang của tâm hồn mình, Huỳnh Ngọc Ẩn dành nhiều tình cảm cho người cha thân yêu, người đồng chí từng dìu dắt anh từ khi còn trong nôi cho đến khi trở thành anh bộ đội Cụ Hồ. Anh có những câu thơ khá xúc động về người cha của mình, như:

*... Rừng Bà Xuân ngày ấy
Ba tiễn con lên đường
Bóng ba như bóng núi
In dáng hình quê hương...
Ba cố ghìm xúc động
Căn dặn con nhiều điều
Tình ba như biển rộng
Vỗ về con thương yêu!*

*Con nhìn ba thương quá
Mái tóc pha sương chiều
Ba đi làm cách mạng
Vượt qua bao hiểm nghèo...*

Càng thương quý, tự hào về ba, nên khi nhận được tin ba đã anh dũng hy sinh, Huỳnh Ngọc Ẩn càng đau đớn, tiếc thương ba và căm thù giặc:

*Ôi! Chiều nay mình con trên xứ Bắc
Khóc người cha đã anh dũng hy sinh
Trong đau thương, con đã chọn cho mình
Ngày trở lại trả thù nhà nợ nước
Ba hãy yên lòng có con đang tiếp bước
Trên con đường giải phóng quê hương...!*

Và, để có được giây phút thiêng liêng được trở về quê hương, thực hiện tâm nguyện trả thù nhà, nợ nước, Huỳnh Ngọc Ẩn đã dồn hết sức lực tâm huyết, tình cảm của mình để học tập, rèn luyện trên thao trường, trong giảng đường đại học, trở thành chàng kỹ sư thủy lợi, thành Đảng viên Cộng sản, rồi về Nam tham gia giải phóng quê hương. Thơ “nhật ký” của Ẩn cũng ghi lại rất nhiều kỷ niệm đẹp về đó:

*Bốn ngàn ngày sống trên đất Bắc
Không đêm nào không nhớ quê hương
Thương mẹ hiền dãi nắng dầm sương
Tân tảo nuôi chồng con đánh giặc
Thương người cha kiên cường bất khuất
Anh dũng hy sinh trên vùng đất Chiến khu
Bao chiến sĩ hiên ngang trước kẻ thù
Hào khí “Miền Đông gian lao mà anh dũng”*

...

*Nơi Chiến khu mịt mù bom đạn
Bóng cha già tha thiết ngóng chờ con
Ba có biết con ba vừa vô Đảng
Thành đồng chí của ba, chung trận tuyến diệt thù
Từ hôm nay, khi ngắm ảnh Bác Hồ
Con có thể gọi Người là: Đồng chí
Và vinh dự được làm người chiến sĩ
Trong đội ngũ điệp trùng về giải phóng quê hương!*

...

*Anh phải đi, không chần chừ thêm nữa
Khi “Tiếng quê hương nức nở gọi ta về”
Anh và em đã chung một câu thơ*

*Nước còn giặc, anh phải ra tiền tuyến
Em ở lại ráng lo tròn mọi chuyện
Vất vả gian nan xin chớ quản gì
Và hãy tin: “Đội anh, anh sẽ về...”
Ngày giải phóng sẽ không còn xa nữa
Dù hôm nay đường ra tuyến lửa
Bom đạn quân thù đánh chặn ngày đêm
Cả đoàn quân đang rầm rập xông lên
Thề quyết tử - Trận cuối cùng quyết thắng!
Cho ngày mai con ta khôn lớn
Được sống yên vui trên đất nước hòa bình...*

Cho đến ngày cầm súng trở về chiến đấu giải phóng quê hương, được quỳ lạy mộ cha, được ôm trong vòng tay của mẹ già, được gặp lại các em, mới thấy được những bài thơ của chàng trai học sinh miền Nam tập kết và có những thành công trong cuộc đời trên đất Bắc đã đem lại cho anh những vui mừng đến ngỡ ngàng, đến mức thực rồi mà cứ tưởng như mơ. Hay nghe anh tâm sự trong bài thơ *Mừng ngày sum họp*:

*Sự thật là đây vẫn ngỡ ngàng
Đúng rồi, lịch sử đã sang trang
Giặc tan, đất nước mừng sum họp
Ta giữa nhà ta giữa xóm làng...
Khách đến đông vui chuyện hỏi dôn
Chuyện ngày xa cách, chuyện nước non
Chuyện sống học hành trên đất Bắc
Tình bạn, tình yêu... chuyện vợ con*

*Câu chuyện về ba thêm xúc động
Mỗi lời như khắc họa vào tim
Chuyện má một mình trong lửa đạn
Làm lưng nuôi nhà, dạy dỗ em*

*Và bao câu chuyện thời tranh đấu
Đồng đội ba ai mất ai còn
Ai nản chí, gian nan lùi bước
Ai kiên cường giữ trọn lòng son...?*

*Hãy chúc mừng nhau chén rượu đầy
Vui mừng sum họp buổi hôm nay
Ba mươi năm ngập tràn gian khổ
Mà tới bây giờ mới thấy đây*

Một mảnh tình riêng, một mảnh hồn riêng, nhưng nhìn lại là cái chung của một lớp trẻ vào đời từ những năm Cách mạng tháng Tám năm 1945, trưởng thành trong ba mươi năm chiến đấu trường kỳ, đầy hy sinh của đất nước.

Tôi nghĩ, đấy cũng là một nguồn sức mạnh hào hùng của dân tộc ta suốt ba mươi năm trời khiến quân thù phải khiếp sợ.

Ngày nay, tên người cha thân yêu của Huỳnh Ngọc Ẩn, là đồng chí Đảng viên phong trào Nam Kỳ Khởi Nghĩa năm 1940 - Huỳnh Văn Lũy đã được Đảng đặt tên cho một con đường, một con phố, đường Huỳnh Văn Lũy.

Chàng trai học sinh miền Nam tập kết năm xưa đã ở tuổi trên sáu mươi, đã đi trọn con đường cầm súng chiến

đấu, xây dựng quê hương, xứ sở là mơ ước của người cha đã muôn đời xứng đáng là tấm gương chói lọi của người còn sống, của lớp trẻ Đồng Nai hôm nay.

Và dù không còn trực tiếp đảm đương công việc do Đảng và nhân dân giao phó, Huỳnh Ngọc Ẩn vẫn một lòng chung thủy đi theo con đường cách mạng, con đường mang tên ba, như phần cuối bài thơ *Con đường mang tên ba*, anh viết:

*Mùa thu nay đất nước thật thanh bình
Bao đồng chí của ba hóa tên đường tên phố
Đi giữa quê hương rợp màu cờ đỏ
Con thầm gọi tên ba và tên những con đường...!*

*Đồng Nai, ngày 19/8/1999
Nhà văn Hoàng Văn Bỏ*

LỜI TỰA

*Nhà văn Hoàng Ngọc Diệp
(Nguyên Phó Chủ tịch Hội VHNT tỉnh Đồng Nai)*

Thành phố Biên Hòa có một con đường nhỏ rất đời hiền hòa, bình dị mang tên Huỳnh Văn Lũy, chạy vắt qua khu dân cư yên bình, cách đó không xa là dòng sông Đồng Nai sóng nước trong xanh. Trong những năm đầu làm cư dân thành phố Biên Hòa, thi thoảng tôi đi qua con đường ấy, dần dà được biết đường mang tên ông Huỳnh Văn Lũy, một đảng viên Cộng sản kỳ cựu, trong kháng chiến chống Pháp từng giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa. Năm 1956, người Phó bí thư Tỉnh ủy đã bị quân Pháp giết hại ngay tại cù lao Mỹ Quới - quê hương của ông.

Cuộc đời vẻ vang của Huỳnh Văn Lũy đã được Huỳnh Ngọc Ẩn - con trai ông nhắc đến trong *Tuyển tập sáng tác - bản tình ca người lính*. Tôi có cơ may được chị Huỳnh Ngọc Kim Mai - cán bộ Hội đồng nhân dân tỉnh, cháu nội cụ Huỳnh Văn Lũy và là con gái ông Huỳnh Ngọc Ẩn nhờ viết lời giới thiệu cuốn sách còn ở dạng bản thảo chưa xuất bản này. Cuối năm Giáp Thìn, công việc bận rộn, mãi tôi mới có thời gian để đọc bản thảo, đọc rồi trong lòng dâng lên một cảm xúc khó tả, một nỗi xúc động lạ lùng. Tôi, một người hoàn toàn xa lạ, bỗng nhiên được gửi gắm tâm tư của một người con sinh ra, lớn lên trong một dòng họ cách

mạng “cha truyền con nối” có nhiều liệt sĩ và Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Niềm vinh dự ấy khiến tôi có đôi chút lo lắng, nhưng rồi tôi đã xem tuyển tập sáng tác với tất cả sự trân trọng và biết ơn...

Tuyển tập sáng tác - Bản tình ca người lính được chấp bút bởi tâm niệm của tác giả Huỳnh Ngọc Ẩn phải “viết lại những điều không quên”, những điều mà suốt nhiều năm ông đã ấp ủ. Bản thảo gồm ba phần, văn xuôi, thơ và phụ lục hình ảnh, phần văn xuôi gồm nhiều bài về những con người cụ thể, các sự kiện, sự việc đã diễn ra, phần thơ hơn 40 bài và phần phụ lục gồm trên 30 tấm ảnh.

Phần văn xuôi bắt đầu từ mốc thời gian trước năm 1945, lúc Huỳnh Ngọc Ẩn mới học lớp 1 trường làng. Một không gian Nam Bộ vừa quen vừa lạ mở ra với ngôi chợ nhỏ, nơi tiểu thương bán cháo cá, bán cà rem cây, nơi có lễ hội cúng đình với những màn hát bội tung bừng... Tuổi thơ của Huỳnh Ngọc Ẩn đầy giông bão nhưng cậu cũng được chứng kiến nhiều sự kiện lịch sử đáng nhớ: Thực dân Pháp đánh phá Nam Bộ, càn quét, bắn giết cán bộ, Nhân dân, người bác ruột của cậu bị giặc giết hại, thả xác xuống sông. Những người nông dân thật thà, chất phác bên sông Đồng Nai đã kiên cường đứng lên chống ngoại xâm bằng tất cả sức mạnh của truyền thống yêu nước, căm thù giặc: “Chúng bị chết nhiều tên và ta thu được nhiều súng đạn, chúng chỉ chạy thoát được vài ba tên”. Huỳnh Ngọc Ẩn từng chứng kiến các chú cán bộ đánh cá trên sông Đồng Nai, bắt được con cá dài gần 1,5m và nặng tới nửa tạ để chiêu đãi cha cậu, một cán bộ đặc biệt. Ngày 2/9/1945, cậu được ríu rít đi bên cha, tay cầm lá cờ đỏ sao vàng hòa vào dòng người hân hoan chào đón ngày độc lập đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa...

Tuổi nhỏ cơ hàn, Huỳnh Ngọc Ẩn sớm biết phụ mẹ nuôi em bằng nhiều “nghề”: đi chợ Biên Hòa bán chuối, dừa, đu đủ... rồi đến chăn trâu, làm phụ hồ. Cậu từng may mắn sống sót cùng... hai con trâu trong trận lụt lịch sử năm Nhâm Thìn 1952. Trong những câu chuyện rủ rủ, miên man, không theo trình tự thời gian của Huỳnh Ngọc Ẩn có vô số chi tiết sống động về cuộc sống những năm 40 - 50 thế kỷ trước. Dưới gót giày của thực dân Pháp, cuộc sống ấy đầy rẫy chết chóc, nhọc nhằn, bất an mà mẹ tác giả đã đúc kết trong câu nói với con trai: “Nước mất nhà tan là vậy đó con”.

Kỷ niệm khắc cốt ghi tâm với ông bà nội ngoại, với ba má, chị Hai, bạn bè, đồng đội, người thân của mình được Huỳnh Ngọc Ẩn kể lại tỉ mỉ, gửi gắm rất nhiều tình thương yêu trong từng câu chữ. Chàng trai nông dân Nam Bộ Huỳnh Ngọc Ẩn có một tâm hồn phong phú, nhạy cảm, giàu tình yêu thương nên qua lời kể của ông, quê hương, đặc biệt là người thân hiện lên mỗi người một vẻ, với những nét riêng, người nào cũng gây xúc động. Đó là bà nội hay ca cẩm vì thương cháu cơ cực thiếu thốn, là người mẹ tảo tần có chồng theo kháng chiến và bị tù đầy phải một nắng hai sương cây cuốc, cấy trồng nuôi con, là chú Bảy Đua bị giặc bắn chết rồi còn bị chúng tạo dáng ngồi cầm điếu thuốc lá... Tác giả nhớ nằm lòng những lần được ông nội đưa đi chơi, nhớ món chuối ép khô và dọc khoai môn muối chua của bà nội, lá thư viết tay gửi bà nội giấu trong rổ may... Tất cả những sự kiện, những biến cố lớn nhỏ của cuộc đời được giải bày một cách chân thực, mộc mạc, có sao nói vậy khiến văn chương của Huỳnh Ngọc Ẩn toát lên vẻ đẹp rất riêng, vẻ đẹp của sự chân chất, thuần hậu.

Huỳnh Ngọc Ẩn là một trong số gần 32.000 học sinh miền Nam tập kết. Ông đã có những ngày sống trong tình yêu thương của đồng bào miền Bắc thời kỳ còn vô vàn thiếu thốn, gian khổ. Nhưng dù được nuôi dưỡng, đùm bọc, Huỳnh Ngọc Ẩn vẫn không phút giây nào nguôi nhớ về quê nhà. Cậu bé học lớp 7G nhận được tin cha bị địch sát hại đã trốn giờ nghỉ trưa, chui vào lớp học, một mình ngồi khóc... Sau ngày cha bị địch giết hại, Huỳnh Ngọc Ẩn nung nấu ý định nhập ngũ, khát khao được trở về Nam chiến đấu, rồi ông trở thành một kỹ sư thủy lợi giỏi, có đóng góp quan trọng cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất Bắc. Trong tuyển tập sáng tác, ông nhắc đến tên rất nhiều người, nhiều sự kiện, cho thấy tuổi trẻ của ông khá sôi nổi, nhiều màu sắc, không ít biến cố và ngập tràn cảm xúc. Chuyện tình yêu và hôn nhân của ông với cô giáo Trần Thị Kim Chung là “mối duyên kỳ ngộ” giữa chàng trai Nam Bộ với cô gái Bắc Bộ, một bản tình ca tuyệt đẹp về sự thủy chung, bền chặt của tình vợ chồng dài hơn nửa thế kỷ rất đáng ngưỡng mộ.

Sau mấy chục năm sống ở Hà Nội, Hải Phòng, Thanh Hóa... được Nhà nước nuôi dưỡng, giáo dục và trưởng thành, năm 1974, Huỳnh Ngọc Ẩn “đi B” và may mắn trở về công tác ngay tại quê hương mình. Những trang sáng tác của ông về thời gian là quân tình nguyện trên đất bạn Campuchia, những ngày tháng công tác tại Chiến khu Đ, về Chi đội 10 anh hùng, về bức chân dung do họa sĩ Huỳnh Phương Đông vẽ, sự kiện con cộp ba móng hung dữ từng ăn thịt nhiều người bị bộ đội đặt mìn giết chết, gia đình thi tướng Huỳnh Văn Nghệ còn giữ răng và móng của con ác

thú... là những trang cảm động và chứa đựng những tư liệu lịch sử quý giá.

Phần thơ được ông Huỳnh Ngọc Ẩn đặt tựa “Tiếng lòng tôi với quê hương” gồm hơn 40 bài, mở đầu bằng những câu thơ khiến người ta rớm lệ:

*Thơ tôi tiếng của lòng tôi
Chở yêu thương với buồn vui cuộc đời
Những năm đất nước cắt rời
Đêm Nam ngày Bắc bồi bồi nhớ mong*
(Tiếng lòng tôi với quê hương)

Điểm tựa cho thơ của Huỳnh Ngọc Ẩn là cuộc kháng chiến vĩ đại của cả dân tộc trong đó gia đình ông, làng quê của ông đã hiến dâng những gì tốt đẹp nhất cho cách mạng, với niềm tin vững chắc sẽ có ngày hòa bình, thống nhất Tổ quốc:

*Hai tiếng miền Nam đêm ngày vang vọng
Rộn rã tìm ta như trông giục lên đường
Đồng đội hẹn nhau sẵn sàng đợi lệnh
Cùng trở về giải phóng quê hương*
(Tiếng gọi quê hương)

Giống như tất cả những người con miền Nam xa xứ, Huỳnh Ngọc Ẩn sống trong hoài niệm, lấy thơ làm phương tiện để ký thác, gửi gắm nỗi nhớ về quê hương, người thân, mái trường thời thơ ấu, bạn bè đồng chí... Thơ ông chân thực, hồn nhiên như thơ ca dân gian, không đa dạng về hình thức, ý, lời đều bình dị, mộc mạc, dễ hiểu, dễ cảm nhận. Có lẽ khi viết ra những câu thơ, ông không quan

tâm đến những yếu tố gọi là “kỹ thuật”, không bận lòng về “hình tượng thơ”, chỉ muốn dùng ngôn ngữ chuyển tải những thổn thức trào dâng trong trái tim luôn hướng về quê cha đất tổ:

*Giữa rừng ngòi ước ngày mai
Ngày mai hết giấc tương lai huy hoàng*
(Giữa chiến trường nhớ vợ con)

Huỳnh Ngọc Ẩn viết nhiều về ngôi trường học sinh miền Nam trên đất cảng Hải Phòng, về thầy cô giáo và bạn đồng môn. Hơn bốn mươi bài thơ, tất cả đều là những lời tâm tình giản dị, câu chữ không hoa mỹ, không bóng bẩy nhưng lại khiến bạn đọc xúc động bởi sự chân thật xuất phát từ đáy lòng:

*Bốn ngàn ngày sống trên đất Bắc
Không đêm nào không nhớ quê hương...
Hai tiếng miền Nam đêm ngày vang vọng
Rộn rã tim ta như trống giục lên đường*
(Tiếng gọi quê hương)

Và cũng giống như hầu hết người làm thơ khác, những bài viết về gia đình, cha mẹ, vợ con của Huỳnh Ngọc Ẩn luôn là những bài “gan ruột” giàu cảm xúc nhất và có sức lay động lòng người. Nổi nhớ vợ con được ông thể hiện đầy ưu tư, khắc khoải:

*Thương con còn tuổi đưa nô
Lo mùa trở rét, lo trời heo may*
(Giữa chiến trường, nhớ vợ con)

Hay khi nhìn bức ảnh gia đình, tâm trạng ông đan xen cả niềm vui lẫn nỗi buồn, hình ảnh những người thân yêu với quê hương xa vời hòa chung làm một:

*Mỗi khi xem bức ảnh gia đình
Lòng tôi như ánh lửa lung linh
Nâng bức ảnh áp lên lồng ngực
Thấy cả quê hương nặng nghĩa tình*

(Bức ảnh gia đình)

Đọc thơ Huỳnh Ngọc Ẩn, người ta nhận ra ông làm thơ trong mọi hoàn cảnh, cuộc sống riêng với những biến cố thăng trầm, đầy ắp nỗi niềm đã khơi nguồn cảm hứng cho thơ ông. Và tôi tin, ông làm thơ không phải để khẳng định “cái tôi” của mình trong văn chương mà chỉ là mượn loại hình nghệ thuật ngôn từ giàu chất trữ tình để thổ lộ thế giới tâm hồn phong phú, ẩn sâu bên trong ông.

Có thể Tuyển tập sáng tác của Huỳnh Ngọc Ẩn chưa thật lôi cuốn, hấp dẫn nếu xét ở khía cạnh một tác phẩm văn học. Nhưng với rất nhiều sự kiện được ghi chép tỉ mỉ, cẩn thận, Tuyển tập góp phần lưu giữ ký ức quý giá về một thời kỳ lịch sử bi tráng của miền Đông Nam Bộ nói riêng, đất nước Việt Nam nói chung.

Với cảm nhận của riêng tôi, thơ văn của ông Huỳnh Ngọc Ẩn mang giá trị viên ngọc thô chưa mài giũa, dù còn sù sì góc cạnh nhưng vẫn lấp lánh sắc màu...

Đồng Nai, tháng 3 năm 2025

LỜI NGÓ

Từ nhỏ đến lớn, tôi được nuôi dạy và lớn lên trong một gia đình cách mạng. Cha tham gia cách mạng từ những năm tôi hãy còn nhỏ, khi tôi biết được thì Cách mạng tháng Tám 1945 đã thành công. Gia đình tôi ở vùng địch tạm chiếm, bản thân được nhìn thấy những bắt công, bắn giết, khảo tra, cùm kẹp và ngược đãi của địch đã đối xử với các chiến sĩ cách mạng không may bị sa vào tay chúng. Gia đình tôi cũng nằm trong diện chúng đàn áp, bắt bố làm cho tôi thêm căm thù địch và yêu quý cách mạng. Tôi ao ước được mau lớn để được tham gia công tác cách mạng.

Trong kháng chiến chống Pháp, gia đình tôi là gia đình cách mạng nên bị địch khủng bố, phải di tản lên Chiến khu Đ và từ đó tôi được tham gia làm công tác liên lạc cho cơ quan. Tôi hiểu và giác ngộ cách mạng từ đó...

Khi được tập kết ra Bắc, học ở các trường học sinh miền Nam, tôi luôn cố gắng học tập và rèn luyện tư cách đạo đức tốt, được thầy yêu bạn quý, là hạt nhân đoàn kết các vùng, miền.

Từ lúc trở thành anh “bộ đội Cụ Hồ”, tôi luôn là người lính “đầu tàu”, được đồng đội yêu quý, cấp trên tin tưởng giao nhiệm vụ là người thầy dạy văn hóa lớp 5 (cấp 2) cho

anh em bộ đội, mặc dù tôi chưa qua đào tạo sư phạm và được tổ chức Đảng đưa vào đối tượng kết nạp Đảng của đơn vị.

Năm 1962, đơn vị bộ đội Sư đoàn 330 (bộ đội miền Nam) cử tôi đi thi vào Đại học Thủy lợi Hà Nội, tôi đã thi đậu trong số khoảng 50/100 người dự thi, được Trường Đại học gửi theo học Trường Bổ túc Văn hóa Công nông Trung ương (1962 - 1963) và tôi vinh dự được kết nạp Đảng trong khi còn là sinh viên.

Đầu năm 1968, tôi được được về Nam Hà⁽¹⁾ nhận công tác, xây dựng hậu phương miền Bắc. Quý III năm 1974, tôi được nhận quyết định đi B về miền Nam chiến đấu, được Bộ Thủy lợi giao quân cho Bộ Quốc phòng để tập trung huấn luyện ở Trường 105 Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Theo kế hoạch, chúng tôi phải huấn luyện ba tháng, sau đó rút xuống còn một tháng thì lên đường. Đoàn hành quân bằng xe tải, sau gần một tháng đã về đến Lộc Ninh - vùng giải phóng thuộc tỉnh Bình Phước.

Đầu năm 1973, ta ém quân trên Trường Sơn, chuẩn bị cho Chiến dịch mùa Xuân năm 1975 lịch sử. Kế hoạch mở hai trường đào tạo trung cấp Thủy lợi và Nông nghiệp tạm gác lại. Các cán bộ được phân công về các quân khu (mật danh T1, T2, T3, T4, T6) như: T1 (Tây Ninh, Bình Dương, Bình Long, Phước Long, Phước Thành, Biên Hòa và Bà Rịa); T4 (Sài Gòn - Gia Định); T3 (Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Sóc Trăng (thêm phần Bạc Liêu), Rạch Giá và Cà Mau). Tôi

(1) Nam Hà là một tỉnh cũ thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng tồn tại trong hai giai đoạn 1965-1975 và 1991-1996.

làm Tổ trưởng tổ cán bộ thủy lợi được phân công về T1 - làm việc ở Sở Nông lâm Đông Nam Bộ do đồng chí Ba Hà quê Tiền Giang làm Giám đốc Sở.

Ngày 10/03/1975, quân ta tấn công và giải phóng Buôn Ma Thuột, mở màn cho chiến dịch Tây Nguyên, tạo bước ngoặt quan trọng, làm thay đổi cục diện chiến trường, để Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định mở Chiến dịch Hồ Chí Minh, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước vào mùa Xuân năm 1975.

Đầu năm 1976, khu Đông Nam Bộ thành lập hai tỉnh: Đồng Nai và Sông Bé. Đồng chí Ba Hà về làm Phó chủ tịch tỉnh Sông Bé. Tôi và đồng chí Năm Bình cùng một số đồng chí về công tác tại tỉnh Đồng Nai. Tỉnh Đồng Nai sớm thành lập Ty Nông nghiệp - Thủy lợi, lúc đó đồng chí Năm Bình và đồng chí Sáu Hải làm Phó Ty Nông nghiệp - Thủy lợi; đồng chí Tư Nghiệp, quê Bà Rịa làm Trưởng Ty Nông nghiệp - Thủy lợi. Tôi được phân công làm Trưởng phòng Thủy lợi thuộc Ty Nông nghiệp - Thủy lợi.

Đầu tháng 7/1976, Phòng Thủy lợi tách ra thành lập Ty Thủy lợi. Ngành Thủy lợi tập trung cơ sở vật chất để phục vụ sản xuất nông nghiệp như: xây dựng các đập dâng trên suối; trạm bơm dầu; bơm điện; kênh mương; hồ chứa nước...

Ngày 07/01/1979, quân đội ta giúp nhân dân Campuchia đánh đổ chế độ diệt chủng bạo tàn do Pol Pot cầm đầu. Trung ương chỉ đạo tỉnh Đồng Nai kết nghĩa tỉnh KampongThom để giúp đỡ nhân dân Campuchia. Về thủy lợi, tôi cùng anh em thay phiên đi công tác ở KampongThom để xây dựng công trình thủy lợi và đào tạo cán bộ sơ cấp và công nhân máy cho nước bạn. Mỗi lần đi công tác ở nước

bạn là một lần ra chiến trường nhưng cuối cùng chúng tôi đều hoàn thành nhiệm vụ và trở về an toàn.

Quá trình từ một cậu bé liên lạc, tôi đã trở thành một người lính, trở thành một kỹ sư, một đảng viên của Đảng. Tôi luôn cố gắng phấn đấu học tập, rèn luyện để trở thành người lính tốt, người Đảng viên “vừa hồng, vừa chuyên” phục vụ cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc./.

Huyền Ngọc Ẩn







*Chiến khu Đ
Ra đi để trở về*



Những câu chuyện đáng nhớ về ông nội

Trước năm 1945, tôi còn đi học lớp 1 trường làng. Một ngày kia, tôi nhớ trời mát mẻ, có lẽ là đầu mùa mưa, ông nội tôi vốn là một người có uy tín trong làng đi cúng đình. Trong giờ ra chơi, thầy Nở nhìn thấy ông tôi đi qua trường học. Thầy bảo tôi: “Àn ơi!”. Tôi dạ: “Thưa thầy!”. “Ông nội con đi cúng đình”. Tôi nhanh nhẹn, lễ phép xin thầy, “Thưa thầy! Cho phép con đi chơi với nội, xem cúng đình!”. Thầy gật đầu và bảo: “Con gói sách vở cho bạn rồi đi đi!”. Tôi chạy vào lớp gói sách vở cho bạn, rồi chạy theo nội.

Tôi chạy theo nội: “Thưa nội, thầy giáo cho con đi xem cúng đình!”. Được ông cho phép, tôi rất vui. Ông nội lần trong bóp da ở thắt lưng lấy cho tôi một cắc (một hào) bằng kim loại. Đối với tôi, đây là một số tiền lớn lần đầu tôi được cầm. Xung quanh đình làng Tân Trạch ngày ấy như một cái chợ rất đông vui!... Có người bán xoài, có người bán cháo cá, có người bán cà lem cây. Tôi muốn ăn kem, nhưng nhiều người mua quá, tôi thì thấp nhỏ không thể mua được nên nhờ một anh lớn, không quen mua 2 xu kem, chia làm hai, tôi một nửa và anh ấy một nửa. Sau đó, tôi đi ăn cháo cá và rồi lại mua xoài ăn... Tôi được nội cho tiền chiêu đãi một bữa nhớ suốt đời.

Ngày hội cúng đình ở quê, tôi còn được xem hát bội. Vì ông phải đảm nhận việc cúng đình, nên tôi tự lo cho mình.

Năm 1946, quân Pháp lập đồn bót và lập hội tề ở làng tôi. Chúng bắt ông nội tôi - Huỳnh Hữu Giao phải làm việc cho chúng và không được từ chối!...

Tối hôm đó, Việt Minh bắt ông nội tôi đi. Sáng hôm sau, bác Hai tôi cho người xuống đồn báo với trưởng đồn là tối qua, Việt Minh về bắt ông rồi. Khi đồn trưởng và lính Pháp lên nhà thì cả nhà đều khóc bảo là Việt Minh bắt đưa ông tôi đi đâu không biết.

Gần cả tháng, không thấy ông nội về. Sau đó, một hôm tôi thấy ông về nhà vào ban đêm, cơm nước và ngủ. Ban ngày, ông lánh mặt không tiếp xúc với người ngoài.

Khoảng cuối năm 1948, từ vùng tạm chiếm ở làng, ông nội lên Chiến khu Đ thăm ba tôi. Ông tôi tự đi một mình, có người đưa đồ qua sông để lên xã Tân Hòa, Mỹ Lộc - nơi ba tôi đóng quân và làm việc ở đó. Lúc đó, ba tôi gửi tôi ở cơ quan Hội Nông dân Cứu quốc tỉnh Biên Hòa, ở xã Mỹ Lộc. Khi ông tôi tới đó, ông cháu gặp nhau rất mừng. Ba tôi bận họp ở tỉnh. Các chú ở Hội Nông dân bảo tôi: “Cháu vào báo với cha là có ông nội mới lên thăm”. Tôi vào nơi đóng quân của Ủy ban hành chánh tỉnh, Công an tỉnh nơi có cuộc họp quan trọng báo tin cho ba tôi biết. Lúc đó là giờ nghỉ giải lao, bạn của ba là: bác Ba Thuận (Phạm Văn Thuận) bảo tôi: “Con ra nói với nội: Ba con và các bác bạn của ba con mời ông nội vào Ty Công an tỉnh Biên Hòa nơi ba và các bác đang họp”. Gần một tiếng sau, tôi đưa ông nội vào chỗ các bác và ba đang họp, lúc này gần 5 giờ chiều cũng là giờ nghỉ. Ba và các bác rất mừng vì có ông nội đến thăm.

Nội được chào đón, coi như khách quý của các bác - bạn của ba. Trong hội nghị, tôi biết còn có bác Ba Bang - Trương Văn Bang - Bí thư Xứ ủy Nam kỳ, Bí thư Tỉnh ủy lâm thời Biên Hòa.

Trong Hội nghị hôm ấy, lực lượng hậu cần Ty Công an, cử một tổ đi đánh cá ở sông Đồng Nai và bắt được một con cá đao nặng chừng 50kg, dài gần 1,5m. Con cá đao được chế biến thành nhiều món ăn trong Hội nghị. Ba tôi và đồng đội của ba chiêu đãi vị khách đặc biệt là ông nội tôi - ông Huỳnh Hữu Giao ở Chiến khu Đ một bữa cơm rất sang trọng.

Tôi đi dự ngày lễ độc lập đầu tiên

Ngày ấy, ba tôi là một trong số Đảng viên tiên khởi nghĩa huy động lực lượng cướp chính quyền ở tỉnh Biên Hòa. Sau đó huy động lực lượng Thanh niên Tiền phong đi dự lễ độc lập tại thị xã Biên Hòa ngày 2/9/1945. Ngoài ra, lực lượng Thanh niên Tiền phong của tỉnh còn giao cho huyện Xuân Lộc cử 300 Thanh niên về Sài Gòn biểu dương lực lượng và dự lễ độc lập tại Sài Gòn do đồng chí Lê Ngọc Liệu chỉ huy⁽¹⁾.

Trung đội Thanh niên Tiền phong làng Tân Trạch do Đảng lãnh đạo về biểu dương lực lượng và dự lễ độc lập tại thị xã Biên Hòa do anh Hai Nữ chỉ huy, ba tôi làm chính trị viên.

Từ 3 giờ 30 phút sáng 2/9/1945, lực lượng của ta đã đi đò Võ Sa sang đường 24 để đi Biên Hòa, Một điều đáng nhớ là quân Nhật còn đóng quân ở sân bay Biên Hòa, vì thế muốn xuống thị xã Biên Hòa chỉ có một đường duy nhất

(1) Sau này, đồng chí Lê Ngọc Liệu là Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến huyện Xuân Lộc rồi làm Chánh Văn phòng Tỉnh ủy Biên Hòa năm 1950. Năm 1951 - 1954, Trung ương Cục miền Nam phân chia lại chiến trường Nam Bộ, sáp nhập 2 tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa thành tỉnh Thủ Biên, đồng chí làm Phó Văn phòng Tỉnh ủy Thủ Biên.

đi là đi ngang qua khu vực sân bay Biên Hòa. Ba tôi phải thỏa thuận với quân Nhật là mở cổng đường vào sân bay để đoàn quân đi xuống thị xã Biên Hòa ở ngã ba Dốc Sỏi⁽¹⁾ xuống tới thị xã thì trời vừa hửng sáng.

Ngày ấy tôi vừa tròn 9 tuổi. Tôi đi cùng với ông nội ngoài đoàn quân.

Tôi còn nhớ Trung đội Thanh niên Tiền phong mỗi người mang một cây gậy tầm vông vạt nhọn dài 1.5m, bên hông đeo một cuộn dây thừng, mục đích khi đánh giặc bắt được tù binh thì trói lại. Vũ khí của đơn vị chỉ là cây tầm vông. Trên tay tôi và ông nội cầm lá cờ đỏ sao vàng nhỏ vậy chào đoàn quân diễu hành. Cả tỉnh Biên Hòa chỉ có vài trung đội là có súng, còn lại chỉ có gậy tầm vông và một số cây mã tấu. Tuy vậy, đoàn quân đi rất hùng dũng, khí thế lắm. Sau đợt diễu hành tất cả tập trung về quảng trường Sông Phố. Đồng chí Hoàng Minh Châu - Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời đọc diễn văn về ngày lễ độc lập trên mảnh đất Biên Hòa.

Sau lễ mít tinh, các đơn vị trở về quê. Tôi về đến nhà, hơn 2 giờ chiều tuy đói và mệt nhưng trong lòng rất phấn chấn, vui vẻ.

(1) Bây giờ là cổng 2 sân bay Biên Hòa.

Viết lại những điều không quên

Nếu không kể lại, chắc thế hệ đời sau không được biết.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 thực dân Pháp xâm lược nước ta một lần nữa. Ngày 23/9/1945, quân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn. Nhân dân Nam Bộ bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp. Sau đó, bộ đội từ Bắc nam tiến để cùng nhân dân Nam Bộ đánh giặc.

Nhưng thị xã Biên Hòa vẫn bị giặc chiếm, Ủy ban nhân dân tỉnh Biên Hòa phải sơ tán về cù lao Mỹ Quới ở làng Tân Trạch quê tôi và mượn nhà của ông nội tôi, ông Huỳnh Hữu Giao làm Văn phòng.

Ngày đó, quyền Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Biên Hòa là ông Hoàng Bá Bích là cha của Hoàng Kim Chung trong kháng chiến chống Pháp. Anh Trung có quân hàm Đại tá và có bút danh nhà văn quân đội là “nhà văn Kim Chung”. Ngày 6/1/1946, nhân dân ta nô nức tham gia bầu cử Quốc dân đại hội (Quốc hội) khóa đầu tiên. Một trong ba đại biểu của đơn vị tỉnh Biên Hòa đắc cử là ông Hoàng Minh Châu, Chủ tịch tỉnh Biên Hòa.

Trên đường đi họp Quốc hội, ông Hoàng Minh Châu bị giặc bắt và tra tấn dã man. Sau đó, trước phản ứng mạnh mẽ của công luận, thực dân Pháp thả ông. Năm 1948, ông mất tại Bệnh viện kháng chiến tỉnh Vĩnh Long ở tuổi 37.

Như vậy, là vào thời gian này ngay trong nhà ông Huỳnh Hữu Giao có đến hai ông Chủ tịch: một ông quyền Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh là ông Hoàng Bá Bích, còn một ông Chủ tịch nữa do dân bầu là Huỳnh Hữu Giao, Chủ tịch xã Mỹ Quới, bây giờ là xã Bạch Đằng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Ngày 15/3/1946, ông Hoàng Bá Bích hy sinh tại Chiến khu Đ.

Ủy ban nhân dân tỉnh Biên Hòa, sơ tán và hoạt động ở địa điểm nhà ông nội tôi khoảng 2 tháng thì di dời đến địa điểm mới mà tôi không được biết.

Năm 2000, tỉnh Đồng Nai đã khánh thành khu di tích lịch sử cách mạng ở xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, nơi thành lập Chi bộ Đảng Bình Phước - Tân Triều (02/1935) và Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hòa (02/1937). Chủ trì cuộc họp ngày đó có đồng chí Phan Văn Trang, Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai và ông Đoàn Thạnh, Bí thư Huyện ủy huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Các đại biểu được mời có tôi và anh Hoàng Minh Chánh, con trai của nguyên Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh đầu tiên là ông Hoàng Minh Châu, đại biểu Quốc hội khóa đầu tiên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Bác Hồ làm Chủ tịch nước.

Trong thời gian năm 1930-1935, Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng đầu tiên được thành lập với tên gọi Chi bộ Phú Riềng. Khu đồn điền Cao su Phú Riềng thuộc tỉnh Biên

Hòa. Một chi bộ nữa là Chi bộ Mỹ Lộc, được thành lập sau đó một vài tháng.

Trong lịch sử hình thành và phát triển của Đảng bộ Đồng Nai, Chi bộ Bình Phước - Tân Triều (nay thuộc xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu) giữ vai trò lịch sử rất quan trọng. Đó không chỉ là tổ chức Đảng Cộng sản hình thành đầu tiên ở Biên Hòa, mà còn là nơi huấn luyện, đào tạo nhiều cán bộ đảng viên lãnh đạo cho tỉnh; đồng thời là hạt nhân để xây dựng Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hòa tháng 2/1937. Chi bộ Bình Phước - Tân Triều là một dấu son trong lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Nai.

Ba tôi, Huỳnh Văn Lũy được kết nạp từ một chi bộ ở tỉnh Gia Định, sau được chuyển về sinh hoạt ở Chi bộ Bình Phước - Tân Triều. Sau đó, ba tôi được Chi bộ Bình Phước - Tân Triều phân công về xây dựng chi bộ Đảng ở cù lao Mỹ Quới thời kỳ chống Pháp. Địa bàn này giờ đây thuộc xã Bạch Đằng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Giặc dữ đến quê hương

Cuối năm 1946, giặc từ bót Tân Ba hành quân bằng thuyền tam bản lên làng An Chu, Cù lao Mỹ Quới bắt ông Hương cả Quý kết tội ông có vũ khí, lựu đạn chôn trong nhà. Biết tin, du kích Mỹ Quới chuẩn bị lựu đạn đón đánh địch khi chúng xuống ghe tam bản đổ về Tân Ba. Kết quả, quân địch bị chết nhiều tên và ta thu được nhiều súng đạn, chúng chỉ chạy thoát được vài ba tên.

Đầu năm 1947, địch mở các cuộc hành quân lớn để trả thù và đóng đồn bót ở đây. Chúng xuất phát từ phía dưới cù lao đi lên. Đầu tiên, chúng bắt ông Hai Kỷ, ông bị bệnh không đi được. Tên sỹ quan lính lê dương nói bằng tiếng Pháp: “Mày không đi được thì tao giết mày”. Ông Hai Kỷ kêu: “Thím Bảy ơi!”⁽¹⁾. Tên sỹ quan bắt ông Hai Kỷ nằm xuống và chặt đầu ông chỉ còn dính chút da ở cổ, sau đó hắt lên nhà bác Hai. Bác Hai đang bị bệnh nên bị bắt. Tên này lục trong ngăn kéo tủ thấy có tờ báo *Dân chúng* bằng tiếng Pháp⁽²⁾, ngoài ra còn có giấy Hồng đơn màu đỏ. Nó

(1) Bà Bảy Súng, nhà ở cạnh đó.

(2) Tờ báo của Đảng Cộng sản Đông Dương được xuất bản ở Sài Gòn có trụ sở đặt tại số 43, đường Hamelin (sau này là đường Lê Thị Hồng Gấm, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP. Hồ Chí Minh).

cho là nền cờ đỏ (tuy không có sao vàng). Nó đánh bác Hai tôi và nói:

- Mày là Cộng sản.

Trưa hôm đó, tên này đưa bác Hai tôi lên Điều Hòa và tách riêng bác Hai khỏi những người bị bắt, sau đó tàn ác bắn bác Hai tôi bên bờ sông và lôi xác bác xuống sông.

Chiều hôm ấy, chúng lần lượt thả những người bị bắt. Cả nhà tôi rất sốt ruột vì bác Hai tôi chưa được thả về. Mãi đến 5 giờ chiều, có người nhà bà Tám⁽¹⁾ cầm thẻ căn cước chạy xuống báo tin dữ là bác Hai tôi đã bị giặc bắn chết, lôi xác bỏ xuống sông. Dân làng đã vớt xác bác Hai tôi lên, trong túi bác có thẻ căn cước dán ảnh chân dung. Đêm đó, thi hài bác tôi đã được đưa về nhà, cả nhà đều khóc vì mất mát quá lớn. Ba tôi cũng đã về và khóc thảm bên thi hài của người anh duy nhất.

Sau đó, giặc đóng bót ở đình làng Tân Trạch. Hàng ngày, chúng hành quân vào các làng trong Cù lao bắt thanh niên chúng cho là Việt Minh, đánh đập, tra khảo, sau đó cứ mỗi đêm chúng chặt đầu 2 - 3 người uy hiếp tinh thần. Dao phủ của bót này có 2 tên: Chín Rực là thầy đội và Năm Mạo là cai đội. Hai tên đao phủ hành động theo sự chỉ đạo của tên sỹ quan Pháp.

Dân làng Cù lao Mỹ Quới bị giặc tàn ác sát hại hàng trăm người, xác trôi lềnh bềnh trên sông ngày ấy.

(1) Bà cô tôi lấy chồng ở Điều Hoà.

Chiến khu Đ quê tôi

Chiến khu Đ được bộ đội Quân khu 7 xây dựng từ thời kháng chiến chống Pháp với mốc lịch sử là ngày Nam Bộ kháng chiến (ngày 23/09/1945) với bài hát: *“Mùa thu rồi ngày 23, ta đi theo tiếng kêu sơn hà nguy biến, rền khắp trời lời hoan hô. Dân phương Nam nhịp chân tiến ra trận tiền...”*

Ngay sau đó, chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Bộ Quốc phòng còn non trẻ của ta ở Hà Nội đã tổ chức bộ đội từ các tỉnh miền Bắc hành quân Nam tiến để cùng với quân dân Nam Bộ đánh quân đội Pháp xâm lược.

Ban đầu Chiến khu Đ chỉ có 5 xã phía Bắc huyện Tân Uyên: Tân Hòa, Tân Tịnh, Thường Lang, Lạc An và xã Mỹ Lộc. Về sau, Chiến khu Đ được mở rộng thêm.

Ngay từ thời kỳ đó, quân đội Quân khu 7 đã có tầm nhìn chiến lược đưa ra quyết tâm giành thắng lợi cuối cùng đối với giặc là: “Chiến khu Đ còn; Sài Gòn mất”.

Để mở rộng địa bàn Chiến khu Đ, trong kháng chiến chống Pháp, Tỉnh ủy và chính quyền tỉnh Biên Hòa đã thành lập huyện Sông Bé, gồm các buôn làng người dân tộc ít người ở vùng rừng núi phía Bắc tỉnh. Về sau này tôi được biết là các xã Lý Lịch, Tà Lài, Bù Cháp 1, Bù Cháp 2,...

Khoảng đầu năm 1948, tỉnh đã cử đồng chí Nguyễn Văn Long lên huyện Sông Bé làm Chủ tịch huyện. Đồng chí Hai Long đã trực tiếp làm việc với các già làng ở vùng này, về sau tôi được biết các già làng là ông Năm Nổi ở Lý Lịch; ông K'Lu ở Bù Cháp, ông Hai Gõ ở Tà Lài,...

Trong thời gian làm Chủ tịch huyện Sông Bé, có một già làng ở vùng này đã gả con gái cho ông Chủ tịch huyện Hai Long, Huyện đội trưởng là chú Trần Liên Xô trong năm 1954 đi tập kết. Chú là Thượng úy ở phòng hậu cần Sư đoàn 330.

Năm 1949, khi tôi còn là cậu bé liên lạc ở Văn phòng Ủy ban tỉnh Biên Hòa có gặp chú Long, Chủ tịch huyện Sông Bé; khi chú về Ủy ban tỉnh Biên Hòa làm việc, thời gian đó Ủy ban tỉnh đóng quân ở xã Mỹ Lộc huyện Tân Uyên.

Như vậy, Chiến khu Đ được mở rộng lên giáp tỉnh Lâm Đồng vùng ngã ba sông Đa Huoai (Lâm Đồng), thượng nguồn sông Đồng Nai.

Sau ngày 30/04/1975, tôi được về tiếp quản Biên Hòa, đã được gặp lại hai vợ chồng chú Hai Long vẫn còn sống ở phường Trung Dũng thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Năm 1953 đến đầu năm 1954, cuộc chiến giữa ta và thực dân Pháp đã đến hồi kết thúc. Quân ta và Pháp đã có cuộc đọ sức quyết liệt, một mất một còn ở mặt trận Điện Biên Phủ. Trong khi đó, cộng đồng quốc tế đã có cuộc họp

ở Hội nghị Genève ở Thụy Sĩ để bàn việc kết thúc chiến tranh ở Việt Nam.

Ngày 7/5/1954, quân ta đã tiêu diệt được cứ điểm Điện Biên Phủ bắt sống tướng De Castries và Bộ Tham mưu của Pháp ở cứ điểm Điện Biên Phủ.

Sau đó ngày 20/7/1954, Hiệp định Genève được ký kết ở Thụy Sĩ. Nước ta tạm chia cắt hai miền, lấy vĩ tuyến 17 sông Bến Hải làm ranh giới tạm thời giữa hai miền. Quân ta tập kết về miền Bắc, quân Pháp tập kết phía miền Nam. Theo Hiệp định, sau 2 năm hai miền sẽ Hội nghị hiệp thương và tiến hành tổng tuyển cử, thống nhất đất nước.

Nhưng âm mưu của đế quốc Mỹ muốn chia cắt lâu dài đất nước ta, nên Mỹ đã dần thay thế Pháp để thực hiện âm mưu biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa mới của Mỹ. Ngày 7/7/1954, Mỹ đưa Ngô Đình Diệm về làm Thủ tướng miền Nam Việt Nam. Được sự trợ giúp mạnh mẽ của Mỹ, Ngô Đình Diệm ra sức đàn áp đồng bào ta ở miền Nam. Chúng trả thù những người kháng chiến cũ, giết hại và bỏ tù những người yêu nước ở miền Nam.

Theo quy luật phát triển xã hội “Có áp bức thì có đấu tranh”, đồng bào và quân đội ta ở miền Nam với sự chi viện sức người, sức của của đồng bào ta ở miền Bắc, ta đã bền bỉ chiến đấu suốt 21 năm mới giành được độc lập thống nhất đất nước.

Để thắng được 1/2 triệu quân Mỹ và các nước chư hầu của Mỹ như: Úc, Thái Lan, Tân Tây Lan, Nam Triều Tiên và một triệu quân đội Sài Gòn với vũ khí hiện đại như: tàu chiến, máy bay, kể cả máy bay chiến lược B52, ta quyết đánh đến cùng, vừa đánh vừa đàm phán ở Hội nghị Paris

(Pháp). Suốt 3 năm (từ 1971 đến 1973), bằng sự bền bỉ ta đã ký kết được Hiệp định Paris năm 1973, quân Mỹ phải cuốn cờ xuống tàu về nước.

Thực hiện được sự chỉ đạo của Bác Hồ với bài thơ chúc Tết của Bác năm 1968:

Đánh cho Mỹ cút, đánh cho nguy nhào

Tiến lên! Chiến sĩ đồng bào

Bắc - Nam sum họp xuân nào vui hơn

Từ thời điểm quân Mỹ rút quân, đến ngày quân đội ta giải phóng toàn miền Nam chỉ hơn một năm.

Năm 1954, theo nội dung của Hiệp định Genève, tôi xuống tàu đi tập kết từ cảng Gò Dầu ra cửa sông Lòng Tàu để lên tàu buôn của Pháp. Tàu chạy khoảng 1km thì thấy thành phố Vũng Tàu, tới ngày thứ 2 là ngày Quốc khánh 2/9/1954. Tới 2 giờ chiều ngày thứ 3 thì tàu cập bến Sầm Sơn ở Thanh Hóa. Đồng bào và học sinh ở tỉnh Thanh Hóa ra bến Sầm Sơn chào mừng bộ đội và đồng bào miền Nam tập kết. Gọi là đồng bào miền Nam nhưng thực ra chỉ có 2 trung đội thiếu sinh quân của tỉnh Thủ Biên và tỉnh Bà Rịa, mỗi trung đội chỉ đó 45 người.

Bộ đội và thiếu sinh quân được nghỉ ở nơi đón tiếp 3 ngày theo quy định. Sáng ngày thứ 2 có đồng chí Nguyễn Chí Thanh, Tổng cục Chính trị Bộ Quốc phòng đến thăm bộ đội và thiếu sinh quân. Sau khi thăm hỏi, đồng chí cho phép thiếu sinh quân ở trạm đón tiếp một tuần để được nghỉ ngơi, xem văn công và chiếu phim hàng đêm sau đó mới về nơi đóng quân.

20 năm tập kết ra miền Bắc, tôi đã được rèn luyện kỹ chiến thuật trong quân đội. Sau đó được học văn hóa hết cấp phổ thông và học Đại học Thủy lợi ở Hà Nội. Năm 1968, tốt nghiệp Đại học, tôi về Sở Thủy lợi Nam Hà công tác.

Năm 1974, tôi nhận được quyết định đi B từ Ban Thống nhất Trung ương. Cuối năm 1974, tôi về tới Trung ương Cục miền Nam, đơn vị đóng quân ở căn cứ Tà Thiết, thuộc tỉnh Bình Phước. Quân số anh em đi B, được Trung ương Cục phân công về các khu: T1 (Quân khu 7), T4 (Sài Gòn - Gia Định), T3 và T4 (quân khu miền Tây Nam Bộ).

Các quân khu cử cán bộ lên căn cứ Tà Thiết đón số cán bộ đã được phân công. Tôi và số anh em được về khu miền Đông được đồng chí Tám Tường đưa về căn cứ ở xã Lý Lịch, huyện Độc Lập, tỉnh Tân Phú. Tỉnh Tân Phú do Khu ủy Khu 7 mới thành lập từ đầu năm 1973. Lúc này, tỉnh Tân Phú gồm có bốn huyện:

Huyện Độc Lập ở Chiến khu Đ, quận Gia Tân, quận Gia Kiệm, quận Định Quán thuộc vùng địch kiểm soát.

Khi về T1 tôi và một số anh em cán bộ Thủy lợi và các cán bộ kỹ sư Nông nghiệp như đồng chí Năm Bình, đồng chí Sáu Hải được nhận công tác ở Sở Nông lâm Đông Nam Bộ do đồng chí Ba Hà làm Giám đốc Sở. Các đồng chí trong ban lãnh đạo Sở có đồng chí Tư Nghiệp, đồng chí Bảy Tửu (Thái Tửu).

Quân khu 7 có kế hoạch xây dựng nông trường Tà Lài, nên đồng chí Ba Hà đích thân đưa tổ cán bộ làm quy hoạch xuống hiện trường thuộc xã Tà Lài. Đoàn đã làm việc với đồng chí Hai Gõ, Bí thư kiêm Chủ tịch xã Tà Lài bố trí địa bàn đóng quân, để tiến hành nhiệm vụ được giao. Đồng

chí Hai Gõ giao cho con trai 7 tuổi dẫn tổ công tác chúng tôi đi chừng 2km qua một con suối nhỏ gần suối Vàm Hô, chỗ vạt rừng thấp. Chú bé chỉ: “Đây là chỗ ở của các bác”. Sau đó, chú bé tự đi về một mình, còn chúng tôi thì bắt đầu công việc chặt các cây nhỏ và quét lá cây rừng, dọn dẹp như nền nhà của mình. Sau đó, chọn cây để mắc võng nằm nghỉ lúc rảnh rỗi. Ngay ngày hôm sau, đồng chí Ba Hà, Giám đốc Sở Nông lâm Đông Nam Bộ đã có địa bàn và bản đồ địa hình khu vực quy hoạch, đưa anh em chúng tôi đi thực địa một vài nơi thuộc Nông trường Đà Lạt để nắm tình hình.

Có một sự việc đáng nhớ là trong đêm đầu tiên ở đây. Đồng chí Sử, kỹ sư nông nghiệp trong tổ quy hoạch của chúng tôi đã đi săn thú và bắn được một con nai ghé (nai to) chừng 100kg. Sau đó, về kêu anh em chúng tôi đi thu chiến lợi phẩm. Tôi cùng đồng chí Đỗ Chu Lương, học trung cấp Thủy lợi; đồng chí Thắng, kỹ sư nông nghiệp đi khiêng nai về, để sáng hôm sau làm thịt.

Anh em chúng tôi được thưởng thức sản phẩm của núi rừng Chiến khu Đ. Cùng vui của chúng tôi ngày hôm ấy còn có sự góp mặt của đồng chí Ba Hà, người thủ trưởng quý mến. Và cũng ngay chiều hôm ấy, đồng chí Ba Hà đã lên đường về địa điểm đóng quân ở xã Lý Lịch.

Điều thú vị và bất ngờ đối với tôi là trên đường đến nơi công tác ở xã Tà Lài, đồng chí Ba Hà đã đưa đoàn chúng tôi nghỉ qua đêm ở khu kho lương thực do đồng chí Bảy Tâm, còn gọi là anh Bảy AK phụ trách. Tôi có dịp gặp anh Bảy và biết được anh là chiến sĩ tình báo của ta ở ngoài Bắc đã đóng vai thanh niên Công giáo để vào Nam. Anh Bảy đã

đến đất Biên Hòa và bắt liên lạc được với ba tôi đang là Việt cộng nằm vùng. Anh Bảy còn nhớ chi tiết, lúc đó ba tôi hay sử dụng xe cuốc, xe đua để đi lại.

Một thời gian sau, tình hình chiến tranh ác liệt, chú Bảy Tâm (Nguyễn Trọng Tâm) bị địch bắt giam ở nhà lao Tân Hiệp. Anh Tư Quí, người cận vệ của ba tôi và anh Hai Thông cũng bị bắt và giam cùng ở nhà lao Tân Hiệp.

Ngày 2/12/1956, đồng chí Bảy Tâm, Hai Thông lãnh đạo sự kiện phá nhà lao Tân Hiệp giải thoát cho gần 500 tù nhân nhà lao Tân Hiệp. Trong cuộc vượt ngục đó, 462 chiến sĩ đã thoát khỏi sự giam cầm của địch, trở về với Đảng, với nhân dân để tiếp tục đấu tranh còn 22 đồng chí mãi mãi nằm lại với đất mẹ, gửi lại tuổi xuân cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, trong đó có nhà thơ Dương Tử Giang.

Sau ngày giải phóng, chính quyền tỉnh Đồng Nai đã xây dựng, tôn tạo thành di tích nhà lao Tân Hiệp. Và, con đường bên cạnh nhà lao Tân Hiệp được đặt tên đường Dương Tử Giang, tên của nhà thơ cách mạng đã bị giặc sát hại ở tại nhà lao này.

Trong thời gian chúng tôi đi nghiên cứu thực địa ở Nông trường Tà Lài. Qua theo dõi tình hình chiến sự chúng tôi được biết hầu như mỗi ngày quân ta giải phóng một tỉnh, bắt đầu từ trận đánh Buôn Ma Thuột - Đắc Lắc, sau đó là Huế, Đà Nẵng, Bình Định, Quảng Ngãi, Phú Yên, Khánh Hòa.

Sau khi nghiên cứu thực địa xong, chúng tôi tự cho phép được nghỉ 3 ngày ở ấp 125 rừng cây giá Tỵ do bà Trần

Lệ Xuân⁽¹⁾ trông. Tối ngày thứ ba, khi chúng tôi định về Tà Lài thì lúc 4 giờ sáng hôm đó quân ta đã nổ súng đánh vào Xuân Lộc. Cánh cửa thép của quân lực Việt Nam Cộng hòa.

Một buổi chiều, có một người khách lạ ghé qua chỗ đóng quân của tôi xin nghỉ qua đêm. Hỏi ra tôi được biết người khách lạ ấy là chú Tám Lâm, bạn của ba tôi thời kháng chiến chống Pháp. Chú ở huyện Hớn Quản. Tôi hỏi chú có biết xã Long Nguyên⁽²⁾, quê của bạn gái tôi tên là Nguyễn Thị Đúng. Thì ra, bà con rất gần chú Tám Lâm lại là Bí thư kiêm Chủ tịch xã Phước Sang, một xã di cư từ huyện Hớn Quản sang huyện Độc Lập thời kháng chiến chống Pháp là huyện Sông Bé của tỉnh Biên Hòa. Sau đó là huyện Độc Lập, tỉnh Tân Phú của ta thời đánh Mỹ.

Huyện Độc Lập, đa phần là đồng bào dân tộc ít người như: ấp Lý Lịch (dân tộc Chơ Ro), Tà Lài (Stiêng), Bù Chap 1, Bù Chap 2 (Châu Mạ) chỉ có xã Phước Sang là người Kinh có vẻ như văn minh hơn các xã người dân tộc, xã có trạm y tế, có trường học, có trụ sở Ủy ban,... Xã quy định các gia đình thay phiên hàng tháng mỗi gia đình nuôi một con heo ít nhất 30kg để cả xã chia phần ăn liên hoan.

Có một việc tôi còn nhớ mãi. Năm 1951, hai tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa sáp nhập thành tỉnh Thủ Biên. Chị Hai tôi, Huỳnh Thị Kim Dung, nữ y tá được điều lên Trạm Quân y huyện Hớn Quản. Trong một lần giặc đột kích vào trạm xá, đồng chí trạm trưởng bị bắn chết, thương binh

(1) Vợ ông Ngô Đình Nhu - cố vấn chính quyền Việt Nam Cộng hòa.

(2) Nay là thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

cũng bị chết. Riêng chị Dung bị giặc bắn bị thương chạy được ra ngoài, chị bị thương nặng không đi được, cũng may chỉ bị thương phần mềm ở mông và đùi và giặc không biết nơi chị nằm.

Khi giặc rút quân, ta mới quay về giải quyết hậu quả của cuộc đột kích của giặc và chữa trị vết thương cho chị. Ít lâu sau chị được đưa về Chiến khu Đ cách đó khoảng 50 đến 70km. Chiến khu Đ còn có một địa danh mà tôi luôn tự hào là “suối Mã Đà” với câu thơ: “Mã Đà sơn cước anh hùng tụ”.

Đây là khu rừng có nhiều cộp, beo, muỗi, rắn độc, voi, trâu rừng chỉ những người có chí khí mới dám đến nơi này.

Thời đánh Mỹ, Quân khu 7 đã đóng quân ở nơi này, ta có hầm trú ẩn và địa đạo giặc ném bom vẫn được an toàn,...

Sau giải phóng năm 1975, quân ta rời căn cứ, đồng chí Tiến, Đội trưởng đội bảo vệ Quân khu 7 được giao nhiệm vụ Giám đốc Trường lái xe Sở Giao thông tỉnh Đồng Nai.

Gần 15 năm sau, trong một lần đi săn thú, đồng chí Tiến có dịp về lại nơi này thấy cảnh ngày xưa giờ đã trở nên hoang tàn...

Đồng chí Tiến đã viết thư gửi Thường vụ Tỉnh ủy đề nghị tỉnh Đồng Nai cần có phương án quản lý khu di tích lịch sử thời kháng chiến chống Mỹ của Quân khu 7, một địa điểm quan trọng của Chiến khu Đ anh hùng, cũng là một địa chỉ đỏ, để giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ sau này, về chiến công của bao thế hệ ông cha trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Đầu năm 1990, khu di tích Chiến khu Đ đã được tỉnh Đồng Nai định hướng sẽ trở thành điểm về nguồn và giáo dục truyền thống của thế hệ trẻ. Với 3 di tích lịch sử cấp quốc gia trong khu vực, gồm: căn cứ Khu ủy miền Đông, căn cứ Trung ương Cục miền Nam và địa đạo Suối Linh. Năm 1996, UBND tỉnh đã thành lập Ban chỉ đạo để trùng tu, tôn tạo các di tích trên, đồng thời xây dựng Trung tâm sinh thái - văn hóa - lịch sử Chiến khu Đ để bảo tồn, phát huy giá trị của các di tích. Tôi còn nhớ một hạng mục quan trọng phải thực hiện là 15km đường giao thông từ khu dân cư suối Mã Đà vào cứ điểm đóng quân của Khu ủy Khu 7. Cụ thể phải phát quang 15km cây rừng ven suối Mã Đà để làm đường giao thông, mặt đường rộng từ 6 đến 7m. Khu di tích được thực hiện hơn 1 năm thì hoàn thành. Tỉnh Đồng Nai đã mời các tỉnh thuộc Quân khu 7 về dự lễ khánh thành khu di tích lịch sử này như: Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Sông Bé, tỉnh Bà Rịa, tỉnh Long An,...

Tôi còn nhớ, năm 2000 hay 2001 nhân ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam (22/12/1944), Quân khu 7 và tỉnh Đồng Nai đã mời Đại tướng Võ Nguyên Giáp về thăm Chiến khu Đ địa điểm đóng quân của Khu ủy khu 7 khu vực suối Bà Hào.

Chi đội 10 anh hùng

Sau ngày Nam Bộ kháng chiến (23/9/1945), các nhóm vệ quốc đoàn từ các quận trong tỉnh được tổ chức thành Chi đội 10. Dưới sự chỉ đạo thống nhất của thi tướng Huỳnh Văn Nghệ.

Chi đội có 3 Tiểu đoàn:

Tiểu đoàn Lê Lợi (lấy tên danh nhân)

Tiểu đoàn Quang Trung (lấy tên danh nhân)

Tiểu đoàn Trần Quốc Tuấn (lấy tên danh nhân)

Các đại đội lấy tên các trận đánh đã đi vào lịch sử dân tộc như Chi Lăng, Lam Sơn, Đống Đa,...

Thời kỳ đầu, tuy mới được thành lập vũ khí còn thô sơ, nhưng Chi đội 10 đã hành quân từ Tân Uyên xuống thị xã Biên Hòa để đánh địch, vào tận hang ổ của chúng để đánh.

Các năm tiếp theo Chi đội 10 cũng được tăng viện quân đội từ miền Bắc đã liên tục đánh giặc trên quốc lộ 1, quốc lộ 20 (Sài Gòn - Đà Lạt) như các trận: Đồng Xoài, Bàu Cá. Oanh liệt nhất là trận La Ngà, gây cho giặc bị tổn thất nặng

nề. Chi đội 10 di chuyển trên 80km từ Chiến khu Đ vượt sông Đồng Nai lên quốc lộ 20 buộc đoàn xe quân sự Pháp lọt vào trận địa đúng kế hoạch, thời gian của Ban Chỉ huy, tiến công bất ngờ, mãnh liệt thể hiện tinh thần chiến đấu kiên cường của bộ đội ta.

Lực lượng địch có hàng tiểu đoàn hành quân, có đến 40 đến 50 xe cam nhông⁽¹⁾ chở quân, có cả xe tăng thiết giáp.

Ta đã diệt gọn cả xe giặc trên đoạn đường từ cầu La Ngà đến khu Đá Ba Chông - Định Quán dài 10km và giết hai tên đại tá Pháp, bắt sống một tên trung úy bị thương. Sau khi chữa lành vết thương cho tên trung úy này, bộ đội Chi đội 10 đã cử một nữ y tá ra bót Cây Đào, Công Thanh, Vĩnh Cửu để trao trả cho tên Đại úy sĩ quan Pháp ở đây. Sau thắng lợi này, Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam gửi điện khen cán bộ, chiến sĩ Chi đội 10, tặng thưởng đơn vị làm nên chiến thắng La Ngà danh hiệu Huân chương Quân công hạng Hai. Chiến thắng La Ngà luôn là niềm tự hào của quân dân miền Đông và Biên Hòa, Đồng Nai.

Sau năm 1975, các đồng chí cựu chiến binh đã có công sưu tầm về lịch sử các đơn vị chiến đấu và các trận đánh oanh liệt thời kháng chiến chống Pháp 1945-1954. Ở tỉnh thì có Hội Cựu Chiến binh tỉnh, các đơn vị chiến đấu thì có Ban Liên lạc Tiểu đoàn 303, Ban Liên lạc Chi đội 10. Các đồng chí này thuộc lớp chiến sĩ ngày xưa còn ít tuổi. Tôi còn nhớ chị Mỹ, vốn là y sĩ bộ đội Chi đội 10 kêu tôi bằng em, vì chị là bạn của chị Hai - Huỳnh Thị Kim Dung (mẹ cháu Huỳnh Minh Hoàn. Sau 1975, cháu mới học cấp 3, sau đó cháu đã cố gắng phấn đấu thi vào ngành y nổi

(1) Tiếng Pháp: Camion.

tiếp nghề y của ba mẹ. Và cuối cùng cháu đã phấn đấu trở thành Giám đốc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai).

Đến khi đồng chí Tám Ảnh, bạn học thời học sinh miền Nam được giao quyền Trưởng Ban liên lạc truyền thống kháng chiến Cứu Chiến binh Chi đội 10 Biên Hòa thì đồng chí có mời tôi tham gia Ban Liên lạc và làm Phó ban. Lúc này tôi thấy mình cần có trách nhiệm làm cầu nối với thế hệ các anh chị đã đi trước, nhất là các anh chị cùng quê hương với tôi ở xã Bạch Đằng huyện Tân Uyên (nay là thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương).

Chi đội 10 là lực lượng vũ trang cách mạng chính quy đầu tiên của tỉnh Biên Hòa cũ, là bước sáp nhập mới rất gọn của Vệ quốc đoàn Biên Hòa cũ, Vệ quốc đoàn quận Châu Thành (huyện Vĩnh Cửu ngày nay) với Vệ quốc đoàn Long Thành; là một trong hơn 20 chi đội của Khu 7 ngày ấy lần lượt được công nhận theo quyết định của Khu bộ trưởng Nguyễn Bình. Trong kháng chiến, nhiều cán bộ chiến sĩ của Chi đội 10 Biên Hòa đã dũng cảm chiến đấu, hy sinh để giành lại hòa bình, tự do, độc lập cho đất nước, cho dân tộc. Trong đó có những trận chiến đã làm cho kẻ thù hoang mang, lo sợ và là dấu ấn không thể nào quên như trận chiến La Ngà diệt hàng trăm lính và xe quân sự của Pháp. La Ngà là chiến thắng giao thông lớn nhất miền Đông Nam Bộ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của quân dân Biên Hòa đồng thời là chiến thắng nêu cao chính nghĩa cuộc kháng chiến giành độc lập dân tộc của Việt Nam, đập tan luận điệu tuyên truyền của thực dân Pháp là cơ bản đã bình định Nam Kỳ⁽¹⁾.

(1) Trích Văn bia chiến thắng La Ngà (01/03/1948).

Năm 2018, Nhà nước đã trao tặng cho Chi đội danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang cho Chi đội 10 Biên Hòa. Được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh, tỉnh đội Đồng Nai đã tổ chức lễ mừng công với sự tham gia của chính quyền cơ quan quân sự 8 tỉnh, thành Đông Nam Bộ và hàng trăm cán bộ, chiến sĩ, thân nhân thương binh, liệt sĩ của Chi đội 10 Biên Hòa đã đến gặp mặt.

Tôi thấy cảm động vì các anh chị, con cháu của các chiến sĩ Chi đội 10 năm xưa tự hào, xúc động vì người thân của họ đã góp phần xương máu để xây nên “Tượng đài lịch sử Chi đội 10 anh hùng”⁽¹⁾. Tôi đã tự tay trao tặng danh hiệu Chi đội 10 Anh hùng có ghi tên họ người thân về tận gia đình, nên bà con thấy rất vinh dự.

Trong buổi lễ này, tôi có đọc bài thơ ngắn về chiến công của bộ đội và người dân ở Chiến khu Đ và người chỉ huy tài giỏi của mình, thi tướng Huỳnh Văn Nghệ.

*Anh hùng chiến sĩ khu miền Đông
Đánh giặc từ lúc còn tay không
Đồng bào chiến sĩ luôn sát cánh
Từ giáo mác đến gậy tầm vông*

(1) Ngày 01/03/1948, Chi đội 10 tỉnh Biên Hòa cùng các đơn vị vũ trang của Quân khu 7, du kích quận Châu Thành (nay là thành phố Biên Hòa và huyện Vĩnh Cửu), huyện Xuân Lộc đã tổ chức trận phục kích giao thông trên quốc lộ 20, tấn công đoàn xe quân sự của thực dân Pháp từ Sài Gòn đi Đà Lạt. Chỉ trong 45 phút, Chi đội 10 đã phá hủy 59/70 xe quân sự, tiêu diệt 25 tên sĩ quan Pháp trong đó có Đại tá De. Sérigné, chỉ huy bán lữ đoàn lê dương Pháp ở Đông Dương cùng 150 lính Pháp.

*La Ngà, Bàu Cá đang chiến công
Cả nước hân hoan tỏa tẩm lòng
Miền Đông vùng đất đầy kiêu hãnh
Cùng cả nước đánh giặc lập công*

*Tưởng niệm thi tướng tròn trăm năm
Từ thời đất nước còn tối tăm
Nay nhận độc lập, đời tươi sáng
Trong ta sâu thắm mối tình thâm.*

Tôi không ngờ, bài thơ ngắn của tôi có sức lay động đến tình cảm của người “họa sĩ - chiến sĩ” Huỳnh Phương Đông⁽¹⁾.

Sau hội nghị, trong bữa cơm liên hoan ở tỉnh đội Đồng Nai, họa sĩ cùng ngồi chung với tôi. Khi tiệc gần kết thúc, họa sĩ Huỳnh Phương Đông xin phép tôi 5 phút để lấy giấy, bút vẽ ký họa chân dung cho tôi. Sau đó, họa sĩ hỏi tên họ và địa chỉ của tôi và hẹn hai tuần sau sẽ gửi ảnh cho tôi.

Thật bất ngờ, đúng 2 tuần sau tôi nhận được bức họa chân dung từ người họa sĩ tài hoa. Trong bức họa là hình ảnh của tôi, một người chiến sĩ đang trên trường hành quân ra chiến trường năm xưa. Giống như họa sĩ Huỳnh

(1) Huỳnh Phương Đông (1925-2015) tên khai sinh là Huỳnh Công Nhân, sinh tại Gia Định (nay là TP. Hồ Chí Minh), nguyên quán Sóc Trăng, là họa sĩ, chiến sĩ đã tham gia hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, cứu nước. Ông có hơn 70 năm không ngừng cống hiến cho sự nghiệp sáng tác mỹ thuật, đấu tranh giải phóng dân tộc. Các tác phẩm của ông có giá trị nghệ thuật và lịch sử to lớn, là di sản quý giá của nền hội họa đương đại Việt Nam.

Phương Đông đã gặp tôi và ký họa ngay nơi chiến trường. Tấm ảnh ký họa tôi như kỷ vật quý giá trong đời lính của mình đã được người họa sĩ tài ba trao tặng.

Tôi thầm cảm ơn người họa sĩ tài hoa năm xưa đã kịp ghi lại hình ảnh của tôi, người lính cụ Hồ trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước, cũng như người chiến sĩ trong công cuộc tái thiết đất nước từ đống tro tàn sau 30 năm chiến tranh tàn khốc.

15/10/2022

Đi học trường làng và trở thành cậu bé liên lạc

Vào đầu năm 1948, để mọi dân đã bình định được nơi này, giặc tổ chức trường học để cho con em dân làng được đi học nhưng thực chất chúng lấy nhà của bác Ba Triệu, gần bót để dạy học. Chúng thuê thầy giáo từ Biên Hòa lên để dạy học cho con em của mấy tên lính mà tôi còn nhớ là tên Chín Rực và Năm Mạo. Tôi cùng một số anh em trong làng được đi học. Tôi học lớp 3 (bây giờ là lớp 2). Hàng ngày, bọn con lính là thằng Rốt, thằng Sáng, hống hách ăn hiếp anh em mình. Vì còn nhỏ, thiếu hiểu biết nên tôi có biểu hiện thách thức đánh nhau với bọn chúng, con của mấy tên lính ác ôn.

Một lần, tôi hện đánh nhau với chúng vào một buổi trưa, sau giờ tan học. Lúc vào cuộc, các bạn tôi như: Tư Huân, anh Bảy Lăng đều bỏ cuộc, chỉ còn một mình tôi chọi ba địch thủ, coi như đánh tứ trụ. Kết quả là chưa đánh nhau được bao lâu thì tôi tự bỏ chạy, coi như (thua). Nhưng, đấy là việc làm dại dột và nguy hiểm nhất của đứa trẻ, con của một cán bộ Việt Minh dám đối đầu với con của bọn việt gian ác ôn. Lúc đó tôi mới 12 tuổi.

Chiều về nhà, tôi dặn chị Hai Huy, con bác Tám Ấu; chị Bé, con bác Hai là không được “méc” má tôi. Các chị

đều “ừ” đồng ý. Vậy mà, các chị vẫn báo với má tôi (mà tôi không biết). Một vài ngày sau đó, du kích bao vây đồn giặc, ba tôi có về nhà vào ban đêm. Má nói chuyện đánh nhau của tôi. Ba quyết định cho tôi nghỉ học trường làng và đưa tôi vào chiến khu Bình Chánh để học Trường Tiểu học Kháng chiến Tân Uyên.

Học chưa đầy tháng chung với anh Tòng, anh Quỳnh, con bác Hai Giang thì giặc lại hành quân đốt trường nên phải tôi lại khăn gói lên Chiến khu Đ học văn hóa ở Văn phòng Ủy ban Kháng chiến tỉnh Biên Hòa. Giáo viên là các thầy giáo do Ty Giáo dục cử sang dạy. Bạn học của tôi ngày đó có Mười Hữu, Ngọc Chính, Xuân Lan, Thu Lan, Lan, Chi,...

Đầu năm 1949, lúc đó tôi 13 tuổi, văn phòng Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Biên Hòa, đóng quân ở xã Mỹ Lộc. Chủ tịch tỉnh là ông Nguyễn Minh Thành tức ông Sáu Cửa (Tô Văn Cửa).

Phụ trách tiểu đội thiếu nhi, làm liên lạc viên của Ủy ban là anh Đăng. Anh huấn luyện cho chúng tôi lặn, lê, bò toài, đồ đạc gọn gàng ngăn nắp. Chúng tôi thay nhau làm tiểu đội trưởng một ngày (thực ra là trực nhật mỗi ngày) gọi là “làm trực nhật”. Người phụ trách làm trực nhật có quyền tổ chức “báo động, tập hợp” toàn tiểu đội để kiểm tra tinh thần sẵn sàng chiến đấu của tiểu đội, có sự giám sát kiểm tra của đồng chí phụ trách là anh Đăng.

Nhiệm vụ của chúng tôi là phân công một số anh em đi liên lạc, chuyển công văn đến các cơ quan trên địa bàn, số còn lại có nhiệm vụ cắt và dán bao thư. Hàng ngày, cơ quan cử một anh dạy văn hóa cho tiểu đội thiếu nhi. Mặc

dù lớp học chỉ hơn 10 người nhưng giáo viên phải dạy nhiều chương từ lớp 1 đến lớp 4. Mỗi lớp có khi chỉ từ 1 - 3 học sinh, tuổi đời cũng khác nhau, từ 10 - 14 tuổi. Cũng có một số anh từ 15-17 tuổi, cơ quan vận động vào quân giới để sản xuất vũ khí như: anh Đạt, anh Đường, anh Thêm, anh Ti.

Cuối năm 1949, máy bay địch bắn phá cơ quan ác liệt nên Ủy ban Kháng chiến tỉnh phải dời về khu rừng Đất Cuốc (khu mỏ đất Cao lanh bây giờ). Ở đây, nhiều anh em bị sốt rét, trong đó có tôi. Có lần, tôi phải vào Bệnh viện Quân y do bác sỹ Võ Cương phụ trách để điều trị.

Khoảng cuối năm 1949 -1950 ở Chiến khu Đ có con cộp ba móng ăn thịt rất nhiều người. Các cơ quan và nhà dân đều phải làm nhà gác và xung quanh phải làm hàng rào cao từ 2-3m để tự bảo vệ mình. Trong số nạn nhân của con cộp ba móng có cán bộ trung đội pháo binh bắn máy bay, cán bộ phụ nữ, nhà sư, trong đó có bạn học của tôi, tên Sáu nhà ở Mỹ Lộc. Lúc đó, bạn tôi 12 tuổi, đang phụ giúp gia đình hái đậu xanh bên bìa rừng, cũng bị cộp ba móng ăn thịt. Có một lần, tôi và các anh đi thơ hỏa tốc ban đêm, đoạn đường chừng 5-6 km. Anh lớn được mang súng Thompson, anh kia cầm lựu đạn. Còn tôi bé nhất được phân công cầm đất, chỗ nào nghi có cộp các anh bảo tôi ném đất vào chỗ đó, nếu có cộp các anh sẽ bắn và ném lựu đạn.

Một buổi sáng, tôi được phân công đi công tác một mình, đường xa 5 - 6km. Trên đường đi, tôi bị lên cơn sốt rét, lạnh run người, không đi được phải nằm lại bên đường, nhờ ánh mặt trời sưởi ấm, lúc đó khoảng 9-10 giờ. Sau khi cơn lạnh run người dần qua, tôi lại tiếp tục lên đường. Đi được 40 phút, cơn nóng 39⁰C-40⁰C lại đến, khiến tôi không

đi được nữa. Tôi phải nằm lại bên đường, chờ cơn nóng sốt lui dần, để tiếp tục đến nơi giao thư và trở về cơ quan.

Vào một buổi chiều đẹp trời nhưng khí hậu mùa khô hơi nắng nóng, tôi đang bị sốt rét nằm ở nhà má ở Đất Đạo, cách Ủy ban Hành chính Kháng chiến tỉnh chừng 2-3km, tôi được tin con cọp ba móng đã bị các anh ở binh công xưởng đặt mìn cho nổ và bắn chết. Dân làng khắp vùng Chiến khu rất mừng và kéo vào Đất Cuốc để xem con cọp ba móng bị giết chết. Tôi tuy muốn đi xem, mà không thể đi được. Nghe kể, vào lúc chạng vạng tối ngày hôm trước, cọp ba móng bắt ăn thịt anh thanh niên cũng bị sốt rét chưa kịp lên gác ở vùng Đất Cuốc. Sáng hôm sau, dân làng nhìn thấy xác anh. Người mẹ định đem chôn phần còn lại của con, nhưng các anh bộ đội binh công xưởng đề nghị mẹ cho phép đơn vị dùng phần xác còn lại của con mẹ để làm mồi, để đơn vị bắn hạ cọp ba móng, để trừ mối hậu họa cho dân làng vùng Chiến khu. Bà mẹ nghe được thấu tình, hợp lý nên bộ đội, quân giới mới đặt mìn và bắn chết cọp ba móng vào cuối năm 1950, tại Đất Cuốc, Chiến khu Đ.

Các anh bộ đội đã dựng con cọp ở tư thế nằm phủ phục thể tấn công chụp ảnh. Hình ảnh ấy đến bây giờ có khi vẫn còn lưu lại ở các anh bộ đội quân giới. Riêng gia đình bác Tám Nghệ vẫn còn lưu giữ một cái răng và một cái móng của con cọp ba móng từ cách đây hơn 75 năm về trước, do các anh ở binh công xưởng tặng cho bác Tám Nghệ, Huyện Văn Nghệ.

Bà nội tôi

Bà nội Võ Thị Ngô của tôi có hai người con trai duy nhất đều là Liệt sĩ: Liệt sĩ Huỳnh Văn Ngôn (sinh năm 1912) và ba tôi, Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy (sinh năm 1916). Bà nội tôi có dáng người nhỏ nhắn, nghe nói ngày xưa bà vốn là người đẹp người, đẹp nét, giỏi giang trong làng.

Lúc về già, bà vẫn còn tráng bánh tráng để bán vào dịp Tết. Có người đặt bánh để phục vụ lễ cưới bà vẫn làm, rất khéo tay.

Ngày tôi còn nhỏ lúc chiều tối bà thường pha nước nóng tắm cho tôi vì má tôi rất bận việc đồng áng, cơm nước. Lớn lên một chút, tôi đảm nhận công việc chăn trâu, cắt cỏ cho trâu ăn. Áo rách, má tôi chưa kịp vá, bà nội đã nhanh tay vá áo cho tôi. Mấy chiếc áo bà ba bị rách hai tay chỗ cùi chỏ, bà cắt đi, khéo léo khâu làm áo ngắn tay. Bà luôn mong muốn làm sao cho tôi được mau lớn, thành người. Bà hay ca cẩm: “Không biết chừng nào cháu của bà mới lớn khôn”, nghĩ lại tôi thấy thương bà biết bao!

Năm tháng trôi qua, rồi một ngày tôi cũng trở thành cậu thanh niên 15-16 tuổi. Tôi biết gánh chuối, bưởi, dứa ở nhà ra chợ Biên Hòa bán để mua gạo ăn cho gia đình mẹ và các em. Tôi không quên mua cho bà quà bánh, thứ bánh mà tôi hay mua về cho bà là loại bánh da, nhân đậu xanh, bây giờ gọi là bánh pía Sóc Trăng.

Nhớ ngày ba, má và anh em tôi ở Chiến khu, khoảng cuối năm 1949, bà tôi khăn gói lên Chiến khu thăm gia đình tôi và chị Hai Dung. Quà của bà nội mang lên là chuối ép phơi khô và có cả món ăn bình dân mà khi ăn cả nhà rất cảm động trước sự chăm chút của bà nội. Đó là dọc khoai môn (ngó khoai) mọc dưới rặng. Bà muối chua đem lên cho con, cháu nấu canh. Từ vùng tạm bị chiếm xa xôi, bà phải đi đò qua sông (nếu gặp địch thì rất nguy hiểm), sau đó đi bộ tiếp vài chục cây số mới đến chỗ con và các cháu ở.

Tôi vẫn còn nhớ như in, có một bức hình bà nội chụp với ba, má, tôi và hai em Lài, Hài ở Chiến khu Đất Cuốc, nơi ba tôi làm việc. Rất tiếc, vì chiến tranh kéo dài nên tấm hình ấy không còn nhưng những kỷ niệm về bà vẫn còn in đậm trong trái tim tôi.

Hai lần đối mặt với cọp ba móng

Khoảng đầu mùa khô năm 1950, giặc càn vào Chiến khu. Tối hôm đó cả Chiến khu phải sơ tán vào rừng sâu. Bộ đội chủ lực, Tiểu đoàn 303 có nhiệm vụ nổ súng đánh địch khi chúng đến gần nơi đồng bào sơ tán, để bảo vệ dân. Gia đình tôi đi theo bà con, những người am hiểu về đất rừng ở đây. Đêm đó, bà con quần tụ trong khu rừng sâu. Các ông lão mắc võng nằm gác phía ngoài cho các bà già, trẻ con và phụ nữ nằm ngủ bên trong. Ở giữa khu đóng quân có đốt một đồng lửa, gồm các cây củi lớn để luôn có than hồng sưởi ấm. Khoảng 4 giờ sáng, tôi mắc tiểu nên ra gần nơi đóng quân để đi vệ sinh. Từ xa, có một đốm lửa từ từ di chuyển về phía tôi. Tự nhiên, tôi thấy rờn rợn cả người, mắt vẫn nhìn thẳng vào đốm lửa hồng tự trấn tĩnh: “Không có gì đâu!”. Ánh lửa hồng dừng lại chừng 5-7 giây rồi tắt. Tôi quay vào chỗ nằm, vừa nằm xuống thì nghe có tiếng bác Hai gọi: “Chú Ba ơi! Chú dậy đi! Từ nãy giờ tôi thấy con

cọp nó đi vòng vòng nơi mình ở!...”. Chú Ba thức dậy hỏi: “Nó đâu anh?”. Bác Hai chỉ hướng tôi vừa mới đi vệ sinh về. Chú Ba lại gần đồng lửa cầm một cây củi, có than hồng chọi về phía ấy. Thì ra, ánh lửa như cục than hồng chính là mắt con cọp vào ban đêm. Tôi đã đối mặt với cọp ba móng mà nào có biết. Lúc đó, chỉ cần có một cú nhảy vồ... thì, tôi như tiêu mạng rồi...

Sau sự việc tôi đối diện với cọp chừng 20 phút, cách nơi chúng tôi đóng quân gần 500m, cọp ba móng đã vồ một con ngựa và ăn thịt gần một nửa. Đây chính là con cọp ba móng xuất hiện tại vùng rừng miền Đông Nam Bộ khoảng năm 1948. Con cọp này một chân chỉ có ba móng, nó đã ăn thịt rất nhiều cư dân sống tại vùng này và gieo rắc nỗi kinh hoàng cho những người sinh sống ở tại Chiến khu Đ. Sự hoành hành của con cọp ba móng đến mức Ủy ban Hành chính Kháng chiến tỉnh Biên Hòa lúc đó đã phải lên kế hoạch tổ chức săn lùng để tiêu diệt.

Một lần khác, tôi đối mặt với con cọp “hai chân” nhưng tôi thấy còn nguy hiểm hơn con cọp ba móng mà tôi đã gặp. Đó là vào một ngày cuối năm 1952, tôi và chú Năm Đựng đi bán tranh ở chợ Biên Hòa. Khi chúng tôi lên xe về quê từ chợ Biên Hòa đến Bến Cá thì trên xe đã đầy khách. Tôi và chú Năm Đựng phải đứng. Gần chỗ tôi đứng có một tên lính, người mà tôi coi còn nguy hiểm hơn cọp ba móng vì tên này có thể bắt tôi và tôi có thể bị đánh đập, khảo tra và cầm tù. Tôi trấn an, coi như không có chuyện gì xảy ra. Tên lính thoải mái tán gẫu từ Biên Hòa về tới Bến Cá. Tới chợ Bến Cá, tôi và anh bạn xuống xe, hành lý chỉ là một đôi quang gánh trống rỗng. Tên lính gọi tôi: “Ê! Nhỏ!”. Tôi quay lại, lễ phép đáp: “Dạ! Thưa thầy! Thầy kêu (gọi) tôi?”.

Tên lính hỏi: “Mày có phải con ông Ý không?”. Tôi đáp: “Dạ không phải, tôi ở bên kia sông!”. Sau đó tôi nghĩ mình bị hớ, vô tình cho nó biết quê của mình. Tên lính cứ nhìn chằm chằm tôi. Tôi nói: “Xin phép thầy, tôi đi”, vừa nói tôi vừa quay đi...

Tên lính ấy tên Thảo, nhân viên cơ quan hậu cần ở Chiến khu Đ, đóng quân cách nhà má tôi chừng vài trăm mét, nên biết ba tôi và nhớ mặt tôi. Khoảng 2-3 năm nay, y đầu hàng giặc vì kháng chiến gian khổ không chịu được. May mà y nhớ mang máng tên ba tôi thành vắn “Ý” chứ nếu không y có thể bắt tôi, một đứa trẻ thiếu niên, con của một cán bộ Việt Minh ở Chiến khu Đ mà y có thời gian phục vụ. Qua sự việc trên, tôi thấy tên Thảo như loại cọp ba móng hai chân mà tôi đã đối mặt. Khi đã phản bội quê hương, Tổ quốc, y còn nguy hiểm hơn con cọp ba móng ở Chiến khu Đ năm nào.

Hầm bí mật của ba

Năm 1954 (sau Hiệp định Genève 20/7/1954), Hiệp định đình chiến giữa ta và Pháp về lập lại hòa bình ở Đông Dương nói chung, Việt Nam và Pháp nói riêng, nước ta chia làm hai miền Bắc - Nam. Từ vĩ tuyến 17 trở ra do ta kiểm soát, từ vĩ tuyến 17 trở vào do quân đội Pháp kiểm soát. Hai bên chuyển quân theo hai phía theo qui định, phía ta trong vòng 30 ngày phải rút khỏi Chiến khu Đ.

Sau Hiệp định, ba tôi được giao nhiệm vụ đọc diễn văn trước quân dân Chiến khu Đ. Cuộc mít tinh ở Thiêng Liêng - Bà Đá về nội dung của Hiệp định và việc chuyển quân đi tập kết. Sau đó ba con tôi gặp nhau và ba tiễn tôi đi tập kết. Đường như ba biết trước tình hình, khi quân Pháp tiếp quản, quản lý vùng đất miền Nam. Khi chia tay, ba không nói nhiều mà chỉ khuyên tôi ra Bắc cố gắng học hành và rèn luyện tư cách đạo đức để sau này xây dựng và bảo vệ đất nước.

Ở Sở Y tế Thủ Biên, chị Hai Dung con bác Hai, Huỳnh Hữu Ngôn không được đi tập kết, phải về quê. Chị Hai tặng hết đồ đạc cá nhân cho các bạn được đi tập kết. Cũng may, trên đường về, chị Hai Dung được gặp ba và bác Phạm Văn Thuận. Hai ông biết được chị Hai không được đi tập kết nên viết giấy gửi bạn để chị Hai Dung được đi tập kết ra

Bắc. Nhờ đó, hai vợ chồng chị Hai Dung được gặp lại nhau trên đất Bắc và đoàn tụ gia đình.

Ba ở lại hoạt động bí mật có anh Tư Quý, quê Hải Dương, dân cao su làm cận vệ cho ba, nhận ba làm cha nuôi. Má và bác Hai làm lễ cưới chị Tư Bi cho anh Tư Quý. Anh Tư Quý có nhiệm vụ đào cho ba hầm bí mật để ba nằm vùng ở địa phương. Hầm bí mật được chọn dưới cục gò mối có bụi gai găng ở phía Đông Nam nhà chú Năm Hải (hiện gò mối vẫn còn). Cửa hầm bí mật quay ra phía cánh đồng, nơi hàng rào đất vườn nhà bác Tám thẳng với đất chú Tư Cầm (con ông Bảy Thính). Anh Tư Quý đào một đoạn giao thông hào dài khoảng 70m ra tới hầm, nhân lực anh Tư chọn là các thanh niên tốt trong làng để thực hiện như: chú Chín Hò, anh Ba Sự... Trong khuôn đất nhà họ Huỳnh, nhà tôi có tới ba hầm bí mật, trong nhà bà nội có hầm bí mật ở nhà trên (nhà cũ) dưới chân cột cái. Hầm thứ ba ở xung quanh mộ của ba tôi, do chú Út Hưng (Bí thư xã) và anh Ba Cơ (ba của Sỹ), Chủ tịch kiêm Xã đội trưởng đào. Trong kháng chiến, để che mắt kẻ thù “người sống đã sống chung với người chết để hoạt động cách mạng”. Cửa hầm bí mật ở ngay phía đầu mộ ba.

Sau ngày 30/4/1975, di tích hầm bí mật vẫn còn, cửa hầm bị sụp, tôi đem bụi hoa huệ trồng ở đây, để mỗi mùa xuân về hoa nở, thay nén tâm nhang cho chú Út Hưng, anh Ba Cơ, và em trai của anh Ba Cơ, vì ba người đã ở hầm bí mật này. Người đem trái cây, xôi chè ra cúng ba thực chất là tiếp tế cho ba ông Việt cộng này chính là má và chị Hai Huy.

Nhắc lại chuyện cũ để nhớ, tưởng nhớ các anh hùng liệt sỹ năm xưa, những người đã góp máu xương giành lại độc lập cho đất nước.

Nghĩa tình của má

Má tôi tên là Nguyễn Thị Hồn (tự là Du). Sở dĩ má mang tên Du (tên của dì Sáu tôi) để che mắt giặc hoạt động cách mạng. Gần như cả cuộc đời má tôi mang tên người em thứ sáu của mình Nguyễn Thị Du, vợ của thầy giáo Nguyễn Văn Súa, người cùng làng Tân Trạch, cù lao Mỹ Quới, xã Bạch Đằng.

Má tôi sinh ra và lớn lên trong một gia đình nề nếp, gia giáo. Là chị Hai trong một gia đình đông con nên ngay từ nhỏ má đã chịu thương, chịu khó phụ ông bà ngoại chăm lo các em nhất là dì Chín và hai cậu út. Khi có gia đình riêng, má lại tần tảo chăm sóc cha mẹ chồng, nuôi con để chồng yên tâm công tác. Không những vậy, có những lúc má còn làm giao liên đưa thư cho ba không quản hiểm nguy đến tính mạng của mình. Một lần, ba tôi nhờ má đưa thư cho bác Ba Thuận ở Chi bộ xã Bình Ý. Năm 1956, giặc bắt bố, giam cầm đảng viên, những người tham gia kháng

chiến, yêu nước ở nhà lao Tân Hiệp, Biên Hòa, ba nhờ má đưa thư giấu trong phen đường cho một đồng chí ở nhà lao Tân Hiệp. Không lâu sau đó, ngày 22/7/1956, ba tôi bị giặc phục kích, hy sinh tại cù lao Mỹ Quới (Tân Uyên) ở tuổi vừa tròn 40. Lúc đó, ba đang là Phó bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa.

Nghĩa tình của má đối với ba còn thể hiện trọn vẹn qua câu ca dao: “Chàng đi cho thiếp đi cùng, đói no thiếp chịu, lạnh lòng thiếp cam”. Câu thơ xưa đã vậy nhưng ở má tôi còn sâu đậm hơn, vĩ đại hơn cả sự hy sinh đó đặc biệt là khoảng thời gian ba tôi bị giặc bắt, tra tấn dã man và lưu đày biệt xứ ở huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Năm ba bị bắt, má tôi chừng 25 tuổi, còn tôi chừng lên 5. Hoàn cảnh thật éo le, con thơ nheo nhóc nhưng má vẫn một mực xin phép ông bà nội, ngoại được lên Trảng Bàng để thăm nuôi ba. Ông bà nội, ngoại thương cho hoàn cảnh của gia đình tôi nên gom góp ít tiền để má dần túi lên đường. Còn tôi được má gửi nhà ông bà ngoại cho dì Tám chăm sóc.

Tôi vẫn còn nhớ những ngày được đi thăm ba má ở Trảng Bàng trên một chiếc xe đò chạy bằng than củi. Sống với ba má được gần một tuần thì tôi được vợ chồng bác Hai và chị Ba Kim đón về Sài Gòn, sau đó bác Hai tiếp tục đưa tôi về Biên Hòa với ông bà ngoại. Dù ba tôi sống trong cảnh tù đầy nhưng ba má vẫn động viên nhau chia ngọt, sẻ bùi. Gần hai năm sau, ba tôi được tha tù. Má vừa sinh em Lài vừa mới mười ngày tuổi đã phải bồng bế về quê. Lúc ba về cả hai gia đình nội, ngoại đều mừng rơi nước mắt. Về nhà chưa bao lâu ba lại đi kháng chiến còn má ở nhà lo việc đồng áng và nuôi dạy đàn con thơ. Năm 1948, giặc truy lùng những cán bộ kháng chiến và gia đình, vợ con của họ để trả thù. Má lại thu xếp vào Chiến khu Đ cùng ba. Năm

1951, má trở về quê và sinh ra em Nhị trong hoàn cảnh khó khăn cùng cực, tài sản chỉ là đôi bàn tay trắng và miếng đất cằn cỗi mọc đầy cỏ tranh. Từ đôi bàn tay ấy, má đã tảo tần biến cỏ tranh thành ruộng vườn, cơm gạo nuôi lớn đàn con. Sau Hiệp định Genève, ba từ Chiến khu Đ trở về. Khi em Nhị chưa đầy 7 tháng tuổi thì ba hy sinh. Má còn cưu mang, nuôi dạy em Công⁽¹⁾, một đứa trẻ mồ côi ở Chiến khu Đ do cậu Bảy đưa về. Sau này, em trở thành chiến sĩ giải phóng quân và hy sinh anh dũng trong trận tấn công vào Chi khu quân sự quận Tân Uyên năm 1964.

Cả cuộc đời má đã yêu và trở thành vợ của một chiến sĩ Cộng sản nên má chấp nhận thay chồng gánh vác mọi việc, từ việc chăm sóc cha mẹ chồng đến nuôi dạy con thơ. Không chỉ có vậy, má còn thay ba gánh vác một phần công việc cách mạng của ba, là cơ sở hoạt động cho cách mạng địa phương cho đến ngày đất nước hoàn toàn giải phóng. Và những năm cuối cùng của cuộc đời má luôn là tấm gương hy sinh, thủy chung son sắt cho con cháu. Ngày mừng thọ má tuổi 95, tôi có viết bài thơ tặng má:

*Ngày giải phóng tuổi má sáu mươi
Ba mươi năm sau, má tròn chín lăm
Gác tay lên trán nghĩ thầm
Mà thương đời má, tháng năm khổ nhiều
Thay chồng gánh vác nuôi con
Lo toan mọi việc, héo hon đời mình
Bao năm khói lửa chiến binh
Má luôn bình tĩnh một mình lo toan*

(1) Ba má tôi đặt tên em là Huỳnh Văn Công.

*Nuôi con ăn học, chăm ngoan
Mai sau thành đạt, xây giang san nước nhà
Cho dù giặc bắt khảo tra
Đến giờ đất nước thẳng hoa
Gia đình đoàn tụ, một nhà đông vui
Đoàn viên có chút ngậm ngùi
Thương người nằm xuống không nguôi tác lòng
Trong tim thốn thức thầm mong
Công dày, nghĩa lớn, thỏa lòng má vui.*

Tháng 8/2011

Quê ngoại đầu yêu

Bà ngoại tôi, bà Đồng Thị Hảo quê ở ấp Bình Thới, xã Bình Hòa, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Biên Hòa xưa.

Ông cố ngoại tôi là ông Đồng Văn Đình ngày xưa nổi tiếng giàu có ở vùng này. Bà ngoại là con thứ năm của ông cố. Tôi còn nhớ khi được mẹ dẫn về thăm ông cố ngoại, ông cố tôi đã già lắm rồi. Ông mặc bộ đồ bà ba màu trắng nằm trên võng ở nhà trên. Ông còn khỏe và rất minh mẫn. Ông bảo chúng tôi “Cây trái trong vườn, con cháu muốn ăn cứ tự do hái ăn”. Tôi còn nhớ, trước nhà ông có một cây mận, lúc chín có màu đỏ, trắng mà tôi rất thích ăn và được má tôi hái cho ăn.

Kể từ ngày đó, tôi chưa một lần được về thăm quê ông cố ngoại cho đến sau ngày giải phóng miền Nam. Cây mận trước nhà ông cố ngày xưa không còn nữa nhưng tình cảm của tôi với bà ngoại và quê ngoại yêu thương vẫn đọng đầy trong ký ức.

Từ năm 1948 - 1950, ba tôi đưa má và ba đứa con (khi đó tôi 12 tuổi, em Tư Lài 8 tuổi và em Hải 5 tuổi) vào Chiến khu Bình Chánh - Tân Uyên, sau lên Chiến khu Đ, Đất Đỏ, xã Tân Lâm, là căn cứ địa của Chiến khu Đ.

Năm 1956, khi má đang mang thai em Nhi, ba đã đưa má về quê là vùng tạm chiếm ở xã Bạch Đằng. Gia cảnh nhà tôi lúc đó vô cùng khó khăn, dì Sáu và dì Tám phải cho đồ cũ để mặc. Đầu năm 1951, ba giao nhiệm vụ cho tôi là về quê giúp má phụ nuôi em. Tôi còn nhớ, trước khi bà ngoại qua đời, tôi có về Bình Thới gặp được bà Chín và cậu Tư Lộ. Lúc này cậu Tư học hết lớp nhất và đang làm thủ kho, giữ vật tư cho công trường xây dựng - khu nhà lầu cao tầng, do nhà thầu tư bản xây dựng ở khu chợ Tân Định - Sài Gòn, gần đường đi sân bay Tân Sơn Nhất. Cậu Tư hứa với bà ngoại giúp tôi kiếm việc làm thêm ở công trường xây dựng. Tôi làm được tháng thứ ba thì được tin bà ngoại mất. Bà ngoại tôi cũng có hai người con là Liệt sĩ. Đó là Liệt sĩ Nguyễn Văn Sơn và Nguyễn Văn Nho, hai người em trai yêu quý của má tôi. Năm 2014, bà ngoại tôi đã được Nhà nước truy tặng danh hiệu cao quý Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Trở thành lao động chính

Vào cuối năm 1951, khi tôi vừa kết thúc năm học lớp nhì (tương đương lớp 4 bây giờ) ba tôi giao nhiệm vụ: “Má và các em: Lài, Hài đã về quê - vùng tạm chiếm ở cù lao Mỹ Quới, con về quê phụ lao động nuôi em, má con có bầu em Nhi sắp sinh”. Tôi về quê gặp má và hai em, má rất mừng vì tôi đã về cùng sống bên gia đình và hy vọng tôi, đứa con trai lớn có thể phụ giúp má những lúc khó khăn.

Đầu tiên má chuẩn bị cho tôi đôi quang gánh để gánh các thứ ở nhà có đi chợ Biên Hòa bán như: chuối, đu đủ, ngâu, dừa. Có một lần, tôi treo hái dừa, té từ độ cao 5m xuống đất gãy xiêu suýt chết.

Ban đầu, tôi gánh chưa quen, chỉ gánh được khoảng 12-13kg và phải cố gắng gánh chạy theo các cô, các chị đi phía trước rất vất vả nhưng từ từ rồi cũng quen. Mỗi lần bán được hàng, tôi phải mua 5 lít gạo để cả nhà có gạo ăn và mua thêm muối, nước mắm. Về nhà, tối đến, tôi đi soi cá dưới sông để có đồ ăn trong ngày.

Tháng 10/1952, một trận bão lũ lịch sử ập đến vùng Đông Nam Bộ. Tỉnh Biên Hòa nước dâng cao từ 2,5 - 3m so với những năm bình thường. Voi và cạp cũng bị cuốn trôi từ rừng về phía hạ lưu sông Đồng Nai.

Đầu năm 1952, má và bác Hai bàn: hai nhà sẽ mua một đôi trâu để cày cấy vì nhà có nhiều ruộng đất. Trước mắt, giao cho tôi đi chăn trâu. Khi nhờ dưỡng Tám ở nhà máy của Biên Hòa mua được trâu, tôi xuống cưỡi trâu một tuần ở nhà dì Tám. Sau khi có giấy tờ, tôi dẫn trâu về quê, đi đến đình Bình Thảo, tôi bị một anh du kích chặn lại, đòi đóng thuế cho Việt Minh rồi mới được đi. Tôi nghĩ thầm: “Tôi cũng là Việt Minh đây”. Thật ra, trong túi không có tiền nhưng tôi trả lời với anh cho xuôi: “Thưa anh, tôi là người được người ta thuê, dẫn trâu về làng Mỹ Quới để cày ruộng”. Anh du kích nghe cũng có lí nên nói: “Thôi, em dắt trâu đi!...”. Từ đó, tôi trở thành đứa trẻ chăn trâu. Má và bác Hai thuê người tập cho trâu cày, vì có một con trâu nghe mới lớn tên tên là “trâu Quýt”, con lớn hơn tên “trâu Xe”. Lần đầu, thuê chú Năm Lèo cày vỡ đất. Lần hai, thuê anh Hớ ở Lợi Hòa (Bình Lợi) cày dùm và lần ba đến lượt tôi cày.

Trận lụt năm Nhâm Thìn 1952, nhà tôi nước lên khoảng 1,2m, ngoài đồng nước lên đến bụng trâu. Chân trâu bị ngâm nước bị bong tróc, tôi phải cho trâu lên gò mả cao. Bác Sáu có đất ở gò Điều Hòa nên biểu tôi cùng anh Sáu (anh của Sư Văn) đánh trâu lên đó. Khi chúng tôi đưa trâu lên chỗ giáp ranh giữa hai làng Tân Trạch và Điều Hòa thì gặp một thác nước chảy rất mạnh khiến trâu không thể vượt qua và có thể bị trôi. Anh Sáu, được giúp sức nên đến lần thứ hai thì vượt được thác nước. Còn tôi, mặc dù cố hết

sức nhưng phải đến lần thứ ba, tôi mới đưa được hai con trâu vượt qua thác nước. Trâu ăn cỏ ở khu gò cao được một tuần lễ, thì nước rút mới cho trâu về được.

Sau trận lụt năm 1952, tôi còn có một việc làm đáng nhớ là đi bán tranh ở Biên Hòa. Má và em Lài đánh tranh, còn tôi phải gánh tranh đi bán để có tiền mua gạo.

Đầu năm 1953, tôi đi làm phụ hồ cho thợ xây nhà. Cậu Tư Lộ, lúc đó 18 tuổi, là công nhân giữ kho vật liệu cho nhà thầu xây nhà cao tầng ở Sài Gòn⁽¹⁾. Nhà thầu yêu cầu sử dụng vài người phụ quét dọn khu vực công trường. Cậu Tư Lộ kêu bà ngoại tôi bằng cô ruột. Vì có mối quan hệ nên cậu Tư Lộ xin nhà thầu cho tôi chân thợ phụ hồ bất đắc dĩ. Có việc làm nên tôi có tiền phụ má lo cho ba đứa em và tôi cũng sắm cho mình bộ đồ mới.

Làm được 2-3 tháng thì tôi được tin bà ngoại mất và về chịu tang ngoại. Cuộc đời thợ hồ cũng đã qua đi.

Cuối năm 1953, ba nhấc tôi lên Chiến khu Đ để làm hồ sơ đi học văn hóa ở Liên khu 5, sau đó trở về, tôi chuẩn bị đi hẩn. Má tôi rất buồn, trách: “Mày đi, con Lài phải chăn trâu, nó bị té gãy tay!”. Tôi thấy thương em gái 9 tuổi phải thay tôi giữ trâu. Em tôi cưỡi trâu bị té sai khớp cùi chỏ phải, tay trái, má tôi phải đem em lên thầy Đội⁽²⁾ ở Điều Hòa để “nắn” (tức chữa sai khớp), đi 3 - 4 lần mới khỏi.

(1) Khu chợ Tân Định, P. Tân Định, TP. Hồ Chí Minh hiện nay.

(2) Ông thầy Đội đi lính sang Pháp trong chiến tranh thế giới lần thứ nhất (năm 1914-1918), ông học được nghề “nắn” khớp, chữa bệnh cho dân trong vùng.

Tuổi thơ của tôi quá cơ cực. Mỗi lần, nhìn thấy tôi, bà nội lại xót xa, ca cẩm: “Không biết cháu tôi đến khi nào mới lớn khôn và thoát được cảnh cơ hàn?”. Tôi còn nhớ, mỗi lần đi chợ, tôi đều nhớ mua cho nội vài cái bánh pía để nội ăn, uống nước, mua cho em Nhi một chai xá xị.

Một điều đáng nhớ là trước lúc đi xa, tôi có linh cảm là sẽ không còn được gặp lại nội, nên tôi có để lại một bức thư gửi chị Ba Kim, nhờ chị Ba săn sóc nội lúc tuổi già. Không thể nói cùng chị, nên tôi để lại lá thư ấy trong rổ kim chỉ của chị. Khi tôi đi rồi, một lần giở kim chỉ ra may vá, chị Ba phát hiện được lá thư của tôi và đọc cho bà, bác Hai và má tôi nghe. Cả nhà đều xúc động khi nghĩ về đứa con, đứa cháu nghèo khổ mà hiếu thảo với nội và má.

Chú Bảy Đua

Chú Bảy Đua (Nguyễn Văn Đua), người chiến sĩ tình báo năm xưa của Chi đội 10 Biên Hòa anh hùng. Sau này, chú Bảy Đua được bác Út Thôi mời về làm Xã đội trưởng xã Bạch Đằng.

Nếu không kể, chắc không ai biết đến trường hợp chú Bảy hy sinh. Tôi còn nhớ đầu năm 1954, khoảng tháng 2/1954 chú Bảy hẹn tôi lên nhà bác Út Thôi để chú đưa tôi lên Chiến khu Đ. Chủ trương của tỉnh lúc này là cho con em cán bộ cách mạng ra Liên khu 5 hay miền Bắc để học văn hóa.

Một buổi chiều, má đưa tôi lên nhà bác Út Thôi rồi quay về. Tôi muốn xin má được đi học theo ý nguyện của ba nhưng không dám nói ra vì tôi biết má không muốn xa con dù là ý tưởng rất tốt đẹp. Sau này, tôi luôn hối hận về điều đó...

Chú Bảy dặn các chị con chú khi nào tôi ra thì lên gặp chú. Theo sự chỉ dẫn của các chị, tôi ra khu vực đình Điều Hòa, cách nhà bác Út Thôi khoảng 200m. Khu đình qua nhiều năm chiến tranh không có người săn sóc, nên cây

cỏ mọc hoang vu. Cửa hầm chú Bảy ở ngay dưới gốc cây cổ thụ. Chú Bảy Đưa bảo tôi: “Cháu ra nhà bác Út nghỉ, tối chú vào đưa cháu lên Chiến khu Đ”.

Sau khi ăn vội bát cơm tối, khoảng 8 giờ chú Bảy đưa tôi qua sông đoạn cồn Bình Ninh, sau đó lại đưa qua đoạn Tân Tịch (bến đò Bà Miêu) để đi vào Mỹ Lộc và chú cháu tôi xa nhau từ dạo ấy.

Sau 20 năm đi tập kết ra Bắc học hành, thành đạt khi trở về Nam tôi được biết chú Bảy Đưa đã hy sinh vào thời điểm trước ngày ký Hiệp định Genève chừng một tháng.

Nghe kể lại rằng, khi bác Út Thôi và chú Bảy Đưa vào nhà bác Út, bác Út đi trước, chú Bảy đi sau. Chú Bảy bị trúng đạn vì giặc phục kích còn bác Út chạy thoát. Sáng hôm sau, giặc khiêng xác chú Bảy về đồn ở đình làng Tân Trạch để xác chú Bảy ở tư thế ngồi, tay cầm trái sáu màu vàng, miệng chúng cho ngậm thuốc lá. Giặc rêu rao chú Bảy là người xấu. Nhưng chú Bảy Đưa là người yêu nước, được dân làng chôn cất, nhang khói.

Bác Mười của tôi

Bác Mười Đeo sinh năm 1917, mất ngày 19/12/1972. Đơn vị của bác Mười là Xí nghiệp D20, sản xuất thiết bị điện, thuộc Bộ Điện than trước đây. Đơn vị ở gần ga Yên Viên, Hà Nội. Khu tập thể ở gần Cống Thôn, bên hữu hạn sông Đuống.

Mùa lũ năm 1971, đê Cống Thôn bị vỡ, nước lũ đã làm bùn cát tràn vào nhà tập thể của bác. Sau lũ, cơ quan phải dọn dẹp bùn cát ra ngoài sân thành một đồng cát hàng 100m³.

Đầu năm 1972, trong một chuyến lên Hà Nội công tác, tôi đã có dịp về thăm bác Mười ở địa điểm này.

Chuyện về bác Mười là một câu chuyện thật buồn biết bao! Tuy bác chỉ ít hơn ba tôi có một tuổi nhưng bác không có vợ con. Khi còn trẻ, bác cũng có người yêu và hai người yêu thương nhau thắm thiết nhưng duyên không thành hiện thực, vì gia đình của người yêu chê bác nghèo và không có tương lai sự nghiệp. Người yêu của bác là cô Út Tài.

Cô Út Tài đi lấy chồng xa ở xã Thanh Phú, được một, hai năm thì bị bệnh nặng, xin nhà chồng cho về nhà mẹ ruột để chữa bệnh, nhưng bệnh tình của cô ngày càng nặng

thêm và cô qua đời khi chưa đến 30 tuổi. Còn bác Mười thì đi hoạt động cách mạng cùng với ba của tôi. Lúc tôi biết thì bác Mười làm công tác văn phòng ở cơ quan Tỉnh ủy Biên Hòa. Thời đó, chú Trường Sinh làm Chánh văn phòng.

Khoảng năm 1948, cơ quan Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính Kháng chiến tỉnh và công an ở khu rừng thuộc xã Mỹ Lộc có một cột mốc, cây gỗ gỗ ở bìa rừng. Vị trí cây gỗ là “điểm mốc chỉ điểm” để bọn gián điệp chỉ điểm cho máy bay giặc Pháp ném bom ba cơ quan đầu não của tỉnh Biên Hòa ngày đó. Máy bay giặc Pháp ném đúng mục tiêu ba cơ quan này, nhưng rất may là không có thiệt hại về người.

Về sau, Ủy ban Hành chính kháng chiến tỉnh chuyển về gần làng Mỹ Lộc nhưng cũng bị giặc ném bom một lần nữa vào đầu năm 1949 nhưng may mắn không có thiệt hại về người. Thời gian này, tôi làm liên lạc ở văn phòng Ủy ban. Cuối năm 1949, cơ quan chuyển về Đất Cuốc thì được an toàn.

Năm 1952 đến 1953, do sức khoẻ yếu nên bác Mười được cơ quan cho nghỉ an dưỡng ở xã Đại An. Đầu năm 1954, giặc Pháp hành quân vào Chiến khu, bác Mười bị giặc phục kích, bắn bị thương nặng, gãy xương đùi trái, không chạy được, sau đó giặc đến chỗ bác nằm. Bác Mười bị hôn mê, nhưng giặc không bắn chết mà còn sơ cứu vết thương cho bác. Lúc này đang diễn ra Hội nghị Genève, nên giặc cũng bớt hung hăng.

Sau khi giặc rút quân, du kích xã Đại An đã khiêng bác Mười vào Quân y viện, đùi trái bác Mười bị nhiều viên đạn làm gãy xương đùi dài gần 20cm. Các bác sĩ quân y đã giải phẫu sắp xếp lại xương đùi và băng bó cho bác.

Được tin, ba tôi đã cử anh Hai Hưởng đóng quân ở chỗ ba vào Quân y viện để săn sóc cho bác Mười. Sau đó, ba đến chỗ tôi đang học văn hóa xin phép cho tôi được đi với ba vào Quân y viện thăm bác. Lúc này, bác đã tỉnh táo hơn nhưng vết thương còn rất đau đớn.

Sau gần một tháng khi ba và tôi đến thăm bác, thì thương binh ở Quân y viện cùng bác Mười được xuống tàu đi tập kết. Thật bất ngờ là tôi cũng được đi chuyến tàu với bác. Chuyến tàu thứ hai khu Đông Nam Bộ tập kết ra bến Sầm Sơn, Thanh Hóa. Chuyến đầu chở bộ đội ở Thủ Biên và Bà Rịa cũng xuất phát từ cảng Gò Dầu (Bà Rịa).

Chuyến tàu đầu tiên chở bộ đội từ Bãi Tranh (Gần cảng Gò Dầu) ra cây số "0" của sông Lòng Tàu, cách thành phố Vũng Tàu chừng 1km về phía Tây Nam.

Tôi đi chuyến tàu buôn do Pháp thuê để đưa quân đội đối phương di chuyển đến địa điểm tập kết Sầm Sơn, Thanh Hóa ở miền Bắc. Ra tới miền Bắc, Bộ Y tế và quân đội đã tận tình chữa trị vết thương cho bác để khỏi bị cắt bỏ chân phải của bác vì vết thương khá nặng.

Khi vết thương của bác Mười được chữa lành, chân trái của bác bị ngắn hơn chân phải 0,07m. Bác phải đóng đôi giày chân trái cao 0,05m để khi đi đỡ bị khập khiễng.

Cuối năm 1954 đầu năm 1955, đất nước ta còn nghèo chưa đủ điều kiện nuôi thương binh nên có chính sách đưa thương binh về làng, mỗi làng nuôi từ hai đến ba thương, bệnh binh.

Mỗi thương binh được gửi ở một nhà để có điều kiện chăm sóc. Bà con cho thương binh một mảnh ruộng, do

bà con cày cấy sẵn sóc đến khi gặt lúa phơi khô, sau đó xay lúa, giã gạo để thương binh có gạo ăn. Bác Mười được về một làng (xã) thuộc huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh⁽¹⁾

Đầu năm 1956, Nhà nước đã xây được làng thương binh ở làng Đại Tráng, thị xã Bắc Ninh và tôi đã được về thăm bác Mười ở đó.

Về sau bác Mười được bố trí làm công tác bảo vệ ở Xí nghiệp D20 chuyên sản xuất thiết bị điện. Thời gian học Đại học Thủy lợi ở Hà Nội (1963 - 1966), nhiều lần tôi về thăm bác ở đây.

Cuối năm 1972, máy bay B52 của Mỹ ném bom ở Hà Nội (từ 17/12 đến 30/12). Đêm 18/12, bác Mười bị trúng bom B52 rải thảm ở khu vực ga Yên Viên, Hà Nội. Bác bị một mảnh bom trúng lưng bể phổi. Bác được anh em thủy lợi đang đắp đoạn đê Cống Thôn bị vỡ đưa đến bệnh viện dã chiến ở Châu Quỳ (gần Đại học Nông nghiệp Hà Nội). Sau này, có dịp gặp mấy anh công nhân thủy lợi quen biết, tôi mới được biết sự việc này.

Đầu năm 1973, trong chuyến về Bộ Thủy lợi làm việc tôi ghé thăm chị Hai Dung. Chị báo cho tôi là chị nhận được tin cơ quan bác Mười báo tin buồn là bác Mười bị bom 52 đã mất ngày 19/12/1972. Tôi với chị Hai Dung đã đến Xí nghiệp D20 nơi bác Mười công tác. Hai chị em tôi mua bông và nhang đèn, đi cùng cán bộ Xí nghiệp D20 ra thăm phần mộ của bác Mười. Đây là phần mộ đất, chôn chưa lâu, khắc tên họ bác cùng ngày tháng năm sinh và

(1) Vì quá lâu, nên tôi không còn nhớ làng, xã ấy dù bác Mười đã đưa tôi về thăm bà con ở đó một hai lần.

năm mất. Tấm bia bị ngã do kích thước nhỏ, lại chôn trên nền cát. Mộ bác ở gần xí nghiệp giao thông của ngành giao thông.

Tháng 6/1974, trước khi lên đường đi B, tôi mua hoa, nhang đèn đến thăm mộ bác để lên đường vào Nam. Một điều quá đau buồn là phần mộ của bác Mười đã không còn nữa. Tôi khóc nức nở bên đường phía đối diện khu nghĩa trang trước đây tôi đã đốt nhang và để lại hoa ở nơi đó. Sau đó, tôi được biết xí nghiệp giao thông đã xin địa phương giải tỏa nghĩa trang để mở rộng diện tích xí nghiệp. Chị em tôi ở xa không nhận được thông tin kịp thời nên phần mộ của bác Mười đã không có người thân đến nhận.

Từ năm 1975 đến đầu năm 1976, tôi có viết thư nhờ Xí nghiệp D20 tìm kiếm phần mộ của bác tôi ở địa điểm khu mộ mới di dời nhưng vẫn bất vô âm tín. Cuối cùng, giữa tôi và cơ quan của bác chưa tìm được tiếng nói chung về việc tìm kiếm mộ phần của bác, nhân viên bảo vệ của Xí nghiệp D20 đã hy sinh trong đợt B52 của giặc Mỹ ném bom ở Hà Nội 12 ngày đêm cuối tháng 12/1972 lịch sử.

Ngày 19/12/1972, ngày bác Mười hy sinh cũng là ngày toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp (19/12/1946), cũng là ngày sinh con tôi, Huỳnh Dũng Tiến. Ngày bác Mười hy sinh cũng là ngày sinh của lớp người mới - tương lai của đất nước.

08/9/2020

Kỷ niệm với chị Hai Dung

Chị Hai Dung mà tôi coi như chị ruột của mình là con gái bác Hai Ngôn (Liệt sĩ Huỳnh Hữu Ngôn), anh trai của ba tôi. Khi chị 16 tuổi, ba tôi đưa chị vào khu tham gia kháng chiến.

Vào giữa năm 1948, tôi nghỉ học ở trường làng vì đánh nhau với con của mấy tên lính ác ôn trong làng như tên Chín Rực và Năm Mạo. Hai tên đao phủ này gây bao tội ác với dân làng, chúng chặt đầu những người mà chúng nghi là du kích Việt Minh vào ban đêm ở cầu trên sông.

Tôi được ba gửi vào Chiến khu Bình Chánh để học ở Trường Tiểu học Kháng chiến Tân Uyên. Học được chừng một tháng thì giặc hành quân vào chiến khu đốt trường, tôi phải nghỉ học. Một hôm, tôi bị sốt rét nhưng có hẹn với chị Hai Dung hai chị em phải lên xã Tân Hòa, thuộc Chiến khu Đ. Trên đường đi phải qua trọng điểm nguy hiểm là đoạn Lò Chén (tức lò gốm) cách đồn Tân Uyên chừng 1,5km. Vì địch thường phục kích để bắn Việt Minh qua lại nơi này nên du kích địa phương thường có ám hiệu: úp cái tĩn⁽¹⁾ trên đầu cọc cao 1m là không có địch. Hôm chị em tôi đi, không có ám hiệu an toàn, có lẽ cái tĩn đã bị địch đập bể. Lúc qua đoạn đường này, phải chạy thật nhanh nên chị Hai phải công tôi để chạy qua đoạn đường nguy hiểm. Về sau, để an toàn khi qua đoạn đường này, du kích đã dẫn đường xa

(1) Vại sành.

vào phía trong, cách chỗ cũ khoảng 2km. Đây là con đường an toàn của ta, đi từ Bình Chánh, Khánh Vân (bây giờ là xã Khánh Bình, thành phố Tân Uyên) lên Chiến khu Đ. Lúc bấy giờ Chiến khu Đ gồm 5 xã: Tân Hòa, Tân Tịch, Mỹ Lộc, Thường Lang và Lạc An. Chiến khu Đ là địa bàn của tỉnh Biên Hòa, Quân khu 7. Còn chiến khu Bình Chánh lúc đó là địa bàn của Ủy ban Hành chính và Huyện đội Tân Uyên.

Trong thời gian đầu tham gia kháng chiến, chị Hai làm hội viên của Hội Nông dân Cứu quốc tỉnh Biên Hòa. Sau đó, chị được học lớp cứu thương của Ty Y tế và làm việc ở ngành y tế.

Năm 1951, tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một sáp nhập thành tỉnh Thủ Biên. Chị làm y tá ở huyện Hớn Quản (thuộc tỉnh Bình Phước).

Vào mùa mưa năm 1951, giặc đột kích vào trạm xá huyện Hớn Quản bắn chết đồng chí Trạm xá trưởng và một số thương binh. Còn chị tôi bị thương ở đùi, mong may mà trúng đạn phần mềm. Tuy vậy, chị phải nằm lại qua đêm ở trong rừng. Ngày hôm sau đơn vị mới đưa chị về chiến khu để điều trị.

Đầu năm 1954, tôi nghe cô Tâm, vợ chú Năm Thái kể chuyện chị Hai đã có người yêu. Đó là anh Ế, tức là anh Huỳnh Văn Khải là y sỹ thuộc Ty Y tế Thủ Biên. Cô Tâm hỏi ba tôi: “Anh Tư có biết chưa?”. Ba tôi nói là chưa biết. Sau Hiệp định Genève 20/7/1954, chị Hai may mắn được tập kết ra miền Bắc và gặp lại anh Khải. Vài năm sau đó, anh chị kết hôn. Trước khi làm đám cưới anh Khải đã là bác sỹ còn chị Hai là y sỹ. Các cháu Hoàn, Hạnh, Hoa lần lượt chào đời. Trong mấy mươi năm sống trên đất Bắc, anh, chị và các cháu là người thân duy nhất của tôi.

Trái tim non rung động

“Em hãy kể chuyện mà em thấy sâu sắc nhất trong đời em” là đề bài văn kể chuyện của học sinh lớp 6⁽¹⁾ do thầy giáo Võ Tề, quê Thừa Thiên - Huế ra cho học sinh lớp 6 Trường học sinh miền Nam trên đất Bắc số 14 ở Hải Phòng⁽²⁾.

Sau khi đọc đề bài, tôi suy nghĩ khoảng 4 đến 5 phút và xin phép được hỏi thầy: “Thưa thầy, em có câu chuyện buồn muốn kể lại có được không?”.

Thầy giáo Tề trả lời:

- Em kể vui cũng được, chuyện buồn cũng được.

Và đó là câu chuyện buồn về “Trái tim non rung động” của tôi. Câu chuyện ba tôi bị giặc bắt năm 1940. Lúc đó, tôi chỉ là cậu bé ở tuổi lên 5 và ba má tôi chỉ có một mình tôi.

(1) Lúc này trình độ cấp 2 là từ lớp 5 đến lớp 7.

(2) Từ năm 1954 đến năm 1975 gần 30.000 con em đồng bào miền Nam từ Quảng Trị đến Cà Mau đã được rèn luyện và trưởng thành dưới mái trường miền Bắc, trong đó Hải Phòng là một trong mười tỉnh thành miền Bắc đón tiếp và nuôi dưỡng học sinh miền Nam nhiều nhất.

Tôi còn nhớ ba tôi bị bắt vào một đêm tối trời, trời mưa dầm khoảng tháng 7 âm lịch năm 1940. Khi tôi đang ngủ say, má bế thốc tôi dậy: “Ấn! Dậy con! Ba con bị bắt!”. Tôi giật mình thức dậy, tim đập thình thình...

Má bế tôi từ trong buồng bước ra ngay nhà trên, nhà ông nội (sau là nhà bác tôi - bác Hai Ngôn).

Ở nhà trên, ông tôi đốt cây đèn toa đăng, đèn dầu rất sáng “tiếp ông khách không mời mà đến” - đó là ông chủ quận Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa.

Má tôi bế tôi ra hành lang, để tôi xuống đất và nói: “Ba con nằm kia kìa! Con đến với ba con đi!”.

Tôi thấy lơ mờ ba tôi nằm trên tấm đệm phơi đậu xanh vừa mới hái lúc trưa. Tôi vừa đi được một, hai bước về phía ba thì tên lính gác nắm lấy cánh tay tôi quăng ra và nạt: “Đi vô!”. Má vội ôm và bế tôi lên. Khi vào nhà, tôi thấy ông nội mở tủ lấy một số tiền lớn, hai tay ông run run đưa cho tên quận trưởng mập ú và nói: “Xin ngài nhận cho chút lễ mọn!”. “Lễ mọn” của ông tôi là cả gia tài của gia đình tôi mà ông bà tôi, ba, má tôi đã lao động suốt đời để tạo ra.

Lúc đó đầu óc bé nhỏ của tôi chưa hiểu được nên mới hỏi má: “Má ơi! Ba bị lính quận bắt mà sao ông nội còn cho họ tiền?”. Má mới giải thích: “Vì ba con làm Cộng sản, chống lại chính quyền thuộc Pháp, có tội nặng. Ông nội phải cho tên quận trưởng tiền để nó đừng bắn giết ba con”. Má tôi thở dài: “Nước mất nhà tan là vậy đó con!...”.

Sáu tháng sau ngày ba bị bắt, gia đình nhận được điện báo: “Ba tôi bị lưu đầy biệt xứ lên tỉnh Tây Ninh, huyện Trảng Bàng”. Nhà chức trách quy định hàng tuần phải đến

trình diện và không được đi khỏi địa bàn. Ba tôi phải xin làm người rửa bát cho tiệm phở để có cơm ăn.

Được tin điện báo, ông nội, ông ngoại bàn nên bố trí cho má và tôi lên Trảng Bàng thăm ba tôi. Mỗi ông góp cho má tôi một đồng tiền Đông Dương để ba má tôi có thể sống được nơi xứ người.

Sau khi má và tôi lên thăm ba chừng vài ngày thì ông nội lên thăm ba, sau đó đến ông ngoại. Rồi lần lượt bác Hai trai, bác Hai gái và chị Ba Kim⁽¹⁾ lên thăm ba. Lần này, bác Hai đưa tôi về Sài Gòn nghỉ một ngày sau đó đưa tôi về quê và gởi ở nhà ông bà ngoại cho dì Tám (lúc đó chừng 12 - 13 tuổi) săn sóc: cho ăn, cho ngủ, tắm rửa dắt đi chơi.

Một ngày hè kia, khoảng cuối năm 1943, má tôi bế đứa em gái mới sinh được 10 ngày tuổi từ Trảng Bàng về quê. Má tôi nói với ông bà nội, vợ chồng bác Hai là ba tôi đã được thả và một tiếng sau thì ba tôi đã về đến nhà. Ông bà nội, vợ chồng bác Hai và con cháu đều vui mừng khôn xiết. Ông bà nội và bác Hai bảo tôi: “Con chạy vào báo cho ông bà ngoại và các cậu, dì là ba, má con đã về rồi!”.

Cả gia đình ông bà nội, ông bà ngoại đều vui mừng vì ba tôi đã mãn hạn tù, ba má tôi đã về và lần này tôi có thêm em gái 10 ngày tuổi. Sau này bà nội đặt tên cho em là Lài vì theo bà: “Lài có nghĩa là lưu lạc, lạc loài...”.

Đọc bài viết của tôi, thầy giáo Võ Tề vô cùng xúc động nên thầy cho tôi điểm 5, điểm cao nhất của Liên Xô và thầy đọc bài viết của tôi cho cả lớp nghe.

8/9/2015

(1) Chị Ba Kim lớn hơn tôi một tuổi.

Người anh cứu mạng của tôi

Anh Tư Nở (Võ Văn Nở) đi bộ đội Chi đội 10 từ sau ngày Nam Bộ kháng chiến (23/9/1945). Anh chính là người anh cứu mạng của tôi khi giặc càn vào Chiến khu Đ và bắn anh em tôi ở chân dốc Bà Nghiêm⁽¹⁾.

Một lần, sau khi gặp ba tại Chiến khu Đ, từ xã Tân Dân, ngã tư Bà Đã - Thiềng Liềng về Biên Hòa qua khu ruộng dưới chân dốc Bà Nghiêm, tôi đã gặp và ở chung với anh Tư Nở.

Sáng sớm, có tin giặc càn vào Chiến khu, cả làng sơ tán vào rừng đến 11 giờ 30 trưa. Thấy yên tĩnh, anh Tư Nở và tôi ra suối tắm giặt. Anh Tư tắm xong trước nằm hát nghêu ngao, tôi cũng tắm xong và đang phơi áo thì giặc đã xuống tới chân dốc Bà Nghiêm. Thấy tôi, bọn giặc bắn mấy loạt tiểu liên nhưng không trúng. Tôi chạy theo lối mòn vào

(1) Dốc Bà Nghiêm từ chân ruộng xã Tân Hòa vào vùng đất Đạo. Đất Cước xưa thuộc xã Mỹ Lộc, huyện Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa.

rừng, anh Tư Nở gọi tôi: “Ấn! Chạy đường này”. Tôi đang chạy bỗng khựng lại. Một quả lựu đạn nổ cách tôi chừng 4 đến 5m. Nếu tôi không thắng kịp, có thể tôi đã lãnh đủ quả lựu đạn đó. Anh Tư bảo tôi phải chạy tắt theo anh vào rừng. Hai anh em tôi chạy thêm chừng một lúc bọn giặc vẫn bắn tiểu liên đằng sau nhưng không có hiệu quả. Nhanh như cắt, chúng tôi đã chạy sâu vào rừng. Anh Tư đã cứu mạng cho tôi.

Một lần khác, không có hẹn mà Tết năm 1958, anh Tư từ Nông trường Lam Sơn, Thanh Hóa, đi phép ra Hà Nội ở chỗ chị Hai Dung và gặp tôi ở đó. Anh dẫn tôi ra Cầu lạc bộ Thống Nhất, gần hồ Hoàn Kiếm thưởng thức hương vị Tết ở quê nhà. Sau đó, hai anh em đi dự hội đồng hương Biên Hòa ở hội trường nhà máy nước đá trên đường Trần Quang Khải, bên đê sông Hồng.

Tiết mục đầu tiên, bác Tám Nghệ đọc thư của Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa là chú Năm - Nguyễn Văn Trị, người chiến sĩ kế cận của ba tôi ở tỉnh Biên Hòa năm 1945-1954.

Sau đó bác Năm Kính, nguyên Phó chủ tịch tỉnh thời kháng chiến chống Pháp ở Biên Hòa gọi tôi ra chỗ vắng nói chuyện.

Bác Năm nói: “Bác Tám Nghệ bàn với bác là cần cho cháu biết một tin quan trọng. Trong cuộc kháng chiến chống giặc ở miền Nam, ba cháu đã anh dũng hy sinh!...”

Đầu óc tôi như nổ tung. Hai hàng nước mắt rơi lã chã....

Anh Tư Nở lại chỗ tôi, tôi nói với anh Tư: “Bác Năm vừa báo cho em biết là ba em đã hy sinh. Bây giờ anh em mình về chỗ chị Hai Dung”.

Hai anh em tôi đi từ đường Trần Quang Khải về đến Bệnh viện lao, bệnh viện Phạm Ngọc Thạch, Hà Nội. Suốt dọc đường, tôi đã khóc suốt suốt như một đứa trẻ vì sự ra đi của ba tôi là một sự mất mát quá lớn đối với tôi. Chắc bà con các khu phố Hà Nội cũng quá đỗi ngạc nhiên, khi nhìn thấy cảnh một thanh niên khóc nức nở trên đường phố Hà Nội.

Việc ba tôi hy sinh là sự mất mát lớn của cách mạng ở vùng Đông Nam Bộ, của gia đình và bản thân tôi. Tôi đã bị một cú sốc lớn. Tôi nói với anh Tư Nở và chị Hai Dung: “Em chỉ muốn ở một mình. Sáng mai dù là mừng một Tết em phải ra ga để về Trường học Học sinh miền Nam ở Hải Phòng”. Lúc đó chị Hai Dung đang có thai cháu Hoàn, sắp đến ngày sinh. Và đúng hôm sau tôi đã đi Hải Phòng.

Có một việc mà tôi không thể nào quên được là sau bữa cơm trưa, các bạn về nghỉ trưa thì tôi lại lên lớp ngồi một mình khóc. Thầy giáo Tề, giáo viên chủ nhiệm lớp 7G biết được sự việc và thầy đã đến chia buồn cùng tôi.

Thầy giáo Tề quê ở Huế, lúc đó thầy là giáo viên dạy giỏi và đối tượng kết nạp Đảng của Chi bộ Đảng ở Trường Học sinh miền Nam, số 14 Hải Phòng.

Một điều hy hữu là năm 1958 khi tốt nghiệp lớp 7 (cấp 2), tôi đã đi bộ đội và bốn năm sau tôi đã thi đỗ vào Đại học Thủy lợi Hà Nội. Trong cuộc hội thảo sinh viên các trường đại học ở Hà Nội trên sân Hàng Đẫy, tình cờ tôi gặp lại thầy khi thầy đang là lớp trưởng của sinh viên Đại học Sư phạm Hà Nội.

Sau này, khi tôi, anh Tư Nở và anh Bảy Đỏ cùng ở Sư đoàn 330 đóng ở Thanh Hóa, nhưng hầu như anh em tôi

không có dịp gặp nhau vì tôi ở C31 - D16, bộ đội thông tin của sư đoàn bộ, còn các anh thuộc sư đoàn.

Một lần, tôi tìm và đến thăm anh Tư Nở ở nông trường Lam Sơn, nông trường quân đội chuyên trồng cây cao su ở Thượng nguồn sông Chu, nơi có đập Bãi Thượng được xây dựng thời Pháp thuộc. Nguồn nước từ đập này được dẫn theo kênh nổi để tưới hầu hết ruộng lúa cho cả tỉnh Thanh Hóa. Nơi tôi đóng quân có nhà máy thủy điện Bàn Thạch⁽¹⁾. Khi tôi là giáo viên ở trường văn hóa sư đoàn, tôi dạy bổ túc văn hóa lớp 5 cho anh em bộ đội năm 1961.

Năm 1960, anh Tư Nở có quyết định đi B, anh Tư đến gặp anh Bảy Đỏ và hai anh đã đến thăm tôi để tạm biệt để vào Nam chiến đấu. Mấy anh em tôi rủ nhau ra thị trấn Thọ Xuân, bến sông Chu chụp một tấm ảnh. Đây là tấm ảnh để đời của ba anh em chúng tôi. Năm 1968, tôi được tin anh Tư đã hy sinh ngoài mặt trận khi chỉ còn vài năm là giải phóng quê hương.

Sau năm 1975, đất nước độc lập, thống nhất, tôi đã phóng lại tấm hình của ba anh em chúng tôi chụp năm 1960 tặng lại anh Bảy Đỏ, chị Út Quỳnh - em út của anh Tư Nở. Và chị Út đã phóng to ảnh của anh Tư Nở để làm tấm ảnh thờ ở nhà của chị bên cạnh bến phà xã Bạch Đằng.

Anh Tư Nở hồi đi B có quân hàm trung úy, khi về Nam anh là Tiểu đoàn trưởng, sau đó anh có chức vụ chính trị viên trung đoàn. Lúc anh Tư hy sinh năm 1968, anh Bảy Đỏ

(1) Nhà máy điện Bàn Thạch được đưa vào hoạt động năm 1961, trở thành công trình thủy điện đầu tiên tại Việt Nam xây dựng sau Cách mạng tháng Tám. Nhưng 5 năm sau đó, Bàn Thạch là một trong những cơ sở kinh tế đầu tiên của Việt Nam bị máy bay Mỹ ném bom.

cũng có quyết định đi B nhưng vì bệnh tim anh phải ở lại Hà Nội. Được biết, anh chị Bảy Đỏ có hai con gái và nhà ở góc ngã ba đường Cao Thắng, TP. Hồ Chí Minh hiện nay.

Cuộc đời anh Tư Nở khiến tôi luôn trần trở thương anh. Thời trẻ, anh đã có gia đình nhưng chiến tranh đã làm hai vợ chồng mãi mãi không còn gặp nhau nữa. Anh chị chưa có con, sau này dường như anh chưa gặp được người ý hợp tâm đầu cho đến khi anh qua đời vào dịp Tết Mậu Thân năm 1968.

Kỷ vật còn lại trong tôi về anh chính là tấm hình lưu niệm trong giờ khắc quan trọng ấy, khi anh lên đường vào Nam chiến đấu và hy sinh. Anh Tư Nở chính là người anh đã cứu mạng tôi và đã hy sinh cả tuổi thanh xuân đẹp nhất cho quê hương, đất nước.

12/10/2022

Bước ngoặt cuộc đời

(Từ cuộc mất mát hy sinh của ba - Người cha thân yêu)

Tết năm 1957-1958 là cái cái Tết không thể nào quên của tôi. Tôi từ Trường Học sinh miền Nam, Hải Phòng về Hà Nội ăn Tết cùng chị Hai Dung và được tin ba tôi đã hy sinh trên mảnh đất quê hương, cù lao Mỹ Quới năm 1956 khi ông vừa tròn độ tuổi 40.

Nghe tin ba hy sinh, tôi một mình quay trở về Trường, trong lòng buồn bã như kẻ mất hồn. Sau 3 ngày nghỉ Tết, tôi đeo mảnh vải đen, để tang cho ba lên lớp học. Thầy giáo Võ Tề, giáo viên phụ trách lớp biết tin đã đến chia buồn cùng tôi.

Cứ sau mỗi buổi sáng lên lớp học, trưa về ăn cơm xong, tôi lại lên lớp đóng cửa lại. Tôi ngồi một mình, nghĩ về ba, về sự thương yêu, săn sóc dạy dỗ của ba. Nhưng giờ

đây và mãi mãi về sau tôi sẽ không còn được hưởng bao niềm hạnh phúc đó nữa. Cứ thế, hai hàng nước mắt tôi rơi, rơi mãi...

Các bạn trong lớp biết, nhưng cứ để tôi yên. Đó cũng là sự chia sẻ cùng tôi trước cú sốc quá lớn. Một lần, vì quá buồn, tôi viết thư cho bác Năm Kính, nguyên Phó Chủ tịch tỉnh Biên Hòa - bạn thân của ba tôi. Nhận được thư tôi, bác Năm Kính viết thư an ủi, trong thư bác Năm Kính có viết mấy câu thơ của nhà thơ Tố Hữu.

*Đời cách mạng từ khi tôi đã hiểu
Dấn thân vô là phải chịu tù đầy
Là gươm kẻ tận cổ, súng kẻ vai
Là thân sống chỉ coi còn một nửa*

Rồi năm 1958, tôi cũng đã thi kết thúc năm học cuối cấp 2. Các bạn tôi đã chuyển trường, chuyển lớp.

Đầu tháng 10/1958, Thành đội Hà Nội có đợt tuyển quân gửi các trường tuyển 400 tân binh có trình độ cuối cấp 2 và cấp 3. Tôi cũng đăng ký: “Tòng quân” và đã trúng tuyển. Ngày 10/10/1958 là ngày hội giao quân: 335 tân binh quê miền Bắc được giao cho ba sư đoàn miền Bắc còn 50 tân binh quê miền Nam được giao cho Sư đoàn 330, bộ đội miền Nam tập kết. Tôi nằm ở đơn vị này, địa điểm giao quân là đình Hoàng Mai phía Đông Nam, Hà Nội.

Đón anh em chúng tôi là các anh cán bộ khung đại đội, trung đội và tiểu đội. Tôi thuộc tiểu đội 5, trung đội 2, đại đội 40. “C40” do anh Chiêu làm Tiểu đội trưởng; anh Huỳnh Phi Hùng, Đại đội trưởng. Lúc về đơn vị, chúng tôi mới bắt đầu tập luyện. Đơn vị yêu cầu mỗi chiến sĩ viết một

bài báo tường. Nhớ lại ngày hội giao quân, tôi viết một bài báo, trong đó có mấy câu thơ.

*Các anh là cùu binh
Chúng tôi là tân binh
Gặp nhau bên một mái đình
Tuy chưa quen mặt,
Nhưng quen tình quê hương...*

Sau cú sốc quá lớn, vì quá đau buồn, nên tôi quyết định đi bộ đội, để có dịp cầm súng trả thù cho ba. Tôi đi bộ đội mà không báo cho một ai biết cả, kể cả chị Hai Dung, bác Mười và các bác đồng hương, bạn chiến đấu của ba tôi. Về sau, tôi mới được biết các bác bạn của ba tôi, đánh giá tôi là một đứa “vô kỷ luật” không báo cho các bác biết.

Việc đi bộ đội là việc lớn, một thử thách lớn, một “bước ngoặt cuộc đời tôi”. Sống trong môi trường bộ đội tôi đặt mục tiêu phấn đấu là phải nắm vững chương trình trung học cấp 3 - hết cấp 3 phổ thông. Sau thời gian lao động (vận chuyển gạch, lấy cát về xây dựng doanh trại bộ đội), tôi được phân cho đơn vị thông tin vô tuyến điện C31-D16-F330.

Chúng tôi bắt đầu học kỹ thuật thông tin vô tuyến điện. Ngoài giờ tập luyện chúng tôi tự tổ chức tổ học tập văn hóa chương trình cấp 3 gồm các bạn “tâm đầu, ý hợp” như: Nguyễn Hồng (quê Vĩnh Long); Huỳnh Ngọc Ấn (quê Thủ Biên); Phan Phùng Xuân (quê Sa Đéc); Nguyễn Xuân Khương (quê Quảng Ngãi).

Chúng tôi chơi thân với nhau, đặt yêu cầu là phải trau dồi kiến thức. Ngoài chương trình cấp 3 phải đạt được,

chúng tôi còn có nhu cầu thưởng thức văn hoá nên đặt mua nhiều loại tạp chí, sách báo như: Tạp chí văn học, điện ảnh và các tuyển tập văn học sử.

Thỉnh thoảng, chúng tôi mới đi chơi, phần lớn thời gian ngoài giờ kể cả chủ nhật, chúng tôi ưu tiên cho việc tự nâng cao kiến thức, học tập. Bốn chúng tôi học chuyên môn vô tuyến điện vào loại khá. Phan Phùng Xuân được cử đi học Trường sỹ quan Sơn Tây; Nguyễn Hồng được đi học Nga văn để làm việc với chuyên gia Liên Xô về tên lửa; Xuân Khương về Công an thành phố Hà Nội còn tôi được cử làm thầy giáo để dạy văn hóa bổ túc cho bộ đội. Tôi được về (tiểu đoàn) Trường Văn hóa của Sư đoàn 330 ở Thọ Xuân, Thanh Hóa. Ở đơn vị trực thuộc sư đoàn bộ, nên tôi có nhiều dịp vào cơ quan thăm chú Út Lắm (Nguyễn Văn Lắm)⁽¹⁾. Một hôm, tôi gặp chú Nguyễn Văn Tư, Trung đoàn phó Trung đoàn 310 Biên Hòa. Chú Tư là bạn thân của ba tôi. Chú đã tặng lại tôi ba bức ảnh của ba tôi tặng chú⁽²⁾. Sau này, từ hình chụp chung, tôi tách riêng hình của ba tôi. Một lần khác, khi tôi đến chỗ bác Lương Văn Nho, nguyên Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội Biên Hòa, tôi được gặp chú Năm Quảng - Nguyễn Văn Quảng, nguyên Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Quang Trung, Trung đoàn 310 - Biên Hòa, lúc đó chú Năm Quảng làm thiếu tá Cục Cán bộ, Bộ Quốc phòng. Bác Nho, chú Quảng cũng đều là bạn thân của ba tôi. Các bác, các chú đều quan tâm đến tôi. Về sau, bác Năm Quảng làm Thứ trưởng Bộ Thương binh Xã hội, khi về Nam bắc là Tư lệnh Quân đoàn 4.

(1) Trước đây là Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Lê Lợi, Trung đoàn 310 - sau là Huyện đội trưởng huyện Tân Uyên.

(2) Một tấm ảnh cá nhân và hai tấm chụp chung.

Có lần hai, ba đứa chúng tôi đi chơi ở thị trấn Thọ Xuân tình cờ gặp chú Xô - Trần Liên Xô. Chú là chồng cô Tám Liên, em gái bác Sáu Cửa - Tô Văn Cửa (bác Sáu Cửa, nguyên Chủ tịch tỉnh Biên Hòa, chú Xô cho tôi mấy đồng để đi chơi cùng bạn.

Sau gần một năm làm giáo viên dạy văn hóa lớp 5 bổ túc cho anh em bộ đội, do nhiệt tình truyền đạt kiến thức toán, lý cho anh em bộ đội, tôi được anh em trong đơn vị quý mến, kể cả các đồng chí lãnh đạo trường như: đồng chí Khuê quê Hà Nội, Thượng úy Hiệu trưởng và đồng chí Hy, quê Gia Định xuất thân từ lực lượng Bình Xuyên, tham gia kháng chiến - bộ đội miền Đông đeo quân hàm Trung úy, Hiệu phó Trường Văn hóa Sư đoàn.

Qua công tác dạy bổ túc văn hóa cho bộ đội, tôi từ một đoàn viên thanh niên, được cấp ủy đơn vị đưa lên “đối tượng kết nạp Đảng”. Sau thời gian giảng dạy hai khóa lớp 5 bổ túc, một số giáo viên và một số anh em học văn hóa bổ túc lớp 5 được đơn vị giới thiệu ra Hà Nội dự thi vào Trường Đại học Thủy lợi và Trung học Thủy lợi. Kết quả: Hơn 50% anh em chúng tôi đã trúng tuyển trong đó có tôi.

Việc tôi được cử đi thi tuyển vào Học viện Thủy lợi Điện lực và đã trúng tuyển quả là một niềm vui lớn lao và quá bất ngờ đối với tôi. Những người thân, bạn bè quan tâm đến tôi đều mừng cho tôi. Nhưng trước mắt tôi còn nhiều thử thách khác cần vượt qua như: sức khỏe, trí tuệ để tiếp thu kiến thức trong quá trình học đại học...

Năm thứ 3, từ khu vực (Lục Nam), Đại học Thủy lợi sơ tán về Hà Bắc, do học lực của tôi đạt loại khá nên tôi đã được kết nạp Đảng ngày 1/5/1966. Đầu năm 1968, tôi ra

trường với tấm bằng kỹ sư Thủy lợi và về nhận công tác tại Ty Thủy lợi Nam Hà, chuyên thiết kế đê, kè, kể cả kè Mỏ Hàn chỉnh trị sông Hồng. Kết quả công tác của tôi được thủ trưởng cơ quan và bạn đồng nghiệp tin tưởng.

Đầu năm 1971, cơ quan Ty Thủy lợi Nam Hà tổ chức đám cưới cho vợ chồng tôi. Vợ tôi là cô giáo dạy cấp 2 quê ở huyện Vụ Bản. Về dự đám cưới tôi có bác Mười Đen, cháu Hạnh, con chị Hai Dung (10 tuổi) và bác Năm Kính, Hội đồng hương Thủ Biên. Bác Năm là bạn thân của ba tôi, nguyên là Phó chủ tịch Biên Hòa thời kháng chiến chống thực dân Pháp.

Khi đám cưới đã xong, trước khi bác Năm Kính về Hà Nội, bác nói với vợ chồng tôi: “Bác Năm mừng cho hai cháu. Giờ đây cháu đã trưởng thành, công lao này có một phần xương máu của ba cháu, vì thế cháu hãy suốt đời nhớ ơn người cha anh dũng nhé”.

Nghe bác Năm dặn dò, tôi rất xúc động, hai hàng nước mắt lại tuôn rơi. Tôi đã oà khóc trước mặt bác Năm và vợ - Kim Chung.

Từ năm 1971 - 1974, hai vợ chồng tôi sinh được hai người con: con đầu là cháu trai tên Huỳnh Dũng Tiến⁽¹⁾, con gái tên Kim Thủy. Tháng 9/1974, tôi nhận được quyết định đi B về Nam công tác. Lúc tôi vào Nam, con gái mới được một tháng rưỡi. Lúc tôi về Nam Hà đón vợ con vào Nam tháng 7/1976, Tiến bốn tuổi rưỡi, Thủy một tuổi rưỡi.

Có một điều đáng nhớ là ở tuổi học sinh tôi thường đến thăm bác Năm Tráng (Trịnh Trọng Tráng), quê Bắc Ninh,

(1) Bí danh của ông nội - Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy.

2 vợ chồng bác Năm Thái (Lê Thái), Phó chủ tịch tỉnh Biên Hòa thời kháng chiến chống Pháp. Về sau khi tôi học và tốt nghiệp Đại học Thủy lợi, các bác cũng rất mừng cho tôi, đưa con trai của người bạn chiến đấu và đã hy sinh trong giai đoạn chống Mỹ, năm 1956.

Đầu năm 1976, khi nước nhà thống nhất, bác Năm Tráng và hai vợ chồng bác Năm Thái, cô Tâm hẹn cùng tôi về quê thăm má tôi. Các bác và má tôi gặp nhau rất vui mừng, sau bao nhiêu năm nước nhà bị chiến tranh, chia cắt. Giờ đây, nước nhà đã được độc lập. Các bác vui mừng báo với má tôi: “Cháu Ấn đi tập kết với chúng tôi, giờ đây cháu đã trưởng thành”. Má tôi cảm động: “Xin cảm ơn các anh, chị đã quan tâm săn sóc dạy bảo cháu Ấn. Bây giờ cháu đã trưởng thành, góp phần xây dựng quê hương đất nước”. Giữa năm 1976, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai có quyết định thành lập Ty Thủy lợi và tôi giữ cương vị Phó Ty Thủy lợi Đồng Nai.

Những người bạn thời học sinh miền Nam trên đất Bắc

Dù thời gian đã trôi qua 60 năm về trước, song tôi vẫn nhớ những hình ảnh thân thương của các bạn ngày nào. Từ các bạn gái mang tên những loài hoa như: Thu Lan, Thu Cúc, Xuân Lan đến các bạn: Đức Dung, Mỹ Kim Đăng, Thanh Bé, Ngọt, Tua, Đúng... Có những người bạn dù chỉ gặp một lần, chưa biết tên nhưng là bạn của bạn tôi như bạn của Hồ Lâm Minh. Bạn gái của Minh tôi gặp ở nhà bác Hai Ngôn, công nhân cảng Hải Phòng. Bác Hai đưa tiền cho bạn gái của Minh, người Hoa, học Trường Học sinh miền Nam ở Hải Phòng đi chợ về nấu cho mỗi người một tô bún bò thật ngon.

Tô bún bò năm xưa như một bữa tiệc thịnh soạn, tới giờ tôi vẫn còn nhớ hương vị. Sau năm 1975, tôi có dịp gặp lại bác Hai Ngôn, bác làm công ty xăng dầu ở Đồng Nai. Có lần sau bốn năm xa cách, tôi gặp lại Triết, bạn học cùng khối lớp 7 nhưng khác lớp. Tôi học lớp 7G còn bạn Triết học lớp 7H, Trường Học sinh miền Nam số 14, Hải Phòng. Ngày gặp lại, Triết đang học Đại học Bách khoa còn tôi

đang học Trường Bồ túc Văn hóa Công nông Trung ương. Vào dịp Tết năm 1962, Triết mời tôi: “Chiều 30 Tết, Ấn ra nhà mình ăn Tết, số nhà C ở khu chợ Mơ, Hà Nội nhé” và tôi đã nhận lời. Tôi cảm thấy ấm lòng vì những ngày tháng xa quê hương, bạn đã quan tâm săn sóc đến tôi. Chiều 30 Tết năm ấy, tôi đạp xe gần 15 cây số từ ga Yên Viên gần cầu sông Đuống ra chợ Mơ để ăn Tết cùng bạn.

Lần đầu tiên tôi đến nhà Triết, thật mừng vì Triết còn ba, mẹ nhưng bạn biết quan tâm và mời những người bạn thân về nhà ăn Tết, trong đó có tôi. Chiều con, cũng là tấm lòng thương quý của bậc cha mẹ đối với các em xa gia đình, xa quê hương trên đất Bắc nên bố mẹ Triết tổ chức cho các con ăn Tết. Thức ăn cũng đơn giản gồm có hai con gà, 1kg thịt bò, 1kg đậu phộng rang, vài lít rượu nếp cho hơn 10 đứa con trai ăn Tết⁽¹⁾ Khoảng 8 giờ tối các bạn đã có mặt đông đủ. Chúng tôi coi như là những bạn thân của nhau, uống trà, ăn đậu phộng rang, sau đó tiếp tục uống rượu, ăn thịt bò xào đậu cô ve, ăn cháo gà... vừa ăn vừa trò chuyện vui vẻ. Đến khoảng 11 giờ tôi say rượu, ra ngoài ới mưa và bị cảm lạnh. Tôi vào nhà và bác trai đã nhường chỗ ngủ của bác cho tôi. Vì không biết uống rượu, nên tôi bị say và ngủ một giấc tới sáng. Tôi xin lỗi hai bác vì uống rượu say và xin phép ra về. Đây là một ngày Tết đáng nhớ trong đời tôi...

(1) Thời đó việc chi như vậy là quá lớn.

Tình yêu tuổi học trò

Tình yêu tuổi học trò khá sâu đậm trong tôi, giúp tôi vơi bớt nỗi buồn để vượt qua những ngày đau buồn nhất của cuộc đời. Trước mắt quá lớn, ba tôi đã hy sinh nơi chiến trường miền Nam quê hương.

Ở đơn vị bộ đội C40 thuộc Sư đoàn bộ 330 được hơn một năm, lúc trời chiều tĩnh lặng nhìn phía trời xa có ngọn núi mờ và sắc thắm chiều tà, tôi nhớ em Kim Đăng và tức cảnh có mấy vần thơ:

*Chiều lặng non mờ nhớ tới Đ
Hôm nào trên bến cảng lúc chiều về
Cầm tay dạo bước trên đường phố
Như hân lòng ta đã say mê!*

Tuy nhiên, một năm sau, tôi có quyết định đi phép, lúc này tôi đã kết thúc lớp học vô tuyến điện chuẩn bị nhận

công tác. Đơn vị tôi là C31-D16 đại đội vô tuyến điện, tiểu đoàn thông tin đơn vị 7330. Qua bạn Võ Hữu Ân (bạn thân) sinh viên Đại học Kinh tế Bạch Mai, tôi biết địa chỉ của bé Ba, Trường Học sinh miền Nam, số 26 Mai Lĩnh, Hà Đông. Qua bé Ba, tôi sẽ biết địa chỉ của Kim Đăng ở Hải Phòng để xuống đó thăm em.

Từ Hà Nội, tôi vào Trường Học sinh miền Nam số 26 tìm gặp bé Ba ở lớp C5. Gặp một học sinh nam trực bảo vệ, tôi nói: “Cho tôi gặp bé Ba ở lớp C5”. Em này bảo tôi: “Chú ngồi đây đợi một lát”. Em đi vào khu học sinh nữ chừng 5 phút, sau đó quay ra nói với tôi: “Bé Ba nói không quen ai là bộ đội cả!”. Quả thật, tôi rất buồn và thất vọng!

Tuy nói vậy, nhưng bé Ba vẫn đi theo em học sinh bảo vệ xem chú bộ đội là ai? Em có quen không?

Vì chúng tôi học khác trường ở Hải Phòng nên lúc tôi đi bộ đội, bé Ba không biết và cũng không có bạn nào thông báo cho em biết. Nhìn thấy tôi, bé Ba reo lên: “Anh Hồng Ân! Anh đi bộ đội khi nào vậy? Em không biết?”. Tôi trả lời: “Bây giờ thì em biết rồi phải không? Anh đi bộ đội hai năm rồi! Lúc ở Hải Phòng, được tin ba hy sinh, anh buồn quá đi bộ đội để được về miền Nam đánh giặc trả thù cho cha anh!”.

Thăm hỏi bé Ba về chuyện học tập ở trường, việc chuyển tiếp của trường từ Hải Phòng về Mai Lĩnh, Hà Đông. Còn Kim Đăng vẫn học lớp 6B ở trường số 4 Hải Phòng. Thế là tôi biết địa chỉ của Kim Đăng.

Tạm biệt bé Ba tôi quay về Hà Nội và sáng hôm sau tôi từ Hà Nội đi Hải Phòng thăm Kim Đăng thân yêu. Sau hai năm xa cách tôi về Hải Phòng hai ngày thăm Kim Đăng,

anh Thanh và anh Rong cùng quê, đang học công nhân kỹ thuật ở Hải Phòng. Lâu ngày mới gặp lại nhau, nên chúng tôi rất vui vẻ, thời gian hai ngày qua nhanh rồi chúng tôi lại chia tay nhau. Về lại đơn vị, thỉnh thoảng tôi lại nhớ đến em, nhớ lại ngày gặp lại người con gái nhỏ và có mấy vần thơ:

*Mùa xuân năm ấy anh về lại
Suối tóc em dài xuống quá vai
Đôi má em hồng, lòng e thẹn
Ta cùng hướng đến một tương lai*

Sau kỳ nghỉ phép ít lâu, tôi được chuyển từ C31 - D16 về Trường Văn hóa của Sư đoàn 330, tương đương tiểu đoàn, với cương vị giáo viên dạy văn hóa lớp 5 bổ túc cho anh em bộ đội.

Tôi dạy Toán, Lý mỗi tuần ba ngày liên tục, mỗi lớp học chỉ kéo dài ba tháng. Tôi dạy đến khóa thứ hai vừa kết thúc thì có giấy chiêu sinh từ Học viện Thủy lợi Hà Nội. Lúc này, đối tượng thi tuyển Đại học Thủy lợi phải có trình độ văn hóa cấp 3 (tôi thuộc đối tượng này) còn thi tuyển vào trung cấp Thủy lợi chỉ cần có trình độ văn hóa cấp 2 (anh em bộ đội tôi dạy có thể dự thi được).

Đoàn chúng tôi gồm khoảng 70 anh em, thầy trò được ra Hà Nội để dự thi. Trước khi tôi đi thi ở Hà Nội có chuyện vui như thế này. Vào buổi sáng chủ nhật, tôi đi hớt tóc, sau khi hớt tóc xong, tôi trả tiền cho chú em hớt tóc độ tuổi chừng 23. Chú em nhìn tôi và nhận xét: “Tôi thấy anh giống sinh viên hơn là anh bộ đội?”. Tôi ngạc nhiên trước nhận xét của anh thợ hớt tóc và vui vẻ hỏi lại: “Thật hả chú?”. Chú thợ trả lời như khẳng định lại: “Tôi nhìn anh giống

như sinh viên!”. Tôi vui vẻ nói với chú thợ hớt tóc: “Chú mày có nhận xét tương đối phù hợp với hoàn cảnh của tôi, vài ngày tới tôi được cử đi thi Đại học ở Hà Nội”. Nếu mấy tháng sau chú mày không thấy tôi ở đây (Thọ Xuân - Thanh Hóa), tức là tôi đã là sinh viên Đại học ở Hà Nội”. Và sự thật, quả như câu chuyện giữa tôi và chú thợ hớt tóc, tôi đã thi đậu vào Đại học Thủy lợi Hà Nội. Trong thời gian học Đại học, một anh bạn sinh viên đọc cho tôi nghe mấy câu thơ sau:

Nghe tin em vào Đại học!

Nửa tin nửa ngờ?

Tên lại, trùng tên?

Hoàn cảnh của tôi cũng giống câu thơ của người anh bộ đội nghe tin về đứa em đồng hương đã thi đậu vào đại học, một tin vui nhưng vẫn bán tín bán nghi? Nhưng đây đúng là sự thật ở hoàn cảnh của riêng tôi. Đây hẳn là một tin vui đối với những người quen biết và yêu quý tôi.

Mùa hè năm 1962, tôi quyết định xuống Hải Phòng thăm Kim Đang. Trên chuyến tàu đi Hải Phòng tình cờ tôi gặp anh Bích, chị Tua là bạn. Hai vợ chồng anh chị có một đứa con trai đầy năm. Anh chị đi Hải Phòng để gửi con để chị Tua tiếp tục học Đại học Sư phạm. Ba chúng tôi tới nhà bác Hai Linh, tôi không gặp được Kim Đang vì em đi phép lên Hà Nội mà tôi không biết. Hôm sau, ba chúng tôi quay lại Hà Nội. Khi về đến Đại học Sư phạm, anh chị gặp Kim Đang ở đó và nói: “Anh Hồng Ân đi Hải Phòng thăm em. Hóa ra em đã về đây. Thôi, ngay bây giờ em sang Đại học Thủy lợi gặp anh đi!”. Kim Đang vội sang Đại học Thủy lợi thăm tôi. Đây là lần thứ hai chúng tôi gặp lại nhau kể

từ ngày tôi đi bộ đội vào Thanh Hóa. Đây cũng là lần gặp nhau cuối cùng, kể từ ngày chúng tôi quen nhau mùa hè 1956-1957. Tuy nhiên, hè năm 1964, tình cờ tôi gặp Tám, bạn gái của Kim Đang (người được Kim Đang kể chuyện mối tình giữa tôi và em) tại nhà của Lê Quốc Khánh⁽¹⁾ ở khu công nghiệp Việt Trì. Sau khi nghe Quốc Khánh giới thiệu: “Đây là anh Hồng Ân - bạn anh”. Tám “ồ” lên một tiếng: “Anh là Hồng Ân hả? Nay em mới biết anh, em có nghe Kim Đang nói chuyện về anh”.

Năm 1964, cuối học kỳ 2 năm thứ nhất Đại học Thủy lợi, tôi nhận được thư Kim Đang. Đọc thơ em tôi rất xúc động nên có mấy vần thơ:

*Chiều nay, anh nhận được bức thư
Của người con gái, anh yêu quý
Gửi đến anh giữa mùa thi, học kỳ 2 năm thứ nhất
Anh rõ rồi! Đúng lắm, em thân yêu
Như buổi chiều dừng lại
Nghe trái tim mình: “thôn thức!”.*

Cũng trong năm 1964, Mỹ dựng lên sự kiện: “Vịnh Bắc Bộ”, cho tàu Maddox - hạm đội 7 xâm phạm vùng biển của ta, bị hải quân ta tấn công, chúng lấy cớ ta hiếu chiến để đem máy bay bắn phá miền Bắc. Các trường Đại học ở Hà Nội và nhân dân phải sơ tán về nông thôn và miền núi. Đại học Thủy lợi, Đại học Giao thông sơ tán về huyện Lục Nam, Hà Bắc. Các trường Học sinh miền Nam cũng sơ tán khắp nơi. Kể từ thời điểm đó, chúng tôi mất liên lạc nhau.

(1) Quốc Khánh, bạn tôi quê ở Huế.

Đầu năm 1968, tôi tốt nghiệp Đại học Thủy lợi và về công tác tại Sở Thủy lợi Nam Hà (Nam Định). Sau đó, Sở Thủy lợi sơ tán về xã Nhân Hậu, huyện Lí Nhân.

Nhiều mối tình tuyệt đẹp của tuổi trẻ thời Học sinh miền Nam như chúng tôi đã trôi qua với bao nhiêu kỷ niệm.

Sau năm 1975, đất nước được độc lập, thống nhất. Tôi có dịp gặp lại những người bạn thân, trong đó có những mối tình mà vì chiến tranh đã không thể đến được cùng nhau như: tình yêu giữa bé Ba - Hoàng Minh; Hữu Ân - Ngọc Diệp. Duy chỉ có đôi bạn thân của tôi là Xuân Lan - Ngọc Thuận là được như ý.

Một kỷ niệm nhớ đời là lúc ở bộ đội tôi có gửi cho Kim Đang tấm ảnh anh bộ đội trẻ, còn Kim Đang gửi cho tôi tấm ảnh ở tuổi 17. Đó là những kỷ niệm đẹp, khó phai mờ.

Thủy lợi - Tình yêu của tôi...

Năm 1958, tôi từ một học sinh lớp 7 hệ 10 năm phổ thông, trở thành anh bộ đội Cụ Hồ thuộc Sư đoàn 330, bộ đội miền Nam tập kết, đóng quân ở Thanh Hóa.

Ban đầu là C40 đại đội tân binh trực thuộc Sư đoàn 330, sau sáu tháng luyện tập thao trường chúng tôi được biên chế học VTV (Vô tuyến điện) thuộc C31 - Đ16 - F330. Đại đội 31, Tiểu đoàn 16, thuộc Bộ đội thông tin Sư đoàn 330.

Năm 1959, Bộ Quốc phòng mở tuyển đường Trường Sơn 559. Các đơn vị bộ đội miền Nam tập kết tổ chức tuyển cán bộ, sĩ quan từ thiếu úy trở lên, tổ chức thành các đoàn cán bộ vượt Trường Sơn về Nam chiến đấu.

Từ năm 1960 đến năm 1961, có nhiều chuyến bộ đội hành quân đi bộ đường Trường Sơn. Sau đó tiếp tục tổ chức đi đường biển, đường Trường Sơn trên biển, đoàn tàu không số. Chọn anh em ở vùng biển để huấn luyện thành các thủy thủ lái tàu biển, để đưa bộ đội và vũ khí, đạn dược, thuốc men tiếp tế cho chiến trường miền Nam đánh Mỹ.

Với các đồng chí thiếu sức khỏe, không đủ điều kiện về Nam đánh giặc, Sư đoàn tổ chức các lớp học văn hóa để nâng cao trình độ văn hóa từ cấp 1 đến cấp 2 cho anh

em, để các anh chị được đi học các trường nghề, sau này có công việc làm tại miền Bắc.

Cuối năm 1960 đầu năm 1961, tôi được chọn là giáo viên dạy lớp 5 bổ túc cho bộ đội. Còn anh em tân binh đơn vị C40 của tôi, lần lượt đi học trường Sĩ quan chuyên ngành Pháo binh, bộ binh, lái xe tăng, không quân.

Trường văn hóa tương đương đơn vị tiểu đoàn, trực thuộc sư đoàn do đồng chí Sỹ, Trung tá, Trưởng phòng chính trị Sư đoàn phụ trách. Đồng chí Khuê, thượng úy quê Gia Lâm, Hà Nội làm Hiệu trưởng. Đồng chí Huấn, Trung úy, bộ đội miền Nam tập kết, có gốc bộ đội Bình Xuyên làm Hiệu phó.

Trường dạy học từ lớp 2 đến lớp 5 bổ túc. Lúc này tôi đã có trình độ lớp 9 bổ túc (hệ 10 năm). Đến tháng 6/1961, tôi đã dạy xong hai lớp, mỗi lớp 50 người. Sau đó, tôi trúng tuyển vào đại học Thủy lợi.

Thời gian này, Phòng Chính trị Sư đoàn (đồng chí Nguyễn Văn Sỹ) trung tá nhận được công văn chiêu sinh của Học viện Thủy lợi Điện lực Hà Nội thông báo chiêu sinh 2 trình độ Đại học và Trung cấp Thủy lợi.

Lúc tôi đi học, đơn vị bộ đội có giới thiệu với nhà trường tôi là đối tượng kết nạp Đảng nên năm thứ ba (1966), tôi được kết nạp Đảng ngày 1/5/1966.

Đầu năm 1968, khi có bằng kỹ sư Thủy lợi tôi được nhận công tác tại Phòng Đề điều thuộc Sở Thủy lợi tỉnh Nam Hà.

Phòng Đề điều có một tổ thiết kế chuyên thiết kế các đê, kè, cống dưới đê do tôi phụ trách làm Tổ trưởng. Hàng

năm, tôi đều có kế hoạch khảo sát và thiết kế lại các đoạn đê, kè xung yếu sau đó trình Giám đốc Sở Thủy lợi phê duyệt. Sau khi có bút phê của Bộ Thủy lợi, chúng tôi mới bắt tay vào thực hiện. Tổ kỹ thuật phòng tôi có hai bộ phận: Nhóm thiết kế đê, kè phía Bắc của tỉnh do đồng chí Bản, Tổ phó phụ trách. Nhóm thiết kế đê, kè các huyện phía Nam của tỉnh do tôi phụ trách gồm đê, kè các sông và đê kè biển. Cụ thể là các huyện Nam Ninh, Xuân Thủy, Nghĩa Hưng.

Thời gian này, Mỹ âm mưu ném bom đê, kè, cống của ta ở miền Bắc, để gây nạn vỡ đê. Tháng 7/1971, chúng đã ném bom cống Minh Châu trên sông Đào, nhánh sông Hồng. Đài tiếng nói của ta đã phản đối quyết liệt âm mưu giết hại dân miền Bắc. Lần thứ hai vào ngày 16/8/1972, Mỹ đã ném bom đê, kè Quán Cát, An Lãng. Bom từ trường, bom chưa nổ công binh tỉnh đội đánh mìn kích nổ, nhưng bom vẫn không nổ. Bộ đội thống nhất với cán bộ thủy lợi cho dân công đắp lại đoạn đê bị ném bom. Khi hai xe chở đất đắp đê và hai xe đập của bộ đội ở chiến trường được nghỉ phép và một anh cán bộ dắt xe đi qua đoạn đê đang đắp thì bom phát nổ; miệng hố bom rộng 15m, sâu 9m. Dân công ta hy sinh ba người, bị thương 5 người. Hai cán bộ và bộ đội từ chiến trường ra phải đi cấp cứu ở bệnh viện Nam Định. Tôi phụ trách tuyến đê kè này đã có mặt kịp thời, cùng cán bộ các ngành liên quan, Sở Lao động, Sở Tài chính và cơ quan địa phương giải quyết hậu quả, vụ việc Mỹ ném bom vào đê sông Hồng của ta ở miền Bắc. Cụ thể phải trợ cấp tử tuất cho dân công bị tử nạn và tài tiền trợ cấp cho chị em bị chấn thương vì bom nổ.

Sau mùa lũ năm 1971, kè Quán Cát, An Lãng bị sạt lở nặng. Tôi cũng đã thiết kế kè mở hàn chỉnh trị sông, nhằm

đưa dòng chủ lưu sông Hồng ở đoạn kè này, chủ yếu đoạn cuối kè Quán Cát, kè Quy Phú ra xa bờ.

Phía sau kè mở hàn số 1, 2, 3, khoảng cách các kè mở hàn là 120m. Chiều dài kè mở hàn số 1 là 120m; mũi kè được gia cố bằng đá hộc; mở hàn số 2 dài 130m; mở hàn số 3 dài 140m. Phía sau mở hàn số 3 là bãi kè mềm bằng các bụi cây tre, có cành lá mỗi cụm cây tre có ba cây được neo bởi rọ đá nặng 50 đến 60kg. Mực đích tạo thành bãi bồi ở đoạn sông phía trên kè Cổ Lễ.

Năm 1978, trong dịp ra Hà Nội họp ở Bộ Thủy lợi, tôi có dịp về thăm anh em ở Ty Thủy lợi Nam Hà. Tôi được anh em ở Sở Thủy lợi tỉnh đón tiếp nồng ấm, sau đó đưa về thăm huyện Hà Nam Ninh, nơi có xây các kè mở hàn chỉnh trị sông Hồng.

Đồng chí Hải, kỹ sư ở Sở Thủy lợi, sau đó là Phó Chủ tịch huyện Hà Nam Ninh đã tiếp tôi. Anh em đã đưa tôi ra thăm các kè mở hàn mà tôi đã thiết kế, chỉ đạo thi công. Các kè mở hàn hiện vẫn còn, tuy nhiên qua thời gian, kè đã xuống cấp. Đoạn đê, kè Quy Phú thời gian đó, có đường nhựa cho xe lưu thông đã bị cấm cho xe ô tô lưu thông. Xe phải đi đường vòng phía trong. Nay bờ kè đã ổn định, nên địa phương đã cho ô tô được lưu thông trở lại.

Công tác chống bão, bảo vệ an toàn đê biển ở hai huyện Xuân Thủy và Hải Hậu rất quan trọng. Từ năm 1968 đến năm 1974, tôi thường đi công tác ở hai huyện này.

Đê biển huyện Xuân Thủy từ cửa Ba Lạt, cửa sông Hồng đổ ra biển từ xã Giao An, Giao Xuân, Giao Thiện, đến cống số 9, số 8 xã Bạch Long đã được tôi thiết kế và chỉ đạo đắp to và cao trên 4,5 m để đảm bảo an toàn khi có bão.

Tuy nhiên, cơn bão số 9 năm 1971 đoạn đê cống số 9 suýt bị vỡ vào tháng 8/1971. Tuy đê được thiết kế cao 4,5m, mặt đê rộng 6m, mái xoải phía biển 3/1, nhưng sau trận bão đó có chỗ mặt đê chỉ còn lại 1,5m - 2m - 2,7m từ mặt đê xuống chỗ chân sâu 3m.

Sở Thủy lợi và Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo đắp lại đê. Buổi tối, anh em chúng tôi họp ở cống số 9. Khi ra về cơ sở để nghỉ, do tối trời lại đi không có đèn pin nên tôi bị rơi xuống chỗ đoạn đê bị bão tàn phá mặt đê còn 1,5m, như rơi xuống hố. Tôi bị chấn thương khá nặng, khớp gối tổn thương không cử động được nhưng may mắn chưa gãy. May có đồng chí kỹ sư Truyền ở phòng thi công của Sở Thủy lợi nhảy xuống chỗ tôi bị nạn bế tôi lên. Đồng chí Truyền người to cao và rất khỏe. Tôi được đưa trở lại nhà quản lý cống số 9. Sau đó, có cô con gái ông Ngung là học sinh cấp 3, xúc dầu săn sóc nên cơn đau bớt dần. Rất tiếc, lúc đó tôi đã có vợ chứ còn độc thân có khi tôi đã trở thành con rể của ông và ở vùng biển này.

Năm 1968 đến năm 1974, vùng biển từ Phước Lý xã Hải Chính đến xã Hải Triều, Hải Hòa là vùng biển lở (gọi là biển tiến). Các kỹ sư Phòng Thiết kế - Sở Thủy lợi Nam Hà đã thiết kế và đang thi công tuyến đê phía trong, đê thay cho tuyến đê phía ngoài có khả năng bị vỡ khi có bão biển.

Từ năm 1970 đến 1971, tôi đã thiết kế tuyến đê phía sau xã Hải Triều đến Hải Hòa. Năm 1972 đến năm 1973, trong một chuyến đi công tác chỉ đạo chống bão, tôi được đi cùng với đồng chí Soạn, chính trị viên Tỉnh đội Nam Hà để kiểm tra đoạn đê xung yếu này.

Tỉnh Nam Hà quan tâm đến vùng này vì xã Hải Chính,

Hải Lý và Hải Triều là vùng làm muối của tỉnh, hai huyện khác là Xuân Thủy (xã Giao Lâm - Côn Tàu) xã Bạch Long và huyện Nghĩa Hưng là xã Nghĩa Phúc cũng là vùng làm muối, nước mắm, mắm tôm của tỉnh.

Bão biển thường tàn phá vùng này, nhiều lần tôi về làm việc với đồng chí Đàm, Phó phòng Thủy lợi huyện Nghĩa Hưng, đồng chí Quỳnh, đồng chí Phối, kỹ sư Thủy lợi ở huyện.

Qua mấy năm về huyện Nghĩa Hưng công tác, tôi đi theo đường 55 từ huyện Nam Trực về tới nông trường Rạng Đông. Tôi kịp nhận ra, phía Nam của huyện nằm giữa hai con sông. Phía Đông có sông Ninh Cơ, phía Tây huyện là sông Đáy đều đổ ra biển. Phù sa của hai con sông này đổ ra biển hình thành vùng đất nông trường Rạng Đông của tỉnh Nam Hà.

Trong một lần về Nghĩa Hưng, sau khi giải quyết xong công việc, anh em ở huyện có nhã ý đưa tôi đi ca nô sang thăm huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình nơi có nhà thờ Phát Diệm. Vậy là tôi được đi thăm nhà thờ Phát Diệm, nơi thứ hai có nhà thờ sau nhà thờ Bùi Chu bên sông Ninh Cơ của huyện Xuân Thủy - Nam Hà. Hai nhà thờ đạo Thiên Chúa giáo nổi tiếng nhất miền Bắc Việt Nam, có thể nói là nhất nhì Việt Nam.

Có một số sự việc mà tôi còn nhớ mãi. Nhóm kỹ sư Thủy lợi ra trường Đại học Thủy lợi được điều về Sở Thủy lợi Nam Hà công tác bao nhiêu người tôi không còn nhớ rõ, chúng tôi đợi Ban Lãnh đạo sở bàn việc phân công công tác ít nhất là 10 ngày mới được công bố. Tôi nhớ kỹ là tôi quê ở xứ Biên Hòa, Đồng Nai lúc đó là đảng viên Đảng Cộng

sản 29 tuổi. Đồng chí Hiệp là đảng viên quê Hà Bắc, kỹ sư chuyên tu được bố trí là cán bộ quản lý trạm bơm điện Như Trác đang thi công. Anh Phiền đi học từ học sinh phổ thông được phân về Phòng Thiết kế, còn tôi được phân công về Phòng Đề điều.

Đảng ủy Sở và Ban Giám đốc bố trí tôi sinh hoạt với Đoàn Thanh niên của Sở nên tôi thấy như mình trẻ lại mấy tuổi. Sau khi về Sở Thủy lợi được một năm, qua theo dõi đối tượng kết nạp Đảng đối với đồng chí Trần Xuân Giai, Bí thư chi đoàn Phòng Đề điều là con liệt sĩ du kích thời đánh Pháp, tôi đã về làm việc với cán bộ, chi bộ xã Lộc Vượng, huyện Mỹ Lộc xác minh trường hợp đồng chí Giai và giới thiệu kết nạp Đảng với Đảng ủy Sở Thủy lợi Nam Hà. Người giới thiệu thứ hai là Ban Chấp hành đoàn Sở Thủy lợi Nam Hà. Trần Xuân Giai, đảng viên mới là người cầu tiến nên từ cán bộ Trung cấp Kỹ thuật Thủy lợi, qua học tại chức đại học trở thành kỹ sư Thủy lợi, sau đó lên Phó phòng rồi Trưởng phòng Đề điều, đảng ủy viên Đảng bộ Sở Thủy lợi. Sau này, đồng chí trở thành Phó bí thư rồi Bí thư Huyện ủy Giao Thủy, được điều động về làm Giám đốc Sở Thủy lợi rồi lên Phó chủ tịch tỉnh Nam Hà. Do có mối quan hệ với cán bộ Đoàn nên khi tôi xây dựng gia đình với bà xã Trần Thị Kim Chung, Sở Thủy lợi đã giao trách nhiệm với đoàn thay mặt cơ quan đứng ra tổ chức chu đáo lễ cưới cho chúng tôi.

Tuy thời gian đã cách xa trên 50 năm và cách xa về địa lý Bắc - Nam, nhưng tình nghĩa giữa tôi và đồng chí Giai luôn luôn gắn bó và gần nhau. Đối với tôi, các anh chị ở Sở Thủy lợi Nam Hà mà tôi đã quen biết và làm việc vẫn luôn luôn gần gũi và quý mến mỗi khi gặp lại và chúng tôi luôn tự hào và nhắc lại những ngày đáng nhớ.

Mối duyên kỳ ngộ

Đầu năm 1968, tốt nghiệp Đại học Thủy lợi, tôi được về tỉnh Nam Hà để nhận công tác ở Sở Thủy lợi. Tình cờ tôi gặp anh Đặng Trần Chính, bạn học thời học sinh miền Nam trên đất Bắc. Anh Chính sau khi học hết phổ thông đậu Đại học Bách khoa Hà Nội. Khi tốt nghiệp ra trường, anh được phân công làm giảng viên ở Đại học Thủy lợi Hà Nội.

Anh Chính gặp tôi bảo: “Mày về Nam Hà nhớ tìm gặp anh Phan Thành Thật”. Tôi đồng ý và nghĩ chắc anh Thật là bạn cùng học ở Đại học Bách khoa là người đồng hương Nam Bộ.

Khi về tới Nam Định, nghỉ ở nhà khách Sở Thủy lợi, tôi hỏi anh em: “Ở đây có anh nào tên Phan Thành Thật không?”. Anh em nói “có” nhưng anh Thật đi công tác vắng, vợ anh Thật, chị Lan đang nấu cơm dưới bếp. Tôi gặp chị Lan mới biết chị quê tỉnh Long An. Trong chuyến đi công tác này, khi máy bay Mỹ ném bom vào đê, anh Thật bị sức ép của bom ỏi ra máu phải nằm viện cả tuần. Sau khi anh ra viện, anh em tôi mới được gặp nhau. Lúc này chị Lan sắp sinh cháu Thụy. Anh Thật ỏi ra máu vì thời đánh

Pháp ở trong Nam anh là chiến sĩ Tiểu đoàn 307 ở Khu 8, đã từng bị một mảnh đạn găm trong phổi phải. Còn tôi là thiếu sinh quân ở Biên Hòa, Khu 7.

Sau khi điều trị ở Bệnh viện Nam Hà, Bệnh viện đã chuyển anh lên Bệnh viện lao Hà Nội chữa trị. Trước ca phẫu thuật cắt bỏ 2/3 lá phổi nơi có mảnh đạn chưa được lấy ra, Bệnh viện đã chăm sóc, điều trị để nâng thể trạng và sức khoẻ cho anh. Khi ra viện, về Nam Định nhà anh đã bị bom Mỹ xóa sổ. Anh em trong đơn vị trợ giúp dựng lại, nhờ cơ quan cấp cho mấy chục cây tre luồng (phế thải) chống lụt bão làm cột kèo.

Cơ duyên anh Thật là “ông mai” cho vợ chồng tôi là anh quen cô giáo Trần Thị Kim Chung vì cô Chung là con nuôi của bác Bùi Đồng Văn quê ở Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Trong một lần cô Chung ra Sở Thủy lợi Nam Hà thăm bác Văn (nhưng bác Văn đi công tác vắng) thì gặp anh Thật làm cùng phòng với bác. Anh Thật nói với cô Chung: “Em ngồi đây chơi đợi anh mấy phút, vì anh có việc sẽ quay lại”. Lúc đó, tôi đang họp chi bộ và được nghỉ giải lao 15 phút. Anh Thật bảo tôi: “À, anh nói với em chuyện này, có cái Chung ra tìm bác Văn, em xuống xem sao?”. Ý anh Thật, chị Lan muốn tôi và Chung quen biết, tìm hiểu để đi đến hôn nhân. Tôi đến gặp cô Chung, dù chưa nói chuyện được câu nào nhưng trong lòng tôi thầm nghĩ: “Xem ra cũng được!”. Lần đó, anh Thật đóng dùm cô Chung đôi gấu mọt.

Khi bác Văn đi công tác về, anh Thật kể lại với bác Văn sự việc trên. Anh Thật cùng bác Văn nhất trí quan điểm giúp tôi và cô Chung tìm hiểu để đi đến hôn nhân. Sau đó mấy ngày bác Văn cùng tôi đến thăm cô Chung ở xã Đại

An nơi có trường cấp 2 cô Chung đang dạy học. Cô Chung đang dạy lớp 7 phổ thông, môn Văn, Sử, Địa.

Một lần khác, vào chủ nhật, bác Văn và tôi về thăm gia đình cùng thầy u của cô ở thôn Tiên, xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, Nam Hà. Từ đó, chúng tôi có mối quan hệ thư từ, đi lại thăm nhau. Sợi dây liên kết là cậu Hà, em của Chung.

Mối lương duyên này ban đầu cũng gặp nhiều khó khăn, hầu hết phía gia đình nhà gái đều phản đối. Người đầu tiên chấp nhận là cô Chung, thứ hai là cậu Hà, người thứ ba là thầy.

Khi tình yêu của hai chúng tôi “chín đỏ”, tôi đã báo cáo với cơ quan. Ban Giám đốc đã cử bác Mẫn, Đảng ủy viên Trưởng phòng đề điều đi cùng tôi qua nhà gái để nói “chuyện người lớn”. Tôi nghĩ bác Mẫn là ông mai đáng tin cậy.

Chúng tôi được tiếp tục tìm hiểu và đã đi đến hôn nhân sau hơn nửa năm yêu thương nhau.

Trước ngày cưới tôi đã mời bác Mười, bác họ của tôi và các bác bạn của cha tôi nguyên là lãnh đạo tỉnh Biên Hòa thời kháng chiến chống Pháp.

Trước đám cưới một ngày là kỷ niệm thật khó quên của tôi và sau đó là mối lương duyên kỳ ngộ và sự gặp gỡ mang tính sui gia giữa nhà trai, nhà gái.

Vào đúng sáng hôm tôi về bên nhà gái và rời cơ quan chừng 30 phút thì bác Mười của tôi, bác Lê Đeo đi từ Hà Nội đến Nam Định. Bác Mười và cháu Hạnh (10 tuổi) vào cơ quan tìm tôi. Cơ quan biết bác Mười là bác của tôi từ Hà Nội về Nam Định dự đám cưới nên đã cử người đưa bác

Mười và cháu Hạnh về Vụ Bản để bác tôi được gặp và biết được gia thế của cháu dâu tương lai.

Thật là một sự trùng hợp, bố vợ tôi là Đảng viên kỳ cựu từ năm 1930 đã trải qua tù đầy của thực dân Pháp, còn ba tôi Đảng viên năm 1935 qua khỏi nghĩa Nam Kỳ năm 1940 cũng bị tù đầy của thực dân Pháp. Còn bác Mười lại là bạn chiến đấu của ba tôi.

Một chuyện vui quá bất ngờ ngoài sự tưởng tượng của tôi là sự có mặt của bác Năm, Trịnh Trọng Kính, nguyên Phó Chủ tịch tỉnh Biên Hòa thời kháng chiến chống Pháp, bạn của ba tôi. Bác Năm có mặt vào lúc 17 giờ chiều hôm trước gặp tôi và anh em trong phòng. Bác Năm nói chuyện rất hay, rất hấp dẫn, anh em chúng tôi rất vui. Tối hôm đó, bác Năm thay mặt Hội đồng hương tỉnh Biên Hòa làm việc với lãnh đạo Sở Thủy lợi Nam Hà bàn về đám cưới cho vợ chồng tôi vào ngày mai.

Cụ thể, buổi sáng lúc 6 giờ 30 phút, Đoàn Thanh niên của Sở cùng chú rể đi xe đạp vào Kim Thái, khu vực ga Gôi để rước dâu. Sau thủ tục xin rước dâu của họ nhà trai, đại diện gia đình nhà gái cũng cử một phái đoàn đưa dâu. Ông chú họ cô dâu, Trần Viết Ngủ, Phó chủ tịch xã Kim Thái đưa vợ tôi ra nhà họ nhà trai ở Sở Thủy lợi để làm lễ cưới trước 10 giờ ngày hôm đó.

Thế là trước ngày cưới một ngày, đại diện gia đình của họ nhà trai của tôi đã kịp diện kiến với gia đình bên họ nhà gái. Coi như thông gia hai họ là bác Mười và bố vợ tôi, ông Trần Viết Sơn đã gặp nhau.

Và ngay sáng sớm ngày đám cưới của vợ chồng tôi, cơ quan đã cử người đi theo xe của bác Năm Kính vào gặp gia

đình bố mẹ vợ tôi. Thật là: “Quan san muôn dặm một nhà, Bốn phương sum họp thật là ấm êm”.

Đại diện hai địa phương Biên Hòa, Đồng Nai và tỉnh Nam Hà cũng đã gặp gỡ để bàn việc tổ chức lễ cưới cho vợ chồng tôi, kỹ sư Thủy lợi Huỳnh Ngọc Ẩn, kết duyên cùng cô giáo Trần Thị Kim Chung được chu đáo.

Đám cưới của chúng tôi, ban đầu tưởng sẽ vắng vẻ và buồn tẻ nhưng trái lại thật đông vui và đầm ấm, ngoài sự tưởng tượng của tôi.

Trước lời dạy ân cần tưởng đơn sơ nhưng thân quý của bác Năm, tôi thật sự xúc động và nghẹn ngào nói: “Cháu cảm ơn bác Năm!”. Còn người vợ trẻ của tôi, sau khi chứng kiến sự việc trên đã nhận xét: “Chồng mình mít ướt, có phần ủy mị, dễ bị xúc động”. Tôi còn nhớ năm 1949 khi bác Năm là Phó Chủ tịch Biên Hòa phụ trách tài chính ở Mỹ Lộc, Chiến khu Đ. Tôi và các bạn thường được bác cho một ít tiền có ảnh Bác Hồ. Đến giờ, khi tôi trưởng thành và lập gia đình, bác vẫn quan tâm, lo lắng cho tôi.

Về sau, tôi đã phóng to ảnh của ba làm khung hình rất đẹp. Tôi để di ảnh của ba trên đầu giường của mình để tự nhủ mình luôn làm việc tốt, có ích cho xã hội.

Đám cưới của tôi được tổ chức vào ngày 16/01/1971, trước Tết chừng 12 ngày. Cuối năm, vợ chồng tôi đón con trai đầu lòng, cháu Huỳnh Dũng Tiến. Năm cháu Tiến tròn một tuổi, tôi lên Hà Nội duyệt Đồ án thiết kế Kè mỏ hàn chỉnh trị sông Hồng, kè Quán Các, An Lãng. Trọng điểm là kè Qui Phú. Đó là ngày 26/12/1972.

Cũng trong đêm 26/12/1972, máy bay B52 của Mỹ ném

bom phố Khâm Thiên và bệnh viện Bạch Mai. Bà con ta bị bom Mỹ giết hại rất nhiều. Cũng may tôi được an toàn để về Nam Hà tiếp tục công tác.

Tháng 6/1974, tôi nhận được quyết định đi B. Lúc đó vợ tôi có bầu cháu Thủy sắp đến ngày sinh. Tôi được nghỉ phép ba ngày nên đã đưa cháu Tiến lên Hà Nội thăm cô Hai - chị Huỳnh Thị Kim Dung, mẹ cháu Huỳnh Minh Hoàn⁽¹⁾.

Sau khi hết ba ngày phép, tôi về cơ quan nhưng chưa có quyết định lên đường. Cơ quan yêu cầu tôi tiếp tục làm việc cho đến khi có quyết định mới. Tôi tiếp tục công tác và đưa đoàn cán bộ các ngành về Xuân Thủy, Hải Hậu giải quyết hậu quả thiệt hại cơn bão vừa xảy ra ở hai huyện này. Khi ấy tôi là Phó đoàn. Sau hơn một tuần làm việc chúng tôi đã hoàn thành nhiệm vụ. Tôi được về thăm gia đình, lúc đó vợ tôi đã sinh con thứ hai cháu Huỳnh Kim Thủy được ba ngày.

Sau một tháng tiếp tục công việc, tôi mới có quyết định lên đường đi B chính thức. Chúng tôi nhận quân trang quân giải phóng, sau đó Bộ Quốc phòng đưa chúng tôi đến trường 105, trường huấn luyện học tập tình hình thực tế ở

(1) Lúc đó cháu Hoàn được 13 tuổi. Sau năm 1975, cháu về Nam học cấp 3 sau đó học Đại học Y phấn đấu công tác và trở thành Thầy thuốc nhân dân, Giám đốc Sở Y tế Đồng Nai. Cha cháu Hoàn là Liệt sĩ Huỳnh Minh Khải quê Bình Dương. Cha cháu hy sinh thời đánh Mỹ ở Chiến khu Đ. Lúc đó anh là Trưởng phòng y tế huyện Tân Uyên. Chị Hai là người rất có trách nhiệm với gia đình và xã hội. Chị đã nuôi dạy ba người con ăn học nên người, trong khi chồng chị đi B và hi sinh sau đó. Ba người con của chị được ăn học đến nơi đến chốn, có công ăn việc làm ổn định và xây dựng gia đình êm ấm, nuôi dạy con ngoan. Hiện nay, chị đã 96 tuổi, chị vẫn còn minh mẫn và sức khỏe ổn định.

chiến trường miền Nam đánh Mỹ và rèn luyện sức dẻo dai cho bộ đội đi vào chiến trường. Theo kế hoạch chúng tôi sẽ phải huấn luyện ba tháng nhưng trước tình hình khẩn cấp của chiến trường chúng tôi chỉ huấn luyện có một tháng. Trước ngày lên đường, chúng tôi được nghỉ phép 3 ngày để thăm gia đình bạn bè trước lúc đi Trường Sơn vào B2.

Ngày chia tay khoảng cuối tháng 10/1974, tôi chia tay bà con và cha mẹ ở quê vợ. Sau hai tháng sinh con thứ hai, vợ tôi đã mang ba lô nặng gần 30kg đưa tôi ra ga Gôi, Vụ Bản để đi Hà Nội. Một điều hết sức xúc động, lưu luyến đối với tôi là vợ tôi sinh con, sức khỏe còn yếu mà cứ nâng nặc đòi mang ba lô để đưa chồng vào chiến trường. Tôi cảm động, rơi nước mắt thương vợ một nách hai đứa con thơ và cha mẹ già yếu. Hoàn cảnh thật éo le.

Sau này, khi vợ tôi qua đời (ngày 09/12/2020) sau 50 năm chúng tôi chung sống êm ấm bên nhau. Vợ tôi mất ở tuổi 74 và có 40 năm tuổi Đảng. Đám tang vợ tôi có rất đông thân quyến gia đình hai bên, bạn bè thân hữu. Một điều rất vinh dự là tổ chức đảng và chính quyền địa phương đã có bài Điếu văn trước khi đưa quan tài vợ tôi về quê an nghỉ.

Tôi thật sự cảm động trước sự chia buồn của người cùng ngành thủy lợi Đồng Nai, anh Phan Tự Trí - nguyên Phó Giám đốc xí nghiệp Khảo sát Thiết kế thuộc Sở Thủy lợi Đồng Nai, cũng là một nhà thơ đã đến đốt nhang cho vợ tôi và tặng hai câu đối thật có ý nghĩa:

Nghĩa ngọc rạng hoài danh Ngọc Ẩn

Tình vàng ngân mãi tiếng Kim Chung

Và, tôi đã khắc hai câu đối trên, ngay trên bia mộ người vợ hiền đã quá cố.

Tiếp bước con đường của ba

Một cú sốc rất lớn trong đời tôi đó là khi tôi hay tin ba tôi đã hy sinh năm 1956. Ngày ấy, tôi thấy dường như tôi không phải là tôi nữa. Tôi như là một con người khác vậy. Tôi muốn về miền Nam để chiến đấu...

Và thời cơ đã đến, sau 3 năm học cấp 2 ở Trường học sinh miền Nam số 14 Hải Phòng ngắn ngủi, tôi từ già mái trường thân yêu để gia nhập quân đội theo diện tình nguyện nhập ngũ do Thành đội Hà Nội tuyển quân. Bộ Quốc phòng giao cho Thành đội Hà Nội thực hiện, đầu tiên lấy 400 quân để tăng cường quân số cho quân đội có trình độ văn hóa từ hết lớp 7 đến lớp 10⁽¹⁾, trong đó, bộ đội miền Bắc 350 quân, bộ đội miền Nam 50 quân. Tôi là một trong 50 binh sỹ của Sư đoàn 330 đóng quân ở Thọ Xuân, Thanh Hóa. Các bác bạn của ba tôi biết tin tôi đi bộ đội rất buồn và giận, vì tôi không xin phép các bác, các bác cho tôi là đứa “vô kỷ luật”. Thật ra, vì tôi quá buồn trước cái chết của người cha thân yêu...

(1) Hệ trung học phổ thông 10 năm.

Tôi đặt cho mình mục tiêu là phải phấn đấu vươn lên, tu dưỡng đạo đức, tiếp tục tự học văn hóa cho hết cấp 3, học chuyên môn cho tốt, theo yêu cầu của quân đội. Quân đội rèn luyện cho tôi từ các kiến thức quân sự cơ bản, cho đến kiến thức chuyên môn kỹ thuật thông tin vô tuyến điện. Tôi sử dụng thành thạo máy thông tin liên lạc 2W, thu phát sóng vô tuyến điện v.v... Kết quả kiểm tra tôi được loại khá. Qua hai năm tại ngũ, các bạn đã về bộ đội quân binh chủng và lần lượt học trường lục quân. Tôi vì sức khỏe có phần không được tốt nên được cử làm giáo viên quân đội dạy cấp 2 cho bộ đội. Sau hơn một năm làm thầy giáo tôi được cử đi thi vào Trường Đại học Thủy lợi Hà Nội và đã đậu vào trường này. Tôi học khóa 5, Đại học Thủy lợi Hà Nội (niên khóa 1963-1968). Trong thời gian học tập ở trường, tôi được kết nạp Đảng ngày 1/5/1966. Sau Tết Mậu Thân năm 1968, tháng 3, tôi tốt nghiệp Đại học Thủy lợi về công tác ở Ty Thủy lợi Nam Hà.

Tôi còn nhớ những ngày đầu học ở Đại học Thủy lợi Hà Nội, có một chiều, Thủ tướng Phạm Văn Đồng, chúng tôi gọi là “chú Đồng” đến thăm trường. Chú Đồng dặn dò chúng tôi: “Các em phải có gắng học tập, học phải rèn luyện trí thông minh, học phải kiểm nghiệm kiến thức qua thực tế. Các em phải phấn đấu trở thành trí thức vừa hồng, vừa chuyên”. Thực hiện theo lời dạy của Thủ tướng Phạm Văn Đồng, tôi luôn phấn đấu thực hiện tốt lời dạy ấy...

Sau những ngày đầu công tác còn bỡ ngỡ, tôi dần trở thành một kỹ sư vào loại khá vững vàng, chuyên viên đáng tin cậy cho Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Thủy lợi. Có lúc tôi còn làm chuyên viên cho đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy đi chỉ đạo chống lụt, bão ở tỉnh Nam Hà. Tôi đã thiết kế đê, kè

trên sông Hồng, kể cả kè mở hàn chỉnh trị sông Hồng; thiết kế đê, kè bảo vệ bờ biển ở các huyện Hải Hậu, Xuân Thủy, Nghĩa Hưng v.v... Có lúc, tôi còn chỉ đạo thi công khi công trường gặp khó khăn như kè Quán Các - An Lăng.

Công tác từ năm 1968 đến năm 1972 khi đã có một số kinh nghiệm, tôi tiến hành bàn giao dần cho một đồng chí kỹ sư loại giỏi của Sở Thủy lợi Nam Hà để tôi có thể đi B - về Nam làm nhiệm vụ theo yêu cầu của cách mạng miền Nam, cụ thể là của khu Đông Nam Bộ và của tỉnh Biên Hòa - quê hương tôi.

Trong thời gian công tác ở Nam Hà, tôi đã yêu một cô giáo cấp 2, con gái của một đồng chí lão thành cách mạng và chúng tôi nên duyên vợ chồng.

Sau lễ cưới mọi người ra về, tôi cảm động phát khóc vì cơ quan, bạn bè, hội đồng hương tỉnh Biên Hòa và dòng tộc rất quan tâm đến tôi. Gia đình bên vợ cũng an tâm vì có bác họ của tôi và bạn thân của ba tôi cũng đã đến chung vui chứ không phải trên đất Bắc tôi chỉ có một mình đơn độc, không có người thân thích.

Anh em, đồng nghiệp công tác của tôi ở các huyện như huyện Xuân Thủy, Hải Hậu đều có mặt và có quà mừng đám cưới cho vợ chồng tôi.

Trở về Chiến khu D

Tôi trở về Chiến khu D ngày 3/5/1975, tức chỉ sau ngày 30/04/1975 có 3 ngày.

Ngày đó, tôi được đơn vị cho nghỉ phép ba ngày về thăm gia đình, sau 21 năm xa cách. Vì đã nhiều năm không biết tin tức của gia đình nên tôi phải về thị trấn Tân Uyên để gặp chị Hai Giúp nhờ chị cho biết tin về gia đình, trước khi về gặp má và các em của tôi.

Địa điểm xuất phát là Trại nghiên cứu về sản xuất nông nghiệp của chính quyền Việt Nam Cộng hòa ở Bàu Cá, huyện Trảng Bom, Biên Hòa. Lúc 6 giờ 30 phút, tôi đón xe đò Đà Lạt - Sài Gòn để về Sài Gòn. Một điều bất ngờ là nhà xe không thu tiền và rất ưu ái đối với bộ đội giải phóng. Khi về đến Sài Gòn, xe dừng ở một khu phố ngoại thành. Tôi xuống xe và ăn sáng ở chỗ xe phở ven đường, sau đó tiếp tục ăn một đĩa bánh cuốn, trong khi đó bà con ở đây lần la tìm hiểu về mấy anh bộ đội giải phóng. Bà con hơi ngạc nhiên vì phần đông bộ đội giải phóng là người miền Bắc

mà tôi là bộ đội mặc quân phục đội mũ tai bèo lại là người miền Nam. Tôi nói chuyện say sưa với bà con hồi lâu đĩa bánh cuốn vẫn còn hai phần ba mà tôi thấy đã no không còn đói nữa. Tôi đã trả tiền và chào bà con để đi vào tiệm hớt tóc. Sau khi hớt tóc, tôi đón xe về Biên Hòa⁽¹⁾, rồi tiếp tục ra bến xe lam ở gần chợ Biên Hòa để về chợ Tân Uyên.

Khi đến cầu Bà Kiên thì xe dừng vì cầu Bà Kiên bị địch đánh sập⁽²⁾. Hành khách trả tiền và xuống xe đi bộ qua cầu Bà Kiên để về Tân Uyên vì cầu chỉ sập ở mố cầu phía Tân Uyên. Phía bên Tân Uyên cũng có xe lam đi về chợ Tân Uyên. Khi lên xe, tôi gặp hai cô gái Việt Cộng được quân giải phóng đón từ Côn Đảo về đất liền. Hai cô gái ngoài hai mươi tuổi, dáng vẻ vẫn còn ốm yếu. Một cô cao và trắng hơn⁽³⁾ bị tra tấn nên một chân bị thương, bước khập khiễng. Một cô da bánh mật hơi thấp hơn một chút. Tôi và hai cô đều giành nhau để trả tiền xe, một cử chỉ thân tình và đáng yêu của những người lính Việt Cộng. Khi đến khu vực Bình Chánh, Khánh Vân thì hai cô xuống xe. Còn tôi, khi đó tìm tới chợ Tân Uyên. Tôi hỏi nhà chị Hai Giúp, con cô Tư Mãi, chị bác Năm Xải, bác Năm Xải có con là anh Ba Luông, có đứa con gái mà chị Hai Giúp đang nuôi.

(1) Bến xe ở gần khu nhà 5 tầng phía đối diện khách sạn Vĩnh An sau này.

(2) Giặc đánh sập cầu vì sợ xe tăng của ta từ Tân Uyên về Tân Ba, Biên Hòa và Sài Gòn.

(3) Sau này em tôi, Út Nhị, có gặp cô da trắng, đang làm việc ở Sở Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Dương. Cô ấy còn nhớ và nói chuyện với Út Nhị có nhắc lại chuyện đã gặp tôi, anh bộ đội giải phóng xa lạ mà thân quen trên chuyến xe ngày nào.

Nhà chị Hai Giúp ở phía Bắc chợ Tân Uyên gần bờ sông. Nhà chị có nhiều đậu xanh đang phơi để mấy hôm sau đem ra chợ bán. Chị Hai mừng rỡ tiếp đón tôi và chỉ tôi “có cô Út” em gái bác Mười Đeo đang bán đường ngoài chợ. Sau khi hàn huyên, chị Hai Giúp đưa tôi ra chợ gặp cô Út. Cô rất mừng khi hai cô cháu gặp nhau. Sau đó, cô chỉ tôi nhà chị Tư Lái, con của cô Năm, bên cạnh chợ Tân Uyên. Tôi đến thăm gia đình chị Tư Lái rồi chào mọi người để xuống đò Tân Uyên về nhà ở cù lao Mỹ Quới.

Trên chuyến đò có bốn anh bộ đội giải phóng (tôi và ba anh nữa). Trên đường làng từ ấp Bình Hưng đến Điều Hòa tôi nói với anh bộ đội có vẻ là sĩ quan⁽¹⁾: “Em là Ấn, con của ông Tư Lũy ở Tân Trạch”. Anh sĩ quan nói: “Ngày xưa ông Tư đã cử anh đi học trường lục quân Trần Quốc Tuấn ở Nam Bộ, khi đi ông Tư có cho anh tiền lộ phí đi đường”. Tôi nhớ lại đầu năm 1950, tỉnh Biên Hòa có chọn một số anh có trình độ văn hóa, có sức khỏe để cử đi học trường quân sự ở Nam Bộ. Trong số đó có anh Hoàng Văn Bồn (sau này là nhà văn, nhà biên kịch quân đội); anh Bảy Sanh về sau là Giám đốc Sở Lâm nghiệp rồi Phó chủ tịch tỉnh Đồng Nai; anh Tư Trung, Đại tá quân đội ở đơn vị A42, sân bay Biên Hòa, sau là Giám đốc Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh.

Tôi và ba anh bộ đội chia tay ở làng Điều Hòa. Tôi đi tiếp chừng 20 đến 30 bước thì có tiếng hỏi từ nép nhà bên vệ đường vọng ra: “Ai đi ngoài đường đó?”. Tôi trả lời: “Tôi là Hai Ấn, con ông Tư Lũy ở làng Tân Trạch”. Người nói chuyện với tôi cũng là người quá thân quen, bảo tôi: “Nếu là con ông Tư thì vào đây”. Tuy mới gặp lần đầu nhưng tôi

(1) Vì bên cạnh anh có hai anh lính cận vệ.

đoán đây là bác Tám Bời, anh ruột bác Út Thôi, nguyên Bí thư kiêm Chủ tịch xã Bạch Đằng, nhân vật nổi tiếng của Việt Minh trong thời kháng chiến chống thực dân Pháp và thời kỳ đầu chống Mỹ ở miền Nam. Tôi chào bác Tám và người thân trong gia đình, nói chuyện năm ba câu rồi xin phép để về nhà.

Đi tiếp chừng 500 đến 600m thì tôi đến khu gò Mả, địa phận làng Tân Trạch. Người tôi gặp đầu tiên là một anh nông dân còn ít tuổi nhìn giống anh Chín Tranh. Tôi hỏi: “Có phải anh là anh Chín Tranh không?”. Anh nói: “Tôi là Út, em của anh Chín Tranh”. Qua mối liên quan huyết thống trong gia đình anh Út hỏi tôi: “Có phải chú là chú Hai Ẩn phải không?”. Tôi trả lời ngay: “Phải tôi đây”.

Tôi hỏi anh: “Đường vào nhà mình đi đường nào?”. Anh nói: “Để tôi đưa chú về nhà!” rồi anh kêu anh Hai Chiến⁽¹⁾: “Anh Hai ơi! Chú Hai Ẩn về rồi!”. Anh Hai Chiến đang cày ở miếng đất phía trong dừng cày và chạy lại chỗ tôi. Hai anh em ôm nhau và nước mắt tôi rơi lã chã và không nói được lời nào.

Tôi đi từ chỗ anh Hai Chiến qua nhà anh Út rồi qua nhà bác Hai vào đến nhà má mà nước mắt cứ rơi rơi... không nói được lời nào.

Gặp má, hai mẹ con ôm nhau khóc.

Sau má mới biểu một đứa nhỏ nào đó, chạy xuống trường học kêu Út Nhị về vì Út Nhị đang đá banh ở đó. Lúc đó khoảng 5 giờ 30 chiều, má đang nấu cơm. Sau đó chừng 30 phút, Út Nhị về nhà, lúc đó trời đã nhá nhem tối, anh em tôi gặp nhau.

(1) Anh ruột

Tối hôm đó và suốt hai ngày hôm sau nhiều bà con thân thích và anh em công tác ở địa phương cũng đến nhà thăm tôi. Không khí thật đầm ấm. Tôi còn nhớ, dưỡng Tám ở Biên Hòa gần nhà máy cưa cùng con trai tên Hai cũng về quê thăm tôi.

Sau ba ngày phép, tôi xuống Biên Hòa thăm gia đình chị Ba Kim, anh Hai Hưởng, anh rể và các cháu. Tôi còn tranh thủ đến thăm gia đình dì Tám rồi mới lên đường trả phép ở trại Nghiên cứu Sản xuất Nông nghiệp ở Bàu Cá. Chuyến đi này có Út Nhị, em tôi đưa anh đến đơn vị công tác. Sau đó, hai anh em tôi cùng các anh, chị đưa lúa gạo và bàn ghế đã vận chuyển từ căn cứ ra đây, bây giờ lại đưa về Biên Hòa đã được giải phóng.

31/8/2022

Trên đất bạn Campuchia

Ngày 7/1/1979, quân tình nguyện Việt Nam cùng lực lượng chống Pol Pot của Campuchia đã đánh quân Pol Pot chạy khỏi thành phố Phnôm Pênh. Thực tế quân Pol Pot vẫn còn trụ ở nông thôn và rừng núi của Campuchia và ra sức chống lại quân đội tình nguyện của Việt Nam với sự chỉ đạo của cố vấn quân sự Trung Quốc. Hỏa lực của chúng rất mạnh, trừ không quân và hải quân hay xe tăng thiết giáp.

Từ năm 1979 đến năm 1982 quân ta bị tổn thất khá lớn. Thời gian này Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ đạo: Mỗi tỉnh ở Nam Bộ ra tới Nam Trung Bộ kết nghĩa với một tỉnh ở Campuchia để giúp đỡ nước bạn phục hồi kinh tế sau họa diệt chủng Pol Pot.

Tỉnh Đồng Nai kết nghĩa với tỉnh Kampong Thom của Campuchia. Tỉnh này ở phía Bắc Campuchia giáp tỉnh Xiêm Riệp, gần Thái Lan. Thời gian này lực lượng Pol Pot ở 2 tỉnh này hoạt động chống phá khá mạnh.

Đầu năm 1982, tỉnh Đồng Nai cử một đoàn cán bộ đại diện các ngành sang thăm tỉnh Kampong Thom kết nghĩa, dẫn đầu đoàn do đồng chí Sáu Trung, Chủ tịch tỉnh Đồng Nai. Đoàn xuất phát từ Biên Hòa đến huyện Gò Dầu, Tây

Ninh qua cửa khẩu Mộc Bài đất Campuchia đến thị xã Xoài Riêng, Campuchia. Đoàn dừng chân nghỉ ăn trưa ở đây và tự tổ chức nấu ăn.

Từ biên giới Campuchia đến thị xã Xoài Riêng, thành phố Phnôm Pênh, các thị xã, thị trấn đều không có bóng người, đường xá, cầu cống đều xuống cấp một cách thảm hại, ta phải có trách nhiệm cùng nhân dân Campuchia phải xây dựng lại từ đồng tro tàn do Pol Pốt gây nên.

Từ 1982 đến 1985, tôi cùng cán bộ công nhân ngành Thủy lợi Đồng Nai đi lại nhiều lần để giúp ngành nông nghiệp tỉnh Kampong Thom đào tạo công nhân máy bơm, khảo sát thiết kế phục hồi kênh mương dẫn nước, cụ thể:

Xí nghiệp khảo sát thiết kế cử hai tổ khảo sát địa hình do đồng chí Lai và đồng chí Minh đi đo tuyến kênh hồ 30/9 ở huyện Si Tung giáp tỉnh Xiêm Riệp, giáp Thái Lan về đến Kampong Chàm. Đây là căn cứ của của quân Pol Pot, có lần chúng rượt đuổi anh em. Cũng may mọi người đều an toàn. Đoàn còn khảo sát tuyến kênh tưới từ hồ Si Tung về tới tỉnh Kampong Chàm dài gần 170(km) tưới gần 2000(ha).

Đáng nhớ là đầu năm 1984, đích thân tôi đưa đoàn công nhân xây lắp thuộc công ty xây lắp chỗ đồng chí Cải làm Giám đốc. Đội xây lắp do đồng chí Lê Quang Thành, Phó Giám đốc xí nghiệp khảo sát thiết kế trực tiếp làm Đội trưởng. Sở Thủy lợi Đồng Nai muốn thử thách đồng chí đảng viên dự bị trong nhiệm vụ đặc biệt này. Đội phó, đội công tác này là đồng chí Bình, kỹ sư Thủy lợi của Công ty xây lắp Thủy lợi. Nhiệm vụ của đoàn là xây hai cống lấy nước từ hồ 30/9 và lắp ráp 10 cửa cống lấy và xả lũ từ hồ 30/9.

Để triển khai công tác trên được thuận lợi, tôi đề nghị đồng chí Hai Thông, Trưởng đoàn chuyên gia tỉnh Đồng Nai tại Kampong Thom, mời đồng chí Trung - Đoàn trưởng Trung đoàn Gia Định tại Kampong Thom làm việc. Đồng chí Trung hứa sẽ triển khai quân đảm bảo an toàn cho công nhân thực thi nhiệm vụ ở hồ 30/9, huyện Si Tung, tỉnh Kampong Thom.

Trước khi đưa đoàn cán bộ, công nhân của ta vào khu vực hồ 30/9, Trung đoàn Gia Định đã giao chiến với quân Pol Pốt tại đây và đã hy sinh hai chiến sĩ tân binh.

Vào lúc 14 giờ một ngày mùa khô năm 1984, tôi đưa đội thợ xây lắp gồm 20 người từ quốc lộ 6, Kampong Thom đi Xiêm Riệp vào hồ 30/9⁽¹⁾. Đi được khoảng 1km thì có tin báo: “Các anh không nên đi vì quân Pol Pot phục kích”. Tôi bảo đồng chí Đăng lái xe, quay ra lộ 6 vào gặp đồng chí tiểu đoàn trưởng đề nghị tiểu đoàn cử một đại đội, đưa công nhân vào vị trí công trường. Đồng chí tiểu đoàn trưởng đồng ý và cử đồng chí đại đội trưởng tầm 25-27 tuổi đeo lon trung úy chỉ huy ba trung đội. Mỗi trung đội chỉ có 12 đồng chí đi trên ba xe không mui hành quân đưa anh em chúng tôi vào công trường, sau đó anh em tự trở ra. Tôi chỉ đạo đồng chí Thành, cử anh em đi mua một con heo chừng 60-70kg để mai làm lễ khởi công rồi chia cho công nhân và bộ đội ăn tươi một bữa. Bộ đội bảo vệ công trường với quân số một tiểu đoàn do đồng chí Thuật, quê Gia Lâm làm Tiểu đoàn trưởng mang quân hàm thượng úy. Đồng chí Hùng, Trung úy làm Tiểu đoàn phó quê ở Hóc Môn. Theo chương trình, tôi ở công trường với anh em công nhân ba ngày hai

(1) Khoảng cách chừng 13km.

đêm. Đêm đầu tiên, tiểu đoàn bảo vệ, ban chỉ huy tiểu đoàn có hai người và thực binh hai đại đội. Mỗi đại đội chỉ có ba tiểu đội bố trí ở hai đầu đập ở phía Đông. Ban Chỉ huy ở giữa nhưng ở phía sau đập, cách hai đại đội phía trên đập chừng 200m, để bảo vệ Ban chỉ huy an toàn. Phía Tây Bắc có một đại đội (đủ quân số) bộ đội Campuchia. Phía Tây Nam, quân ta bố trí bãi mìn.

Đêm đầu tiên ở công trường, tin tình báo của ta cho biết, quân Pol Pot sẽ đánh vào công trường. Đồng chí Thuận báo cho tôi: “Đêm nay Pol Pot sẽ đánh vào đây có gì chú xuống hầm trú ẩn”. Thực tế, hầm chỉ huy sâu 1,4m, không có nắp hầm. Tôi nằm cạnh Ban chỉ huy tiểu đoàn. Khoảng 20 giờ, phía Đông Bắc có pháo hiệu màu đỏ, phía Đông Nam có pháo hiệu màu xanh. Còn thiếu pháo hiệu màu vàng phía Tây Nam⁽¹⁾. Phía Tây Bắc có đơn vị bộ đội Campuchia. Đồng chí Thuật báo cho tôi, nếu địch đánh ta từ hướng này, thì ta cứ bắn vào hướng này để tự bảo vệ mình. Địch đã lừa trâu đi vào bãi mìn, mìn nổ nên phải bỏ dở trận đánh này.

Đêm thứ hai, lúc 17giờ, một đại đội của ta đóng quân phía Đông Bắc, hành quân qua đây vì trời tối xin nghỉ qua đêm tại công trường. Tôi thấy an tâm hơn vì đã có thêm quân ở công trường. Quả thật, đêm đó không có chuyện gì xảy ra.

Ngày thứ ba ở công trường, mọi việc đều tốt đẹp. Tầm 1 giờ 30 phút sáng chúng tôi có khách. Đó là đồng chí Hai Thông, Trưởng đoàn chuyên gia tỉnh Đồng Nai được đại đội của trung đoàn Gia Định đưa vào thăm công trường, sau

(1) Nơi có bãi mìn.

đó đón tôi về thị xã Kampong Thom. Hôm đó, tôi gặp đồng chí Xô Han, Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch tỉnh Kampong Thom và báo cho đồng chí biết tình hình ở công trường.

Tôi đã mua một con heo trong lễ khởi công ở công trình, sau đó chia phần cho anh em bộ đội Việt Nam, bộ đội Campuchia và cán bộ công nhân trên công trường liên hoan. Đồng chí Xô Han khen tôi rất chu đáo, quan tâm đến đời sống của bộ đội và cán bộ công nhân thủy lợi trên công trường, thi công phục hồi công trình Thủy lợi hồ 30/9 ở huyện Si Tung, tỉnh Kampong Thom, giáp tỉnh Xiêm Riệp.

Đồng chí Xô Han đề nghị tôi để tỉnh Kampong Thom chi số tiền mua heo trong lễ khởi công, tôi nói với đồng chí Xô Han: “Đây là chuyện nhỏ, đồng chí đừng bận tâm”.

Công việc ở công trường đúng theo kế hoạch phải thực hiện trong ba tháng nhưng anh em làm khẩn trương năng suất lao động nên sau một tháng rưỡi chúng tôi đã hoàn thành nhiệm vụ và rút quân về nước an toàn.

Ngành Thủy lợi Đồng Nai giúp tỉnh Kampong Thom đào tạo nguồn nhân lực. Tỉnh bạn đề nghị cử 50 người sang Đồng Nai đào tạo cán bộ kỹ thuật Thủy lợi có trình độ sơ cấp Thủy lợi. Thực hiện chương trình này tôi đề nghị với bạn:

Đồng Nai sẽ soạn giáo án đào tạo sơ cấp Thủy lợi cho bạn, dịch từ tiếng Việt sang ba ngoại ngữ: Campuchia, Anh, Pháp, gửi cho lãnh đạo tỉnh Kampong Thom. Nếu bạn nhất trí thì tỉnh Kampong Thom chiêu sinh từ 50-75 người, tổ chức ăn, ở hậu cần cho lớp học. Phía Đồng Nai sẽ cử giáo viên và phiên dịch tiếng Campuchia, chương trình đào tạo trong ba tháng, bằng cấp do Chủ tịch tỉnh Kampong Thom ký.

Kết quả chương trình đào tạo nhân lực cho bạn đạt kết quả tốt đẹp, được 75 người.

Cuối năm 1985, ngành Thủy lợi Đồng Nai có cuộc họp tổng kết trong năm giúp tỉnh Kampong Thom phục hồi kinh tế về Thủy lợi đạt kết quả tốt đẹp. Cán bộ và công nhân đi làm nhiệm vụ quốc tế đều an toàn trở về. Anh em được khen thưởng.

Trong quá trình làm việc với tỉnh Kampong Thom về công tác thủy lợi có đồng chí Tứ, cán bộ phiên dịch của đoàn chuyên gia chỗ đồng chí Hai Thông. Một điều đáng tiếc là sau khi làm việc với tôi khoảng một tuần, trong sinh hoạt đồng chí Tứ và anh Đội trưởng Đội văn nghệ tỉnh Kampong Thom có xảy ra xích mích và đã gây hậu quả đáng tiếc. Đó là mất mát quá lớn của đoàn chuyên gia tỉnh Đồng Nai.

Thủy lợi Đồng Nai, những ngày đầu xây dựng

Tổ Thủy lợi đầu tiên của Sở Nông lâm Đông Nam Bộ gồm:

- Đồng chí Huỳnh Ngọc Ẩn, quê Biên Hòa - kỹ sư
- Đồng chí Mạc Sử, Cán bộ Trung cấp Thủy lợi, quê Hải Hưng
- Đồng chí Nguyễn Kim Bộ, Cán bộ trung cấp Khảo sát, quê Hà Tây
- Đồng chí Đỗ Chu Lương, quê Hải Dương

Số cán bộ này được Bộ Thủy lợi điều về để tăng cường cho B2 vào năm 1974. Giám đốc Sở Nông nghiệp Đông Nam Bộ lúc đó là đồng chí Ba Hà, Kỹ sư Nông nghiệp được đào tạo thời Pháp.

Đầu năm 1976, tỉnh Đồng Nai được thành lập trên cơ sở sáp nhập các tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa - Long Khánh và Tân Phú thuộc Chiến khu Đ cũ. Lúc đó, tỉnh có một phòng

Thủy lợi thuộc Sở Nông nghiệp, Trưởng phòng Thủy lợi lúc đó là tôi.

Phòng Thủy lợi có các đồng chí sau:

- Đồng chí Khúc Cường - kỹ sư
- Đồng chí Huỳnh Cải - kỹ sư
- Đồng chí Đỗ Ngọc Huân - kỹ sư
- Đồng chí Nguyễn Văn Thuận - kỹ sư
- Đồng chí Mạc Sử - Cán bộ trung cấp
- Đồng chí Đỗ Chu Lương - Cán bộ trung cấp
- Đồng chí Nguyễn Kim Bộ - Cán bộ trung cấp
- Đồng chí Mạc Đình Cư - Công nhân máy bơm
- Đồng chí Nguyễn Văn Bảy - Công nhân máy bơm

Thời gian này đất nước vừa mới giải phóng gần như chưa có các công trình Thủy lợi. Đồng đất một màu khô cháy, không có sự sống. Bình quân lương thực đầu người chỉ đạt 80 kg/người/năm.

Trước tình hình trên, đồng chí Sáu Trung, Chủ tịch tỉnh mời bốn đồng chí kỹ sư Thủy lợi có mặt lúc đó gồm: Huỳnh Ngọc Ẩn, Khúc Cường, Huỳnh Cải, Đỗ Ngọc Huân lên văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh giao nhiệm vụ: “Các đồng chí nghiên cứu đề xuất cho tỉnh những vị trí có thể xây dựng công trình thủy lợi như: trạm bơm điện, bơm dầu, đập, hồ chứa nước. Làm sao trong một vài năm các công trình phục vụ được sản xuất nông nghiệp để đảm bảo được đời sống cho nhân dân. Trước mắt, trong vòng 2 - 3 năm bình quân lương thực đạt 180-200 kg/người/năm. Sau đạt 240 kg/người/năm”.

Công việc trước mắt của chúng tôi là nắm được các công trình đã có, các công trình xây dựng dở dang và đề xuất xây dựng các công trình thủy lợi mới trên địa bàn tỉnh đồng thời tổ chức đào tạo cán bộ sơ cấp Thủy lợi sử dụng cán bộ tại chỗ; đề xuất với Bộ Thủy lợi, bổ sung chi viện cán bộ kỹ sư, trung cấp từ các tỉnh ở miền Bắc quan tâm chi viện cho Đồng Nai. Lúc đầu, Bộ Thủy lợi chi viện cho một số cán bộ trung cấp Thủy lợi như các đồng chí: Nguyễn Văn Đáp, Bối, Hoạt, Hằng, Kiều Thịnh, Đảng, Vũ Thành. Về sau, có đồng chí Nguyễn Thị Hạnh - kỹ sư.

Một loạt các công trình Thủy lợi được xây dựng như:

- Trạm bơm điện Lợi Hòa, Bình Hòa, Bình Long do đồng chí Bối phụ trách, đồng chí Sơn thi công.

Trạm bơm Phước Tân, cô Hằng phụ trách, đồng chí Hồng - Bảnh thi công.

- Trạm bơm Tân Hạnh, đồng chí Dục phụ trách, đồng chí Hồng - Bảnh thi công.

- Trạm bơm Thiện Tân, do đồng chí Phao phụ trách.

- Thi công đập Sông Xoài - Bà Rịa do đồng chí Thuận phụ trách, đồng chí Lầu đảm nhận thi công.

- Đập Long An do đồng chí Huân thi công.

- Thi công đập Đồng Hiệp, huyện Tân Phú, kỹ sư Huân thiết kế, đồng chí Đáp giám sát thi công, nhân công tại chỗ.

- Thi công đê Chu Hải - Bà Rịa, đồng chí Tú giám sát thi công, thi công do đồng chí Thăng, kỹ sư Đổm (Cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp Sài Gòn).

- Thi công đập Suối Cả, đồng chí Thành giám sát thi công, đồng chí Vương Kiên thi công, có kỹ sư Bảnh hỗ trợ.

- Đập Bàu Hàm, đập Năm Sao do đồng chí Cải phụ trách thi công, đồng chí Thắng thi công.

- Đập Rạch Đông (Bến Súc), do đồng chí Cải chỉ đạo thi công, dân địa phương thực hiện.

- Đập đất hồ Cầu Mới - Xuyên Mộc, lực lượng dân công địa phương thực hiện. Cuối năm 1976, thi công đập bê tông, do đồng chí Phóng chỉ đạo.

- Đập Cầu Cháy ở Vũng Tàu do đồng chí Vũ Thành giám sát thi công, thi công do đồng chí Hiếu đảm nhận.

- Đập Gia Liêu 1, do đồng chí Hạnh giám sát thi công.

- Thi công đập Sông Dinh do đồng chí Lịch phụ trách, đồng chí Lầu thi công.

- Thi công sửa đập Tân Hiệp (Biên Hòa) do đồng chí Hoạt phụ trách.

- Thi công đập Bà Đắp do đồng chí Sáu Liêm thi công.

- Thi công đập Sông Rai do đồng chí Trung phụ trách, đồng chí Hồng thi công, kỹ sư Bảnh hỗ trợ.

- Thi công cống Cầu Cháy (Vũng Tàu) do đồng chí Vũ Thành phụ trách, đồng chí Hiếu thực hiện.

- Thi công đập Cù Nhí (Xuân Lộc) do đồng chí Oánh phụ trách.

- Thi công đập Gia Tân: dân thực hiện, sau Sở Thủy lợi cử một đồng chí kỹ sư từ Đoàn Thủy lợi Hà Bắc chi viện.

Một điều rất quan trọng là Ban lãnh đạo ngành Thủy lợi lúc đó đã nhanh nhẹn biết sử dụng chuyên môn của trí thức chế độ cũ để thi công công trình Thủy lợi mà ta cần như: kỹ sư Bảnh, kỹ sư Đổm.

Trước yêu cầu rất lớn và cấp bách của công tác Thủy

lợi nên Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định thành lập Ty Thủy lợi Đồng Nai từ tháng 6/1976. Ban lãnh đạo ban đầu do đồng chí Thái Tửu, Cấp trưởng và hai đồng chí cấp phó là tôi và đồng chí Khúc Cương; kế toán trưởng là đồng chí Kiều Thịnh.

Sau khi một loạt các công trình trên được xây dựng xong, Ty Thủy lợi Đồng Nai đã lên danh sách số công nhân quản lý các công trình Thủy lợi trình Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định số nhân sự cần thiết này do Ty Thủy lợi quản lý sử dụng thông qua Phòng Thủy nông của Ty Thủy lợi, phòng có mối quan hệ với địa phương khai thác các công trình thủy lợi, phục vụ tổ sản xuất ở địa bàn.

Chúng tôi đã đào tạo được hai lớp công nhân thủy lợi (sơ cấp) ở hai địa điểm: tại đình Bình Thảo, huyện Vĩnh Cửu được 45 người do đồng chí Quế, quê Nam Hà phụ trách; tại đình Tân Hạnh, thành phố Biên Hòa được 50 người do đồng chí Tuyên phụ trách.

Cuối năm 1976, Bộ Thủy lợi điều động, tăng cường lực lượng cán bộ thủy lợi khá lớn cho ngành Thủy lợi Đồng Nai từ Sở Thủy lợi Hà Bắc với 20 người. Trên cơ sở nguồn cán bộ này, Ty Thủy lợi Đồng Nai đã kiện toàn được bộ máy thủy lợi ở cấp huyện và các phòng ban thuộc sở và bổ sung lực lượng chỉ đạo xây dựng công trình đang tổ chức thi công và xây dựng được Công ty xây lắp Thủy lợi, Xí nghiệp khảo sát - thiết kế thuộc Sở; xây dựng được Trường sơ cấp Thủy lợi ở Bà Rịa để đào tạo cán bộ sơ cấp đạt chuẩn cho tỉnh. Hiệu trưởng là đồng chí Duy. Trường đào tạo được bốn khóa thì được nhập vào Trường Trung cấp Nông nghiệp thuộc tỉnh ở Bàu Cá, huyện Thống Nhất.

Sau khi được tăng cường lực lượng cán bộ, kỹ sư trung cấp của Sở Thủy lợi Hà Bắc, các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ của Sở mới được củng cố và kiện toàn:

- Phòng Hành chính: Đồng chí Bình, Trưởng phòng
- Phòng Tổ chức: Đồng chí Nghi, Trưởng phòng
- Phòng Kỹ thuật cơ bản: Đồng chí Dục, Trưởng phòng
- Phòng Kế hoạch: Đồng chí Hạnh, Đồng chí Huyền, Đồng chí Thoa

- Phòng Tài vụ: Đồng chí Kiều Thịnh, Trưởng phòng
- Phòng Quy hoạch - Thủy văn: Đồng chí Đồng phụ trách

- Giám đốc Công ty xây lắp Thủy lợi: Đồng chí Cải; Phó Giám đốc gồm các đồng chí: Đức, Phao

- Giám đốc xí nghiệp Khảo sát Thiết kế: Đồng chí Hạnh.
- Ban Thanh tra: Đồng chí Khánh

Các phòng Thủy lợi ở các huyện được kiện toàn

- Huyện Tân Phú: Đồng chí Ca, đồng chí Quế
- Huyện Xuân Lộc: Đồng chí Duyệt
- Huyện Long Thành: Đồng chí Ngô Bình, đồng chí Huấn

- Huyện Châu Thành: Đồng chí Hùng, đồng chí Thủy
- Huyện Long Đất: Đồng chí Sáu Liêm, đồng chí Trung
- Huyện Thống Nhất: Đồng chí Nga, đồng chí Tặng
- Huyện Xuyên Mộc: Đồng chí Thanh, đồng chí Toàn
- Thành phố Biên Hòa: Đồng chí Tuyên
- Huyện Vĩnh Cửu: Đồng chí Giống (bộ đội), đồng chí Bối, đồng chí Thiệu (bộ đội)

Đến năm 1989, Ủy ban nhân dân tỉnh có quyết định thành lập Công ty khai thác Thủy lợi, Giám đốc là đồng chí Huỳnh Ngọc Ắn; hai Phó Giám đốc là đồng chí Nguyễn Văn Thuận, và Lê Quang Thành; Kế toán trưởng đồng chí Nguyễn Thị Hoa. Công ty được giao làm chủ đầu tư xây dựng mới các công trình, giám sát chất lượng thi công, khi hoàn thành nghiệm thu và quản lý khai thác công trình cho có hiệu quả. Công ty phải tổ chức thu Thủy lợi phí các công trình Thủy lợi phục vụ sản xuất Nông nghiệp, Công nghiệp. Để trên cơ sở đó có kinh phí đầu tư tu bổ công trình và trả lương cho công nhân.

Ngay từ đầu ngày thành lập, Công ty đã được tỉnh giao làm chủ đầu tư các công trình quan trọng như:

- Hệ thống thủy lợi Ông Kèo, huyện Nhơn Trạch
- Hồ Suối Giàu - Lò Ô, huyện Long Đất
- Hồ Gia Ui, huyện Xuân Lộc
- Tu bổ các tuyến kênh, hồ Sông Mây
- Tu bổ các kênh tưới hồ Núi Le
- Tu bổ các kênh tưới hồ Đa Tôn
- Bê tông tuyến kênh tưới Trạm bơm Lợi Hòa, Bình Hòa,...

Tổ chức bộ máy của Công ty dần được hoàn thiện với các phòng, ban: Phòng Kỹ thuật, Quản lý nước, Đội Xây lát⁽¹⁾, Tài vụ. Trình độ chuyên môn của anh, chị em được cử đi đào tạo từ Trường Đại học Thủy lợi Hà Nội, Trường Nghiệp vụ tài chính ở TP. Hồ Chí Minh,...

(1) Sau này là Xí nghiệp xây lát.

Để đầu tư cơ sở vật chất phục vụ công tác, đơn vị đã mua sắm máy móc, thiết bị như máy vi tính và cử anh chị em đi học chuyên môn để sử dụng thành thạo, hiệu quả đáp ứng yêu cầu của công việc.

Quá trình xây dựng và thành lập Công ty Thủy lợi từ chỗ nhỏ yếu, cơ sở vật chất còn nghèo nàn và lạc hậu sau 10 năm (1989-2000) cơ ngơi của Công ty tương đối đầy đủ, trình độ chuyên môn của anh, chị em đã được nâng lên rõ rệt. Phần lớn anh chị em đều có trình độ đại học đáp ứng được nhiệm vụ của Công ty trước mắt cũng như về lâu dài. Đồng lương và cuộc sống của anh, chị em cán bộ công nhân viên được ổn định và nâng cao. Đây cũng là thời điểm bàn giao công tác Thủy lợi từ lớp cán bộ lớn tuổi cho lớp cán bộ trẻ năng động hơn.

Thăm lại chiến trường xưa

Một điều thú vị và bất ngờ là những năm tháng cuối đời tôi đã được đi thăm vùng đất lịch sử và xa xôi của Tổ quốc.

- Thăm tỉnh Điện Biên có trận đánh Điện Biên Phủ lịch sử, kết thúc chiến tranh đánh Pháp xâm lược 1945-1954. Đất nước tạm chia cắt đất nước hai miền lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới. Theo Hiệp định Genève đất nước tạm chia hai miền: Bắc - Nam, 2 năm sau (năm 1956) hai miền sẽ tiến hành hội nghị hiệp thương tổng tuyển cử để thống nhất đất nước.

- Đi thăm tỉnh Hà Giang nơi địa đầu đất nước có cột cờ Lũng Cú, di tích cấp quốc gia: đình Tân Trào và cây đa Tân Trào.

- Thăm lán Nà Lừa, căn cứ đặc biệt của Bác Hồ thuộc Căn cứ địa Việt Bắc thuộc tỉnh Tuyên Quang.

Về thăm chiến trường xưa Điện Biên Phủ

Đoàn đi máy bay từ sân bay Tân Sơn Nhất lúc 9 giờ 30 phút đến sân bay Điện Biên Phủ lúc 11 giờ 30 phút. Sau khi ăn cơm trưa ở thị xã Điện Biên, xe đưa đoàn đi thăm

núi Mường Phăng, nơi đóng quân của bộ đội chỉ huy mặt trận Điện Biên Phủ do Đại tướng Võ Nguyên Giáp chỉ đạo. Từ chỗ bãi đỗ xe chúng tôi đi bộ hơn 1km. Đoạn cuối đến hầm chỉ huy chừng 600m, có 250m bậc thang lên dốc, ai sức khỏe hạn chế khó thực hiện được đoạn đường này. Từ đỉnh núi Mường Phăng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Bộ Chỉ huy chiến dịch có thể quan sát trận Điện Biên, Cánh đồng Mường Thanh các đồi phụ cận của địch: như đồi Him Lam, đồi A1 và các cứ điểm khác.

Phương án của ta lúc đầu là “Đánh nhanh, thắng nhanh”, có sự góp ý của chuyên gia quân sự Trung Quốc nhưng Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhớ lời căn dặn của Bác Hồ “Tổng Tư lệnh ra mặt trận, Tướng quân tại ngoại. Trao cho chú toàn quyền quyết định” tức Tướng quân chỉ đạo tại mặt trận. Nếu chắc thắng thì đánh, nếu thấy không chắc thắng thì chưa đánh và phải tìm phương án khác tốt hơn và đã “đánh là phải thắng”. Đại tướng quyết định, tạm dừng trận đánh, pháo binh đã đưa vào trận địa, Đại tướng chỉ đạo phải kéo ra, sau đó bố trí trận địa mới cho phù hợp. Chỉ đạo bộ đội, đào giao thông hào vây lấn đồn địch. Ban đầu, đồn giặc ở đỉnh đồi, ta thì ở dưới chân đồi nên có chuyện đồng chí Bé Văn Đàn lấy thân làm giá súng để đồng đội bắn trung liên về phía địch và đồng chí Bé Văn Đàn đã hi sinh ở tư thế này.

Ở diễn biến khác, sau quả B40 của ta, bộ đội ta xung phong lên đồn địch, nhưng súng trung liên của địch vẫn bắn về phía bộ đội ta xung phong. Đồng chí Phan Đình Giót liền lấy thân mình lấp lỗ châu mai tạo cơ hội để bộ đội ta tràn lên tiến công diệt giặc, và quân ta đã chiến thắng trận này.

Một cứ điểm quan trọng của mặt trận Điện Biên Phủ là đồi A1. Đây là một cứ điểm mạnh nhất của địch vì có xe tăng bảo vệ có lô cốt, lỗ châu mai, hỏa lực gồm đại liên 12 ly 7, bắn xa trên dưới 1.000m, trung liên bắn gần 100 đến 300m. Để đánh thắng cứ điểm này, bộ đội ta phải đào hào vây lấn, đến khoảng cách 30m bộ đội ta đào hố chữ Z và đặt bộc phá 800kg sau đó đặt đồng hồ hẹn giờ. Khi bộ đội rút lui an toàn thì mìn nổ, bộ đội ta xung phong lên đồn địch. Vì bom hẹn giờ quá lớn, sức công phá mạnh nên bọn lính chết như rạ, quân ta toàn thắng. Sau khi các cứ điểm bị tiêu diệt, bộ đội ta tiến quân vào Bộ Chỉ huy cứ điểm Điện Biên Phủ của địch, hầm của tướng De Castries. Đồng chí Đại đội trưởng Tạ Quốc Luật Đại đội 360, Tiểu đoàn 130, Đại đoàn 312 bộ đội ta đã bắt sống tướng De Castries cùng toàn bộ Bộ Tham mưu và Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Lá cờ Quyết chiến quyết thắng của quân đội ta tung bay trên nóc hầm Sở Chỉ huy của địch. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, đạo diễn nổi tiếng Liên Xô, Roman Karmen đã làm bộ phim thời sự - tài liệu *Việt Nam trên đường thắng lợi* về chiến thắng Điện Biên Phủ - trong đó có ghi lại hình ảnh 2.000 tù binh bị ta bắt sống.

Chuyến đi Hà Giang

Khởi hành từ phố cổ Hà Nội, phố Hàng Hành trên xe 24 chỗ nhưng đoàn chúng tôi chỉ có 21 người⁽¹⁾. Xe lăn bánh lúc 6 giờ sáng ngày 27/05/2022 thì đến thành phố Hà Giang tham quan. Sau đó, đoàn dùng cơm ở quán ăn bên bờ sông Lô, nơi ra đời nhạc phẩm nổi tiếng *Sông Lô* của cố

(1) Hà Nội 8 người và TP. Hồ Chí Minh 23 người.

nhạc sĩ Văn Cao. 20 giờ cùng ngày đoàn nghỉ qua đêm ở thị xã Hà Giang.

Ngày 28/05, đoàn thăm khu đèo Mã Pí Lèng. Đêm ngày 28/05, trời mưa to ở vùng này nên bị sạt lở đất ở đèo Mã Pí Lèng. Công nhân giao thông phải xúc khối đất ở đây, thời gian đi phải chậm lại khoảng 40 phút. Đường đi phải qua nhiều dốc, khúc cua khá nguy hiểm. Đáng kể là đoàn đã đến mỏm đá Obama. Từ mỏm đá này, tôi có thể nhìn thấy phần lớn các dãy núi “Cao nguyên đá Đồng Văn”, khu du lịch sinh thái của miền núi phía Bắc Việt Nam. Cũng từ mỏm đá này, chúng tôi còn nhìn thấy sông Quế được hình thành từ cao nguyên đá Đồng Văn.

Sông Quế là sông nguồn của sông Lô lịch sử, nơi bộ đội ta đã bắn chìm nhiều tàu giặc trên sông thời kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) trên mảnh đất Tuyên Quang.

Có một điều thú vị là ở Hà Giang có 184km đường núi được hình thành từ con đường đi bộ của người dân vùng này từ trước năm 1954, đoạn đường từ Hà Giang đi lên biên giới Việt - Trung, nơi có cột cờ Lũng Cú, Đồng Văn. Từ năm 1956 - 1959, đất nước ta đã huy động thanh niên xung phong từ sáu tỉnh: Nam Định, Thái Bình và bốn tỉnh phía Bắc phá đá mở đường hình thành con đường nhựa rộng 6m như ngày nay. Bác Hồ đã về thăm con đường này và đặt tên là con đường “Hạnh Phúc” của người dân nơi đây. Để hoàn tất con đường này, lực lượng thanh niên xung phong của sáu tỉnh đã phải hi sinh 64 người do tai nạn lao động và do ốm đau bệnh tật.

Ngày 29/05, đoàn đi thăm Khu dinh thự vua Mèo được xây dựng trước Cách mạng tháng Tám năm 1945⁽¹⁾.

Ngày 30/05, đoàn thăm khu phố cổ Hà Giang và chợ Hà Giang. 12 giờ trưa ngày 30/05, đoàn trả phòng và quay về cây đa Tân Trào từ thị xã đến đất Vị Xuyên. Mặt trận Vị Xuyên là chiến trường ác liệt trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới phía Bắc từ năm 1979 - 1989. Đất Vị Xuyên cách thị xã Hà Giang chừng 50 đến 60km. Nghĩa trang Liệt sĩ Vị Xuyên là nơi an nghỉ của hơn 1.800 liệt sĩ đã hy sinh trong cuộc chiến đấu chống quân Trung Quốc bảo vệ Tổ quốc. Nghĩa trang được khởi công xây dựng từ năm 1990.

Thăm tỉnh Tuyên Quang, Trung tâm căn cứ địa Việt Bắc

Một lần đi thăm tỉnh Hà Giang, chuyển đi từ Hà Nội lên Hà Giang, đi theo quốc lộ 2B đến địa phận thị xã thì gặp một di tích cổ mang tên Cổng thành nhà Mạc. Đây là thành nhà Mạc, khi thất trận ở thành Thăng Long, đã chạy lên vùng núi Cao Bằng, nhưng kinh đô thì ở tại vùng đất Tuyên Quang. Trước khi về Hà Nội, chúng tôi quyết về thăm di tích lịch sử cấp quốc gia là lán Nà Lừa, cây đa Tân Trào và đình Tân Trào và đoàn đã thực hiện được nguyện vọng của mình.

Từ Tuyên Quang về Tân Trào theo đường 2C, khi đến địa phận Tân Trào, phía phải đường 2C, có bảng chỉ dẫn, rẽ phải 17km là tới khu di tích Cây đa Tân Trào. Cổng chào của khu du lịch về nguồn đề mấy chữ: “Kính chào quý khách về thăm khu du lịch Tân Trào”. Đoàn cử đại biểu vào phòng

(1) Khoảng năm 1939 đến 1940.

đón tiếp mua vé tham quan. Một tiếp viên giới thiệu đoàn được tham quan ba địa điểm từ xa đến gần.

Đoàn tham quan lán Nà Nưa (còn gọi là lán Nà Lừa) hướng dẫn viên đưa đoàn vào thăm lán Nà Lừa, nơi từ năm 1943, Bác Hồ đã về đây hoạt động. Từ trạm đón tiếp, đoàn đi bộ hơn 1.000m thì đến chân núi, sau đó leo dốc lên chỗ Bác ở và làm việc trên 300 bậc thang. Trước lán nơi Bác ở và làm việc có khu bàn đá để Bác ngồi và làm việc như bàn ghế thiên nhiên ban tặng cho bậc vĩ nhân như Bác. Lán ở gần suối để Bác lấy nước ăn và tắm giặt. Qua lời kể của cán bộ quản lý di tích, trong thời gian Bác ở lán Nà Lừa, Bác bị bệnh rất nặng tưởng như không qua khỏi. Các cán bộ ở bên Bác và bà con ở đây rất lo lắng cho Bác. May thay, khi đó có một thầy lang từ nơi khác đi qua đây. Bà con báo tin cho thầy biết, “có một ông kè” mà bà con rất quý mến bị bệnh rất nặng, đe dọa đến sự sống. Ông thầy được bà con đưa vào thăm bệnh cho Bác. Sau đó, ông thầy lên rừng hái một nắm lá thuốc và một trái cây rừng mà ông gọi là thuốc chữa bệnh cho Bác. Lá cây thì sắc thuốc để Bác uống, còn trái cây thì thái ra nấu cháo để cho Bác ăn. Người săn sóc Bác phải bón cho Bác từng thìa nhỏ một. Thật mầu nhiệm, loại thuốc của ông thầy lang người dân tộc như một liều thuốc tiên, đã giúp Bác vượt qua hoạn nạn, sức khỏe Bác tốt dần lên.

Lúc này, thời cơ trong nước và quốc tế thuận lợi để cuộc tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám năm 1945 thắng lợi.

Đoàn tiếp tục tham quan đình Tân Trào. Đình Tân Trào ở thôn Tân Lập, xã Tân Trào, huyện Sơn Dương là nơi Bác và Trung ương Đảng chọn làm nơi họp Quốc dân Đại

hội. Dưới mái đình này, sáng ngày 17/8/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc lời tuyên thệ trong lễ ra mắt quốc dân.

Năm 1967, Bác Hồ có về Tuyên Quang và thăm lại lán Nà Lừa. Trong chuyến đi này, Bác có chỉ đạo tỉnh Tuyên Quang nên xây hồ ở suối Nà Lừa để dân có nước sản xuất lúa gạo và nước dùng. Sau hai năm ngày Bác mất, tỉnh Tuyên Quang đã xây được hồ Nà Lừa, đường vào lán Nà Lừa phải đi qua cầu bê tông trên đập hồ Nà Lừa.

Cách đình Tân Trào khoảng 500m về phía Đông là Cây đa Tân Trào. Dưới bóng cây đa Tân Trào, chiều 16/8/1945, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã đọc bản Quân lệnh số 1, phát động cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Đây cũng là nơi huấn luyện lực lượng vũ trang, hội quân, mít tinh, vui chơi văn nghệ ngoài trời. Hiện bóng cây đã mất, chỉ còn phần gốc đa khá to. Khu bảo tàng Tân Trào đã trồng cây đa nhỏ bên cạnh gốc cây đa cổ thụ xưa, về sau sẽ thay thế cây đa Tân Trào năm xưa đã đi vào lịch sử của dân tộc ta ở vùng đất Tuyên Quang.







Tiếng lòng tôi với quê hương



TIẾNG LÒNG TÔI VỚI QUÊ HƯƠNG

Thơ tôi - tiếng của lòng tôi
Chở yêu thương với buồn vui cuộc đời
Những năm đất nước cất rời
Đêm Nam, ngày Bắc bồi bồi nhớ mong

Từ trong sâu thẳm cõi lòng
Giữ bao kỷ niệm sống cùng thời gian
Bàn chân xuống biển, lên ngàn
Mỗi miền đất nước muôn vàn mến yêu

Trải bao bom đạn, hiểm nghèo
Vần thơ - nhật ký, bấy nhiêu ân tình?
Một thời vì nước hy sinh
Nôm na với tấm lòng thành - kính dâng...

KỶ NIỆM VỚI BA

Rừng Bà Xuân ngày ấy
Ba tiễn con lên đường
Bóng ba như bóng núi
In dáng hình quê hương...

Ba cố ghìm xúc động
Căn dặn con nhiều điều
Tình ba như biển rộng
Vỗ về con thương yêu!

Con nhìn ba thương quá
Mái tóc pha sương chiều
Ba đi làm cách mạng
Vượt qua bao hiểm nghèo...

Tấm chăn đơn xẻ nửa
Con xếp làm hành trang
Cuộc đời con từ đó
Mang tình ba lên đường...

NHẬN TIN BA HY SINH

Đang náo nức vui xuân cùng đồng đội
Bỗng bàng hoàng chết lặng chiều nay
Một tin buồn như sét đánh ngang tai:
- “Ba đã hy sinh trong trận càn của giặc!”

Trái tim con từng cơn quặn thắt
Nước mắt tuôn, môi mím chặt cắn thù
Hình ảnh người cha anh dũng, nhân từ
Như lửa cháy sáng bùng trong ký ức
Nhớ tuổi thơ ba ân cần chăm sóc
Dạy con kết điều, lựa gió thả điều lên
Những đêm hè ba kể chuyện thần tiên
Dành cho con trái vườn nhà ngon nhất...
Nhớ thuở cùng ba dưới mái nhà rách nát
Ba dạy con lễ sống làm người:
“Hãy hiền ngang bước dưới mặt trời”
Người đã tặng con một cuộc đời đẹp nhất
Đường cách mạng kiên cường bất khuất
Vượt mọi hiểm nguy, bất chấp tù đầy
Lòng vững tin vào thắng lợi ngày mai
Thắp sáng trong con niềm khát vọng...

Vì lý tưởng của ba, con đã sống
Như lúc nào ba cũng ở bên con
Bao tháng ngày một dạ sắt son
Rằng ba sẽ cùng con đi tới đích.

Nào hay biết dã tâm kẻ địch
Cướp mất đời ba trên bến quê nhà
Từ nay, chúng con chẳng còn ba
Người đồng chí thân thương gần gũi nhất

Ôi! Chiều nay mình con trên xứ Bắc
Khóc người cha đã anh dũng hy sinh
Trong đau thương, con đã chọn cho mình
Ngày trở lại trả thù nhà nợ nước
Ba hãy yên lòng, có con đang tiếp bước
Trên con đường giải phóng quê hương...

MÁ TIỀN CON ĐI TẬP KẾT

Con nhớ mãi buổi chiều năm ấy
Má sụt sùi khóc tiễn con đi xa
Qua nhà bác Út Thôi, Điều Hòa
Nhập vào đoàn quân lên đường ra Bắc

Ngắm nhìn má lòng con thổn thức
Thương má một đời dài nắng, dầm sương
Bàn chân mài khắp đất quê hương
Thầm lặng nuôi ba đi làm cánh mạng.

Trải nhiều phen ngút trời bom đạn
Bao đêm chong bóng thức canh hầm
Ba bị giặc bắt tù xa xứ
Má lo buồn lặn lội tìm thăm
Vai gầy gánh giang sơn nhà chồng
Nuôi con lớn gửi đi giải phóng...

Như chiều nay dưới trời cao lộng
Tiễn con đi xa lòng má trĩu buồn
Má dặn con: “Ra miền Bắc hậu phương
Ráng học tập luyện rèn cho giỏi
Mai một trở về xây dựng quê hương...”
Thương má quá, con nuốt từng lời dặn
Ôi! Mẹ hiền - hình ảnh quê hương!

Ở THÀNH NAM, NHỚ BA

Trước khi tôi cất tiếng chào đời
Ba tôi đã là người Cộng sản⁽¹⁾
Người hiền ngang coi thường bản án
Nhận tội mình là “Yêu nước thương dân”
Tự nguyện xin vào Đảng Cộng sản quang vinh
Bị giặc bắt giam: Côn Lôn, Bà Rá...
Nguyện chiến đấu cho ước mơ cao cả
Bất chấp gông xiềng, đòn vọt, khảo tra...

Năm bốn mươi (1940) Khởi nghĩa Nam Kỳ
Bao chiến sĩ đầu rơi máu chảy
Chí giải phóng ngút trời lửa cháy
Thê đập tan bao xiềng xích, tù đầy
Sống giữa đồng bào như chim giữa rừng cây
Lòng yêu nước chở che người Cộng sản
Gió núi, mưa rừng, gian nguy không nản
Góp sức làm nên một Nam Bộ - thành đồng
Có ba tôi - một chiến sĩ kiên cường
Cùng dân tộc viết nên trang sử mới

(1) Ba tôi: Chiến sĩ Cách mạng Huỳnh Văn Lũy, hoạt động cách mạng tại quê hương và vùng Chiến khu Đ, đã anh dũng hy sinh năm 1956.

Chào Cách mạng mùa Thu - cờ đỏ bay chói lọi
Đã khai sinh nền Dân chủ Cộng hòa!

...

Một nửa non sông đã thuộc về ta
Nửa còn lại tung bay cờ giải phóng
Tôi mơ thấy dáng ba tôi lồng lộng
Trên khắp núi rừng đồng ruộng quê hương

Tôi ước ao sẽ chóng được lên đường
Về sát cánh cùng ba và đồng đội
Dù có hy sinh cũng quyết tâm giành lại
Độc lập tự do và Tổ quốc vẹn toàn...

Tháng ngày sống giữa thành Nam
Lòng con nhớ thương ba khôn xiết
Xin gửi quê hương vần thơ con viết
Cầu chúc cho ba chân cứng đá mềm...!

Nam Định, 1958

BỨC ẢNH GIA ĐÌNH

Mỗi khi xem bức ảnh gia đình⁽¹⁾
Lòng tôi như ánh lửa lung linh
Nâng bức ảnh, áp lên lồng ngực
Thấy cả quê hương, nặng nghĩa tình

Người trong bức ảnh đôi nhìn tôi
Bà nội già thương tóc bạc rồi
Em Hải nghiêng đầu nương bóng má
Em Lài bên nội, miệng cười tươi

Ba tôi dáng thẳng nhìn xa rộng
Tôi tựa vào ba vẻ tự hào
Đầu đội ca lô xanh sắc nắng
Cả nhà trông mới đẹp làm sao!

Bức ảnh theo tôi ra chiến trường
Mỗi lần xem ngấm, dội tình thương
Vọng lời ba má thăm căn dặn
Tiếp sức tôi qua mỗi chặng đường...

(1) Bức ảnh gia đình chụp ở Chiến khu Đ, tác giả luôn mang bên mình như kỷ vật thiêng liêng nhất.

GẶP BẠN

*(Kỷ niệm gặp mặt Học sinh miền Nam
trên đất Bắc 1954-1975)*

Bạn tôi, tuổi nhỏ hôm qua
Giờ đây sao đã hóa ra cụ già?
Cụ ông cho đến cụ bà
Say sưa ca múa như là thơ ngây
Những ngày thơ ấu trước đây
Yêu thương nồng ấm, tình đầy mến thương
Hôm qua cùng học một trường
Miền Nam yêu quý vấn vương, mặn nồng
Yêu thương ta để trong lòng
Tình yêu thuở ấy trắng trong như là
Thật xinh như một bông hoa
Mãi là kỷ niệm trong ta ngày nào
Đẹp như một giấc chiêm bao
Sao mà lưu luyến, sao mà tri ân
Lòng đau như đã khóc thầm
Thương thầy, cô, chú tháng năm dạy mình

Sáng như ánh điện lung linh
Ấy là nghĩa cử, ân tình nước non
Dạy ta như dạy đứa con
Để con được học để còn đấu tranh
Một mai ta đã thành danh
Góp công góp sức để dành giang sơn
Trong lòng, ta vẫn biết ơn
“Bác, Đảng, miền Bắc” dạy ta thành người.

28/7/2012

THĂM LẠI TRƯỜNG XƯA

*(Kỷ niệm ngày thăm lại Trường Học sinh
miền Nam số 1 Đông Triều⁽¹⁾ 15/11/2004)*

Năm mươi năm mới gặp lại nhau
Lòng ta luống những dạt dào yêu thương
Hôm nay thăm lại mái trường
Bao năm xa cách, lên đường dựng xây
Quê hương xa thăm trời mây
Giờ đây nhớ lại những ngày gian lao
Lòng ta vẫn thấy tự hào
Đã được Bác, Đảng đồng bào cứu mang
Nuôi ta khôn lớn thành người
Để ta góp sức dựng xây nước nhà
Nay về ta lại gặp ta
Lòng ta thổn thức, hương hoa đầu đời
Niềm riêng khó nói nên lời
Phải chăng gặp lại cho vơi nỗi lòng?
Chờ mong, ta vẫn chờ mong
Gặp người bạn cũ, tình nồng năm xưa.

(1) Trường Học sinh miền Nam số 1, Đông Triều là một trong những Trường Học sinh miền Nam trên đất Bắc dành cho thanh thiếu nhi miền Nam là con em cán bộ, bộ đội chọn gửi ra để học tập chuẩn bị cho cách mạng miền Nam và xây dựng đất nước sau này.

BỒI HỒI NHỚ BẠN NGÀY XƯA

*(Kỷ niệm 50 năm Trường Học sinh miền Nam
trên đất Bắc)*

Nay về thăm lại Hải Phòng
Đất cảng, yêu dấu mặn nồng yêu thương
Đâu rồi! Bao mái trường xưa?
Bạn ấu thơ, thầy cũ bây giờ nơi đâu?
Tóc xanh, giờ đã bạc đầu!
Bồi hồi nhớ lại, những ngày năm xưa
Thầy cô dạy bảo chúng tôi học hành
Trường xưa những mái nhà tranh
Chúng tôi đã được học hành chăm ngoan
Ngày mai đời sẽ sang trang
Chúng tôi thành đạt lên đường về Nam
Giờ đây, nhớ lại những ngày qua
Các thầy, cô bác ruột rà thân thương
Trường xưa, về lại mái trường xưa
Bồi hồi nhớ “Bác” giao thừa chúc xuân.

Tháng 11/2004

HỘI NGỘ

*(Thân tặng các thầy cô, các bạn Học sinh miền Nam
nhân dịp lễ Kỷ niệm 55 năm Trường Học sinh
miền Nam trên đất Bắc 16/12/2009)*

Bây giờ gặp lại nhau đây
Lòng ta nhớ lại những ngày đã qua
Xa gia đình nhớ má, ba
Quê hương cách trở phương xa ngút ngàn
Quân thù gây cảnh tóc tang
Chúng lê máy chém khắp miền Nam
Đàn áp chém giết dã man vô cùng
Những người kháng chiến kiên trung
Kiên quyết chiến đấu cùng vì quê hương
Thương ba má mỗi chiến trường
Cố gắng học tập, xây quê hương sau này
Chúng ta là những học sinh
Sớm hôm đèn sách vì tình nước non
Đá mòn nhưng dạ chẳng sờn
Mai ngày thành đạt, rửa hờn cho dân
Chiến trường thì phải xả thân
Nước nhà độc lập muôn phần đẹp hơn

Năm mươi lăm năm gặp (lại) nhau
Mỗi người cảm thấy xiết bao vui vầy
Gặp cô bác, các cô thầy
Săn sóc, dạy dỗ những ngày năm xưa
Thầy trò đều sỏi sỏi trưa
Để ta thành đạt như ngày hôm nay
Những cô gái, những chàng trai
Quyết tâm học tập (vì) tương lai nước nhà
Nước mình rồi sẽ thắng hoa
Mừng ngày gặp lại má ba thỏa lòng
Quê hương ba má chờ trông
Miền Nam giải phóng cờ hồng tung bay.

TÌNH ĐỒNG ĐỘI

Các anh, những chàng lính cũ
Còn chúng tôi, chiến sĩ tân binh
Gặp nhau dưới một mái đình⁽¹⁾
Chưa quen mặt, đã chung tình quê hương

Hôm qua từ giã mái trường
Cùng nhau nhịp bước lên đường về đây⁽²⁾
Thao trường luyện tập hăng say
Chung nhau gian khổ, chung ngày nắng mưa
Dù nắng cháy da
Mưa sa rát mặt
Nhưng ý chí căm thù quân giặc
Cất thân mình Tổ quốc làm hai
Chúng lê máy chém khắp nơi
Đàn áp đồng bào - những người kháng chiến...

(1) Đình Hoàng Mai, Hà Nội, buổi đầu tiên nhập ngũ.

(2) C40, thuộc Sư đoàn 330, đóng quân tại Tây Hồ, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Ta biết rõ đường ta đi phải đến
Nên sớm khuya hăng hái luyện rèn
Mồ hôi đổ thao trường xao xát
Để chiến trường bớt đổ máu anh em
Lính cũ mới đều là đồng đội
Dắt dìu nhau nuôi dưỡng chí bền
Sẽ nhíp bước trong đoàn quân giải phóng
Quét sạch quân thù cho đất nước bình yên...

TIẾNG GỌI QUÊ HƯƠNG

*(Trên miền Bắc, nghe lời kêu gọi của Mặt trận
dân tộc Giải phóng miền Nam)*

Bốn ngàn ngày sống trên đất Bắc
Không đêm nào không nhớ quê hương
Thương mẹ hiền dãi nắng, dầm sương
Tần tảo nuôi chồng, con đánh giặc

Thương người cha kiên cường bất khuất
Anh dũng hy sinh trên vùng đất Chiến khu
Bao chiến sĩ hiên ngang trước kẻ thù
Hào khí “Miền Đông gian lao mà anh dũng”

Ôi! Sáng nay, nghe từ Đài Phát thanh Giải phóng
Tiếng quê hương vang vọng khắp non sông
Như biển dâng trào, cuộn sóng
Cửu Long rung chuyển Trường Sơn ào ào bão nổi

Ta bỗng thấy như mình có lỗi
Lòng nôn nao mong sớm được trở về
Cùng anh em trả nợ nước thù nhà
Đi giữa quê hương, tung bay cờ giải phóng

Hai tiếng miền Nam đêm ngày vang vọng
Rộn rã tim ta như trống giục lên đường
Đồng đội hện nhau, sẵn sàng đợi lệnh
Cùng trở về giải phóng quê hương.

Ngày 03/04/1965

NHỚ CHIẾN KHU Đ

Nơi một thời cùng chung ấm lạnh
Kỷ niệm ngày qua bùng dậy trong tôi
Như thấy mây giông vẫn vũ bầu trời
Giặc đến đốt nhà, ra tay bắn giết
Máu lại đổ thấm sâu từng tấc đất
Và hờn căm như lửa cháy ngút trời!
Chiến khu Đ - căn cứ địa của lòng người
Bao lớp cha anh bền gan chống giặc
“Chiến khu Đ còn, Sài Gòn mất”
Lũ giặc nghe câu nói cũng kinh hoàng...

Hôm nay đây trên núi rừng Thanh Hóa
Lòng bồn chồn nhớ Chiến khu Đ
Bạt ngàn cây xanh, suối sâu, đường hiểm
Che chở quân ta, xuất quỷ nhập thần
Giặc đến đây chịu thảm bại bao lần
Càng thua đau càng điên cuồng giết chóc
Chúng rải bom xăng và phun thuốc độc...
Nhưng Chiến khu Đ vẫn gan góc kiên cường...

Làng quê tôi - Cù lao Bạch Đằng
Sông Đồng Nai mở vòng tay ôm chặt
Nơi lòng người thủy chung, son sắt
Dựng tiền đồn - cửa ngõ Chiến khu Đ
Đêm mơ trở về sống giữa Chiến khu
Sát cánh cùng cha anh chiến đấu.

Thanh Hóa, 1956

PHÚT CHIA TAY

(Ngày xa vợ con lên đường ra chiến trường)

... Nhớ hoài giây phút tiễn anh đi
Em bật khóc nước mắt rơi lã chã
Thằng cu Tiến - con trai cứng bé nhỏ
Cũng nghẹn ngào, phụng phịu gọi: “Ba ơi!”
Anh nghe trong lòng nước mắt tuôn rơi
Mãi nhìn con thơ cùng cha già, mẹ yếu
Giây phút ấy làm anh chột hiểu
Anh đi rồi gia cảnh sẽ bơ vơ...
Xóm giềng thương, em có thể nương nhờ
Lúc đau yếu, khi tắt đèn tối lửa
Anh phải đi, không chần chừ thêm nữa

Khi “Tiếng quê hương nức nở gọi ta về”⁽¹⁾
Anh và em đã chung một câu thề
Nước còn giặc, anh phải ra tiền tuyến
Em ở lại ráng lo tròn mọi chuyện
Vất vả gian nan, xin chớ quản gì
Và hãy tin: “Đợi anh, anh sẽ về...”⁽²⁾
Ngày giải phóng sẽ không còn xa nữa

(1) Thơ Lê Anh Xuân

(2) Lời bài thơ *Đợi anh về* của nhà thơ Nga K. Simonov (Tố Hữu dịch).

Dù hôm nay đường ra tuyến lửa
Bom đạn quân thù đánh chặn ngày đêm
Cả đoàn quân đang rầm rập xông lên
Thề quyết tử - trận cuối cùng quyết thắng!
Cho ngày mai con ta khôn lớn
Được sống yên vui trên đất nước hòa bình...

Chào hậu phương sâu nặng, nghĩa tình
Em ở lại nuôi con và chờ đợi
Vững niềm tin vào ngày mai thắng lợi
Anh sẽ về trong khúc khải hoàn ca...

Nam Hà, ngày 21/01/1975

TRÊN ĐƯỜNG HÀNH QUÂN

Ta lại hành quân ra chiến trường
Xin chào miền Bắc - hậu phương
Chào quê hương, bạn bè đồng đội
Xa vợ hiền và con nhỏ yêu thương!

Ôi! Gian nguy đường ra chiến trận
Đèo cao, vực sâu, nắng núi mưa ngàn
Súng đạn, hành trang đè nặng
Bom đạn quân thù như mưa trút từng cơn...

Quân đi qua từng chặng đường Trường Sơn
Đưa ta về gần quê hương một chút
Qua những cánh rừng dày hun hút
Ngõ đã về với rừng Chiến khu xưa.
Những bữa cơm chan đầm nước mưa
Cơn sốt rừng, chia tay đồng đội
Vai bầm tím, bàn chân buốt nhói
Lòng vững tin vào thắng lợi ngày mai...

Hành quân ròng rã mấy tháng trời
Miền Nam gọi ta mau về tới đích
Xưa vượt biển trên đường đi tập kết
Nay vượt Trường Sơn về giải phóng quê hương!

Trường Sơn, ngày 05/02/1975

GIỮA CHIẾN TRƯỜNG, NHỚ VỢ CON

(Thương tặng vợ cùng hai con)

Ước gì ép được không gian
Hai phương dồn lại tấc gang gần kề
Cho trong giây phút ta về
Bên vợ con được trọn bề yêu thương?

Nhưng ta đang ở chiến trường
Đạn bom ác liệt, khôn lường hiểm nguy
Ngày mai... có thuận đường về
Ngày mai... ai biết chuyện gì xảy ra?

Quê nhà em vẫn chờ ta
Hai con Tiến, Thủy mong ba từng ngày
Ước gì chấp cánh cao bay
Chỉ trong thoáng chốc về ngay sân nhà
Vợ con mừng rỡ ùa ra
Mừng mừng, tủi tủi... làm ta thần thờ...

Thương em mòn mỏi đợi chờ
Bao đêm thảng thốt, ngày giờ chia phôi
Nhớ chiều Vụ Bản, ga Gôi
Tiễn tôi, em khóc, làm tôi sụt sùi
Thương con còn tuổi đưa nôi
Lo mùa trở rét, lo trời heo may...

Giữa rừng, ngồi ước ngày mai
Ngày mai hết giặc, tương lai huy hoàng
Ẩn về trong ánh hào quang
Gia đình sum họp, Bắc - Nam một nhà
Ngày vui khúc khải hoàn ca
Thương em bù lại cách xa, đợi chờ...

Rừng Chiến khu Đ, 17/3/1975

VỀ QUÊ VỚI MẸ⁽¹⁾

*(Kỷ niệm ngày trở về quê hương
sau hơn 20 năm xa cách)*

Quê tôi xứ ấy, bên kia sông
Tôi đã về đây dưới nắng hồng
Đội ðò sang đón về bên ấy
Mẹ già mòn mỏi đợi chờ mong

Con đã về đây với mẹ, mẹ ơi!
Con mẹ ôm nhau nước mắt rơi
Bao năm xa cách và li biệt
Buồn vui, tủi tủi không nói nên lời!

Nhớ lúc con xa mẹ, tuổi thiếu niên
Bắc - Nam xa cách bởi 2 miền
Miền Nam máu lửa và tranh đấu
Miền Bắc hậu phương học hành siêng

Con đã thực hành ý nguyện ba
Cho dù con đã phải đi xa
Ra sức học hành để xây dựng⁽²⁾
Ngày mai, đất nước nở ngàn hoa.

(1) Năm 1975.

(2) Tác giả đã học tập để trở thành kỹ sư Thủy lợi để góp phần xây dựng đất nước.

NGÀY SUM HỌP

Sự thật là đây vẫn ngõ ngang
Đúng rồi, lịch sử đã sang trang
Giặc tan, đất nước mừng sum họp
Ta giữa nhà ta giữa xóm làng...

Khách đến đông vui, chuyện hỏi dồn
Chuyện ngày xa cách, chuyện nước non
Chuyện sống học hành trên đất Bắc
Tình bạn, tình yêu... chuyện vợ con

Câu chuyện về ba thêm xúc động
Mỗi lời như khắc họa vào tim
Chuyện má một mình trong lửa đạn
Làm lưng nuôi nhà, dạy dỗ em

Và bao câu chuyện thời tranh đấu
Đồng đội ba ai mất ai còn
Ai nản chí, gian nan lùi bước
Ai kiên cường giữ trọn lòng son...?

Hãy chúc mừng nhau chén rượu đầy
Vui mừng sum họp buổi hôm nay
Ba mươi năm mịt mùng bom đạn
Mà tới bây giờ mới thấy đây

Vui quá em ơi ngày toàn thắng
Anh sẽ ra quê đón em vào
Mừng vui cho bố ngày xa cách
Cho hả lòng ta những ước ao...

VẦN THƠ DÂNG BÀ

(Kính dâng hương hồn bà nội - Mẹ Việt Nam Anh hùng)

Bà tôi - má của ba tôi
Một đời chất giọt mồ hôi cấy trồng
Vai gầy chai với gánh gồng
Âm thầm lam lũ thay chồng nuôi con
Khói nhang một tấm lòng son
Đêm ngày cầu nguyện cho con an lành

Khuyên con bền chí đấu tranh
Đuổi quân xâm lược quyết giành tự do
Chiến trường ác liệt, cam go
Lòng bà như lửa cháy qua đêm trường
Đâu ngờ chịu cảnh đau thương
Con hy sinh giữa quê hương anh hùng

Nỗi đau như cắt xé lòng
Cẩn rằng bà nhủ: đau chung giống nòi
Một mình chạy ngược lo xuôi
Dạy con, nuôi cháu thành người giỏi giang
Tiễn con, đưa cháu lên đường
Bà như nguồn cội yêu thương dặn dò

Ngày mừng độc lập tự do
Cháu con kết vạt nhành hoa tặng bà...

THƠ TẶNG VỢ

Vợ tôi cô giáo, dạy phổ thông
Bao năm nồng thắm, một tấm lòng
Tình Nam - nghĩa Bắc, mà sâu nặng
Dạt dào tình nghĩa, vẫn mênh mông

Vượt bao gian khó, và cách xa
Anh đi chiến đấu, con xa ba
Mình em nuôi dạy con thơ ấu
Hẹn ngày đoàn tụ, sẽ không xa!

Giải phóng, đoàn viên đã đến rồi
Qua cơn bĩ cực dạ bồi hồi
Chiến tranh, máu lửa tình li biệt
Viết tiếp đoàn viên, khúc vãn hồi

Dạy con bước tiếp và dựng xây
Hiến dâng sự nghiệp đất nước này
Đất nước cha ông luôn gìn giữ
Gia đình ta, đoàn tụ sum vầy.

VỀ THĂM CHIẾN KHU XƯA

*(Dự cầu truyền hình Khu lưu niệm an ninh (bảo vệ)
Trung ương Cục miền Nam ở Tây Ninh)*

Nay về thăm lại Chiến khu
Bồi hồi nhớ lại mùa thu năm nào
Bùi ngùi ruột thắt lòng đau
Máu xương đồng đội còn vương nơi này
Thấm vào ngọn cỏ rừng cây
Để giành độc lập dựng xây nước nhà

Giờ đây đất nước thắng hoa
Để cho con cháu, nhà nhà ấm êm
Đêm nằm mắc võng Tân Biên
Để lòng hồi tưởng chiến trường liệt oanh.

26/7/2012

THƠ GỬI BÁC HẠNH Ở HẢI PHÒNG

Thơ bác gửi từ thành phố cảng
Gọi lại trong tôi bao kỷ niệm xưa
Những đứa con của miền Nam tập kết
Bao đêm thao thức nhớ quê nhà
Được gặp bác như một người cha
Chăm sóc ân cần, chí tình dạy bảo

Và biết bao tấm lòng thơm thảo
Vì miền Nam, vì những đứa con xa...

Thời gian như con tàu đi qua
Động lại trong tôi bao tình nghĩa bác
Giờ đây nước nhà thống nhất
Tôi ở Đồng Nai, nhớ bác Hải Phòng

Bên dòng sông êm đềm xanh trong
Nhớ phố biển sôi trào dậy sóng
Muốn nén không gian trời biển rộng
Để được gần kề bên bác đêm nay...

Đất nước mình đang từng ngày đổi thay
Nhà máy, công trường mọc lên như nấm
Rừng núi Trị An thành nguồn điện sáng
Điện sông Đà tỏa sáng tận Cà Mau
Đường thênh thang mở lối tới mạnh giàu
Bao mơ ước năm xưa đã thành hiện thực...
Dẫu cuộc sống còn bao điều day dứt
Bác cũng như tôi chưa thể bằng lòng
Và đêm nay tôi ngồi nhớ Hải Phòng
Hình ảnh bác như một lời khích lệ!

TÌM MỘ ANH TRONG RỪNG CHIẾN KHU Đ

(Tưởng nhớ anh Huỳnh Minh Khải)

...Qua Tân Uyên, Tân Lợi, Tân Thành
Xuyên rừng Chiến khu Đ mênh mông
Lần theo dấu tích thời chinh chiến
Chúng tôi đi tìm kiếm mộ anh...

Mấy chục năm trời sau chiến tranh
Lối mòn phủ kín thảm rừng xanh
Gió mưa san phẳng bao triền dốc
Khe suối năm xưa cũng đổi dòng...

Luôn rừng và tìm trong ký ức
Lần theo dấu vết thời đã xa
Nơi đâu là điểm quân ta đóng
Dòng suối còn soi bóng mái nhà...

Khu rừng xưa xảy ra trận chiến
Giặc rải bom xăng đốt trụi rồi
Đất hồi sinh chẳng còn nguyên vẹn
Tìm đâu cho thấy mộ anh tôi?

Cuốc xới, đào tìm đã mấy nơi
Đất cũng chung đau với dạ người
Nhiều phen tìm thấy bao đồng đội
Sao gọi tên anh chẳng đáp lời...

Rồi một ngày nước mắt tuôn rơi
Tìm được mộ anh đưa về quê mẹ
Trong khói nhang, có người ngồi kể
Câu chuyện về anh như một anh hùng...

MẢNH VƯỜN QUÊ

(Kính tặng má)

Tôi về thăm vườn quê
Đất bao đời truyền lại
Cỏ mọc đầy hoang dại
Mộ cha ông ủ buồn!

Cây má trồng cuối vườn
Vẫn thơm lòng hương bưởi
Hàng dừa xanh, rặng chuối
Soi bóng dòng Đồng Nai
Má đã gần trăm tuổi
Kể chuyện xưa ngậm ngùi

Mảnh vườn đầy kỷ niệm
Nước mắt - máu - mồ hôi
Bao lần quân giặc đến
Xăm dò hầm khắp nơi
Má ngồi trên đống lửa
Nghĩ cách sao cứu người

Thương bác Cao, bác Nghệ...⁽¹⁾

Hoạt động thường tới lui

Cả thôn cùng bám trụ

Nuôi cách mạng, nuôi đời

Trong đạn bom, nắng, lửa

Vườn nhà càng xanh tươi...

Mảnh vườn quê yêu dấu

Chiếc nôi tuổi thơ tôi

Thuở trèo cây hái trái

Rủ bạn bè tới chơi

Bày trò đánh trận giả

Thả điều lên khơi vui...

Tháng năm dài xa cách

Vườn quê - mảnh hồn người!

(1) Ngô Bá Cao, Huỳnh Văn Nghệ, những chiến sĩ hoạt động cách mạng tại miền Đông Nam Bộ.

CON VỀ THĂM MÁ

(Nhân ngày má mất 24/7/2012 âm lịch)

Chiều nay con về thăm má

Đến đầu nhà con gọi “má ơi!”

Đáp lời con là im lặng như tờ

Con kịp nhận ra rằng má đã đi xa

Bao vòng hoa của cô bác gần xa để tưởng niệm má

Con vẫn khắc ghi

Vòng hoa của nguyên Chủ tịch nước

Của Chủ tịch, Bí thư, các địa phương: TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước,...

Vòng hoa của các đơn vị vũ trang: Quân khu 7, của Sư đoàn 9 anh hùng, của anh hùng lực lượng vũ trang, bộ đội đặc công Quân khu 7

Vòng hoa của đại diện lực lượng vũ trang năm xưa,

Tại Chiến khu Đ: Trung đoàn 310, Trung đoàn 301⁽¹⁾, Tiểu đoàn 303 anh hùng

Con không thể quên: vòng hoa của vị chức sắc cấp cao các tôn giáo: đạo Phật, đạo Thiên Chúa giáo,...

Má ơi! Chín sáu năm cuộc đời má, thấm đẫm mồ hôi, nước mắt

(1) Trung đoàn 310 - Biên Hòa; Trung đoàn 301 - Thủ Dầu Một.

Để lo cho chồng và nuôi con đến tuổi trưởng thành
Lo cho chồng, nuôi con đánh giặc
Để góp phần giành lại độc lập cho nước nhà
Để nhân dân ta được áo ấm, cơm no, hạnh phúc
Bao vòng hoa thân tình ấy, là lời tiễn đưa thâm tình
Đối với má, người vợ Liệt sỹ - Huỳnh Văn Lũy
Khi ra đi về với cõi vĩnh hằng
Xin vĩnh biệt má - mẹ hiền vô cùng yêu thương.

Con của má.

18/11/2017

CON ĐƯỜNG MANG TÊN BA

*(Tuởng nhớ ba tôi -
Chiến sĩ cách mạng Huỳnh Văn Lũy)*

...Con đường mang tên ba
Bình dị giữa phố nhà bình dị
Con đi giữa đồng bào đồng chí
Bồi hồi như sắp được gặp ba!

Như gặp người vừa từ ngõ bước ra
Cùng đi với chú Cao, bác Nghệ⁽¹⁾
Nuôi chí lớn một thời trai trẻ:
“Đuổi giặc xâm lăng, giành lại nước non nhà...”

Khắp các nẻo đường ngang dọc quê ta
Ba đã từng qua những ngày lửa khói
Nơi Chiến khu Đ, mưa ngàn, nắng núi
Có ba đi trong đội ngũ điệp trùng...

(1) Ngô Bá Cao và Huỳnh Văn Nghệ, cùng hoạt động cách mạng với ba tôi.

Thoát khỏi ngục tù về giữa lòng dân
“Đường Cách mệnh” dựng cao trào tranh đấu⁽¹⁾
Giặc dã man dim dân trong lửa máu
Đã làm nên một Nam Bộ Thành Đồng⁽²⁾

Từ đất Thủ - Biên⁽³⁾ và khắp miền Đông
Lửa cách mạng âm thầm lan tỏa mãi
Đón mùa thu cả non sông vùng dậy
Rợp đất rợp sông, cờ đỏ sao vàng...

Đôi mắt ba khóc đồng chí bao lần
Lại rỏ lệ tiễn con đi tập kết
Giây phút ấy cha con mình đâu biết
Ngày con trở về ba đã hy sinh?

Mùa thu nay đất nước thật thanh bình
Bao đồng chí của ba hóa tên đường tên phố
Đi giữa quê hương rợp màu cờ đỏ
Con thầm gọi tên ba và tên những con đường...

(1) Tài liệu do Bác Hồ biên soạn để lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

(2) Khởi nghĩa Nam Kỳ xảy ra vào năm 1940 do những người Cộng sản lãnh đạo.

(3) Thuộc vùng đất Thủ Dầu Một (Bình Dương) và Biên Hòa, Đồng Nai ngày nay.

VIẾNG BẠN TRƯỜNG HỌC SINH MIỀN NAM

(Tặng Nguyễn Văn Tiên và gia đình)

Đến thăm bạn một chiều mưa
Đốt nhang tiễn biệt một chiều trưa
Chia li bằng hữu, lòng đau xót
Thâm tình bè bạn tựa duyên ưa.

15/7/2012

THẮM TÌNH VIỆT - LÀO

Tình nguyện quân, trên đất nước Lào
Sống bên nhau, gian khổ có nhau
Vì nền độc lập của mỗi nước
Là niềm hạnh phúc, luôn khát khao

Đón anh chiến sĩ Pathét Lào⁽¹⁾
Từ thuở hàn vi lúc gian lao
Hạt gạo chia đôi, tình huynh đệ
Vui buồn, hoạn nạn ta có nhau

Đường Trường Sơn, Đông nắng, Tây mưa
Ta đi đất bạn, lúc chiều trưa
Trên đường vạn dặm, thời chinh chiến
Ca khúc quân hành tựa duyên ưa

Đã qua rồi, lửa đạn chiến chinh
Ta bên nhau, thắm đậm nghĩa tình
Nay xây dựng lại, đời no ấm
Ấy tình nồng ấm, hai nước mình.

05/6/2015

(1) Tiểu đoàn 2, Pathét Lào ở nông trường Sao Vàng (Thanh Hóa) năm 1959.

HÀNH QUÂN TRÊN ĐẤT BẠN

Dốc Miếu, Khe Sanh đến Nam Lào
Con đường chinh chiến đến gian lao
Quân đi trùng điệp (ngày) đêm không dứt
Chiến thắng ngày mai sẽ đến mau

Hành quân ngày ấy, đoạn Khe Sanh
Xe băng qua suối, tuột dốc nhanh
Anh em quăng cát, tăng ma sát
Để xe thẳng tiến, khỏi hãm phanh

Đông Trường Sơn rét mướt, Tây Trường Sơn nắng trưa
Miền Nam thẳng tiến trời không mưa
Bụi tung mù cát, trời oi bức
Thức trắng đêm dài, trời sao thưa

Gặp em cô gái, đất Sầm Nưa
Trên đường hành quân, lúc giữa trưa
Hồn nhiên tươi trẻ, em cười khê
Sưởi ấm lòng chiến sĩ, qua Sầm Nưa

Con đường giải phóng, ta đã qua
Chắc hẳn, sẽ không còn bao xa
Lòng ta phơi phới vô tư quá
Ngày vui chiến thắng, gặp mẹ cha.

Kỷ niệm Đông Xuân 1974

**NHỮNG CHÀNG TRAI,
CÔ GÁI THỦY LỢI ĐỒNG NAI**

*(Mừng ngày thành lập Hội Thủy lợi Đồng Nai
08/03/2009)*

Gặp lại nhau trên mảnh đất Đồng Nai
Thuở còn cô gái với chàng trai
Ra đi hồ hởi và xây dựng
Cùng nhau hướng đến một tương lai

Đồng lúa quê ta một màu xanh
Xóm làng cô bác nhớ các anh
Chàng trai cô gái xây thủy lợi
Góp phần đất nước tiến lên nhanh.

05/3/2012

XÂY DỰNG THỦY LỢI VÙNG ĐẤT ÔNG KÈO

*(Kính tặng các đồng chí kỹ sư, cán bộ kỹ thuật,
công nhân xây dựng và quản lý khai thác công trình
Thủy lợi Ông Kèo, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai)*

Qua Vĩnh Thanh, Phú Hữu, Phú Đông
Đại Phước, Phước Khánh dân chờ mong
Điện, đường thẳng tắp xe bon chạy
Cuộc sống hồi sinh, nước mát trong

Đắp đê, xây cống ở vùng sâu
Rừng Sác, chua mặn đã bấy lâu
Nay được khai hoang thành đất mới
Người dân hưởng lợi ngõ mưa ngâu

Vùng đất hồi sinh mạch sống mới
Đất ấy, thân thương đất quê mình
Đã đổ máu xương để gìn giữ
Ý Đảng, lòng dân mãi nghĩa tình.

9/8/2012

NGÀY GẶP LẠI

*(Họp mặt các cựu chiến binh ngành
nông nghiệp Đồng Nai)*

Gặp lại các anh - người lính già
Nắng bụi thời gian, đã sạm da
Năm tháng qua đi thời chinh chiến
Trong ra cảm thấy vừa hôm qua

Tinh thần đồng đội mãi đậm đà
Tình người chiến sĩ vẫn thiết tha
Quên sao được bao lớp người yên nghỉ
Đốt nén hương lòng ở trong ta

Chiến tranh chiến sự đã lùi xa
Nay về xây lại quê hương ta
Tuổi già vui vẻ trong đoàn tụ
Hân hoan phấn khởi ta gặp ta.

8/10/1999

NGÀY GIỖ THỨ 43 CỦA BA TÔI

(Kính tặng má và Út Nhị)

Hôm nay ngày giỗ của ba
Bao người thân đồng chí thiết tha
Về đây tưởng niệm người nằm xuống
Để đất hồi sinh nở muôn hoa.

Đồng chí của ba những năm xưa
Chẳng quản đường xa, đội nắng mưa
Về đây, tưởng nhớ người đã khuất
Nghĩa tình đồng đội chiến trường xưa.

Hương thơm tỏa ngát tình xưa ấy
Lòng mẹ băng khuâng như vẫn thấy
Ba ở đâu đây cùng đồng đội
Trong lòng rộn rã ngập niềm vui

Ngày đi con trẻ tóc còn xanh
Nước nhà khói lửa thời chiến tranh
Nay về xây dựng quê hương cũ
Cuộc sống thanh bình như bức tranh.

Út Nhị năm ấy còn nằm nôi
Cam chịu khổ đau cảnh mồ côi
Nay đã trưởng thành người bác sĩ
Chữa trị dân lành lúc ốm đau
Đời vui, khúc hát ngọt ngào yêu thương.

Tháng 7/1999

MỪNG BA TRÒN TRĂM TUỔI

(1916 - 2016)

Bốn mươi năm chiến đấu đời ba
Luôn giữ bên mình chữ xông pha
Giành lại giang sơn cho con trẻ
Độc lập tự do cho nước nhà

Trăm năm sinh nhật cuộc đời ba
Trăm tuổi đời ba đã trải qua
Đã giành độc lập đời tươi sáng
Mãi ghi ơn, công đức người cha

Vì đất nước, chẳng tiếc máu xương
Cho đời nô lệ, vạn tình thương
Ba đã hiến thân cho dân tộc
Đòi lại công bằng, khắp bốn phương.

1/5/2016

THI TƯỚNG CỦA RỪNG XANH

(Tưởng niệm Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ tròn 100 tuổi)

Anh hùng chiến sĩ khu miền Đông
Đánh giặc từ thuở còn tay không
Đồng bào chiến sĩ luôn sát cánh
Từ giáo mác với gậy tầm vông

La Ngà, Bàu Cá, vang chiến công
Cả nước hân hoan thỏa tấm lòng
Miền Đông, vùng đất đầy kiêu hãnh
Cùng cả nước đánh giặc lập công

Tưởng niệm thi tướng tròn 100 năm
Nhớ thời đất nước còn tối tăm
Nay giành độc lập đời tươi sáng
Trong tôi sâu thẳm, mối tình thâm.

NHỚ TIỂU ĐOÀN 303 ANH HÙNG

*(Nhân Tiểu đoàn 303 được phong tặng
Anh hùng LLVTND)*

Anh hùng chiến sĩ Tiểu đoàn 303
Chiến công (ngày) ấy như vừa qua
Đất Cuốc, bến Chang Chang ngày ấy
Là niềm kiêu hãnh ở trong ta

Chiến tranh chiến sự, đã lùi xa
Ta tưởng như vừa mới hôm qua
Bồi hồi cảm xúc tình thân ái
Nay về, ta mới lại gặp ta

Đồng đội tôi, ai mất, ai còn?
Gia đình đã chờ đợi mỗi mòn
Đốt nén nhang thơm người nằm xuống
Để mọi người, vui hưởng vẹn tròn.

Biên Hòa, ngày 20/8/2015

ANH EM KẾT NGHĨA VƯỜN ĐÀO

*(Tặng anh Huỳnh Ngọc Ẩn, Biên Hòa - Đồng Nai,
sân bay Côn Đảo và sân bay Tân Sơn Nhất)*

Anh em kết nghĩa vườn đào
Hôm nay sum họp nghẹn ngào lâng lâng
Anh bảo, các em xin vâng
Tình sâu nghĩa nặng chín tầng mây bay
Chia tay tại cảng sân bay
Anh em sẽ có một ngày đoàn viên
Xa nhau ta có lời nguyện
Đến ngày gặp lại nên duyên tình đời
Xa anh, em có đôi lời
Chúc anh chị mãi tình đời đẹp sao
Trên đời ai đếm được sao?
Thỏa lòng mong ước thanh cao đợi chờ
Tình ta đẹp tựa trong mơ.

25/4/2017
Lê Xuân Dương

GẶP LẠI NHAU

*(Thân tặng em Trần Xuân Giai, Lê Xuân Dương;
trong ngày gặp lại trên đất Đồng Nai, Bình Dương
và Côn Đảo - Bà Rịa - Vũng Tàu)*

Bây giờ mới gặp lại nhau
Lòng ta vẫn thấy ngọt ngào như xưa
Khi nắng sớm, lúc chiều trưa
Trong ta như thấy mới vừa hôm qua

Nay về ta lại gặp ta
Anh em, tình nghĩa đậm đà tình thâm
Ra về lòng thấy lâng lâng
Hẹn ngày gặp lại muôn phần vui hơn.

15/4/2017

ĐƯA CON VỀ QUÊ⁽¹⁾

Dẫu biết rằng con phải đi xa
Để buồn đau lại cho mẹ cha
Nhưng không ngăn được dòng lệ chảy
Là điều đau xót của nhà ta.

Quê ba ôm ấp con dâu Hiền
Gia đình luôn nặng nỗi ưu phiền
Rằng con ngán số vì đau ốm
Là điều mất mát mối tình riêng

Con nằm bên cạnh thím với bà
Sau này sẽ đến mẹ với ba
Rồi đây phải đến ngày gặp gỡ
Phải đến ngày kia sẽ không xa.

24/3/2013

(1) Đưa dâu Hiền về quê Mỹ Quới - Bạch Đằng - Tân Uyên - Bình Dương sau ngày giỗ tổ Hùng Vương.

CHÁU ĐẠO ĐƯỜNG PHỐ

(Tặng cháu Huỳnh Minh Quân)

Cháu đi hè phố ngó nghiêng
Lúc đi, lúc chạy thật phiên lòng ông
Ông có nhiệm vụ ngó trông
Cháu mà té, ngã phiên lòng mẹ ba

Sự việc vừa mới hôm qua
Đầu cháu chảy máu như là thường xuyên
Đi đứng hay cứ ngó nghiêng
Phải chăng tìm hiểu lảng giềng bà con?
Cháu hay chạy nhảy lon ton
Nói năng phụng phịu véo von như là
“Chào bác, chào ông, chào bà”
Phải chăng, đây hẳn món quà yêu thương?

12/7/2011



Phần phụ lục



*Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy
Người con ưu tú của vùng đất Chiến khu D*

Đồng chí Huỳnh Văn Lũy sinh ngày 1/5/1916 tại xã Mỹ Quới, huyện Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa (nay là xã Bạch Đằng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương). Sinh ra và lớn lên trong một gia đình, một quê hương có truyền thống cách mạng bền hữu ngàn sông Đồng Nai - cái nôi của những tài năng như: Huỳnh Văn Nghệ, Lý Văn Sâm, Hoàng Văn Bồn, Nguyễn Văn Nghĩa, Bình Nguyên Lộc. Ông nội đồng chí là Huỳnh Hữu Phụng, từng tham gia nghĩa quân của Bình Tây đại nguyên soái Trương Định. Tiếp nối truyền thống gia đình, quê hương, đồng chí đã sớm giác ngộ, tham gia cách mạng với bí danh Dũng Tiến, hoạt động trong Mặt trận Dân chủ Đông Dương. Ngày 17/2/1936, đồng chí Huỳnh Văn Lũy vinh dự đứng vào hàng ngũ của Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Đồng chí còn là người đứng ra thành lập Chi bộ Đảng đầu tiên ở xã Mỹ Quới và sau đó là Bí thư Chi bộ.

Năm 1935, khi Chi bộ Đảng Bình Phước - Tân Triều được thành lập (là Chi bộ đầu tiên của tỉnh Biên Hòa cũ), đồng chí Huỳnh Văn Lũy là thanh niên hạt nhân của tổ

chức “Liên đoàn học sinh” hoạt động trong phong trào học sinh địa phương.

Những năm tháng hoạt động cách mạng, đồng chí Huỳnh Văn Lũy đã có nhiều thành tích, đóng góp rất lớn cho sự nghiệp gìn giữ, giành độc lập vĩ đại của quê hương, đất nước. Từ một học sinh yêu nước, đồng chí đã kêu gọi, giác ngộ theo lý tưởng cách mạng cho rất nhiều thanh niên tại địa phương. Tháng 9/1936, thực hiện chủ trương của Đảng là phát triển phong trào, vận động cách mạng, các đồng chí: Nguyễn Văn Nghĩa, Huỳnh Văn Lũy, Phạm Văn Khoai, Phạm Văn Thuận, Hồ Văn Đại... và một số đồng chí khác trong Chi bộ Bình Phước - Tân Triều thống nhất thành lập Ủy ban hành động tỉnh Biên Hòa do đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa làm Chủ tịch. Đồng chí Huỳnh Văn Lũy phụ trách khu vực Long Thành, đã cùng với các đồng chí trong Ủy ban hành động tổ chức nhiều cuộc mít tinh, đưa dân nguyện đòi giảm sưu thuế, đòi các quyền tự do, dân chủ.

Đặc biệt, trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ Đông Dương (1936-1939), đồng chí cũng đã tổ chức diễn thuyết, thành lập nhiều tổ chức Ái hữu ở quê nhà để đấu tranh cho dân sinh, dân chủ, tuyên truyền Chủ nghĩa Cộng sản, xây dựng và phát triển các chi bộ ở Long Thành, Xuân Lộc và Tân Uyên...

Từ năm 1940 đến 1945, một giai đoạn lịch sử có nhiều sự kiện trọng đại của đất nước, đồng chí Huỳnh Văn Lũy tham gia khởi nghĩa Nam Kỳ, bị bắt và bị giam cầm, tù đầy tại Bà Rá, Hớn Quản (nay thuộc tỉnh Bình Phước), Trảng Bàng (tỉnh Tây Ninh). Ra tù, đồng chí tiếp tục móc nối với các đảng viên khác tham gia Cách mạng tháng Tám năm

1945 tại Tân Uyên. Ngày 23/9/1945, tại Hội nghị cán bộ toàn tỉnh Biên Hòa tổ chức ở nhà Hội xã Bình Trước (TP. Biên Hòa) do đồng chí Hà Huy Giáp đại diện Xứ ủy Nam Kỳ chủ trì, đã bầu ra Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh. Hội nghị cũng thống nhất thành lập Mặt trận Việt Minh tỉnh do đồng chí Hồ Hòa làm Chủ nhiệm; đồng chí Huỳnh Văn Lũy là Phó chủ nhiệm phụ trách tổ chức Hội Nông dân Cứu quốc, xây dựng Ủy ban Mặt trận Việt Minh các cấp để tập hợp mọi tầng lớp nhân dân, huy động sức người sức của cho kháng chiến. Sau Hội nghị, đồng chí Hồ Hòa chuyển về hoạt động tại Bà Rịa và hy sinh vào đầu năm 1946. Đến tháng 11/1946, đồng chí làm Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh tỉnh Biên Hòa.

Tháng 7/1947, Hội nghị cán bộ Đảng toàn tỉnh lần II được triệu tập tại Mỹ Lộc (Tân Uyên) nhằm kiểm điểm phong trào kháng chiến ở địa phương, bàn việc chỉ đạo kháng chiến toàn dân, toàn diện ở giai đoạn tiếp theo. Tại Hội nghị này, đồng chí Nguyễn Văn Ký được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy, Huỳnh Văn Lũy được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy, đồng thời là Chủ nhiệm Mặt trận Kháng chiến đầu tiên của tỉnh Biên Hòa.

Dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh, phong trào kháng chiến của nhân dân Biên Hòa từng bước được phát triển: tổ chức Liên đoàn Cao su chống phá âm mưu bành trướng của thực dân, đồng bào dân tộc Choro ở Lâm San (huyện Cẩm Mỹ hiện nay) được vận động tổ chức hỗ trợ bộ đội vượt Sông Ray, Hội Phụ nữ Cứu quốc huyện Vĩnh Cửu hỗ trợ bộ đội đánh giặc trừ gian. Đặc biệt là phong trào bình dân học vụ, xóa mù chữ. Đồng bào Choro ấp Lý Lịch (huyện Vĩnh Cửu) không quên hình ảnh đồng chí Huỳnh

Văn Lũy - người cán bộ Mặt trận năng nổ, hết lòng vì nước, vì dân về làng, học tiếng của đồng bào, dạy đồng bào con chữ và cách làm ăn, tập hợp đồng bào dân tộc thiểu số thành khối đoàn kết dân tộc.

Từ năm 1948 đến tháng 5/1951, đồng chí Huỳnh Văn Lũy đã tập trung chỉ đạo thực hiện chủ trương sản xuất tự túc, đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất ở vùng căn cứ, chỉ đạo Ty Giáo dục Biên Hòa mở trường tiểu học ở Chiến khu, tiếp tục cùng Đảng bộ tỉnh Biên Hòa xây dựng và củng cố các lực lượng vũ trang, phát triển chiến tranh toàn dân khắp các xã trong tỉnh, mở nhiều trận đánh lớn làm phá sản âm mưu của địch.

Tháng 2/1950, thực hiện Sắc lệnh “Tổng động viên nhân lực, vật lực” cho kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Huỳnh Văn Lũy lại bận rộn với việc huy động các lực lượng thuộc khối Mặt trận và động viên các tầng lớp nhân dân đóng góp nhân lực, vật lực cho kháng chiến nhằm chiến thắng giặc Pháp và chống sự can thiệp của đế quốc Mỹ. Đặc biệt, trong trận bão lụt năm Nhâm Thìn 1952, đồng chí đã vận động nhân dân bị địch tạm chiếm, nông dân từ vùng ít bị thiên tai như Trảng Bom, Long Thành hàng chục gia lúa, hàng tấn giống khoai mì về vùng căn cứ Chiến khu Đ giúp cách mạng vượt qua khó khăn trong phong trào sản xuất tự túc để tiếp tục chiến đấu sau cơn bão lụt lịch sử đó. Đồng chí Huỳnh Văn Lũy cũng là người thầy, người đàn anh đào tạo các thế hệ lãnh đạo cách mạng để sau này họ tham gia trong cuộc chiến chống Mỹ như các đồng chí: Ngô Bá Cao, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa năm 1959; Phan Văn Trang, nguyên Bí thư Tỉnh ủy

Biên Hòa năm 1964; đồng chí Nguyễn Văn Luông, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Sông Bé... Cuộc đời của đồng chí Huỳnh Văn Lũy gắn liền với những cột mốc quan trọng của chiến trường cách mạng Thủ Biên, Chiến khu Đ.

Trong suốt 9 năm kháng chiến chống Pháp, với cương vị là Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh, đồng chí Huỳnh Văn Lũy đã cùng với quần dân Biên Hòa, Thủ Biên đoàn kết một lòng, vận động quần chúng nhân dân và các đoàn thể cứu quốc đóng góp sức người, sức của chiến đấu bảo vệ Chiến khu Đ, vận động tín đồ Phật giáo tham gia Mặt trận Việt Minh, lập quỹ cứu quốc ủng hộ kháng chiến đánh đuổi thực dân, bảo vệ và củng cố chính quyền cách mạng non trẻ ngày càng vững mạnh. Trong thời gian hoạt động cách mạng, đồng chí nhiều lần bị địch bắt, tra tấn dã man nhưng không hề khai báo, vẫn giữ vững khí tiết người Cộng sản.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định Genève được ký kết. Thực hiện Hiệp định, Tỉnh ủy Thủ Biên chủ trương vừa tổ chức chuyển quân tập kết, vừa thu xếp lực lượng cán bộ trung kiên ở lại bám dân hoạt động. Đồng chí Huỳnh Văn Lũy nằm trong đội hình ở lại, tiếp tục bám dân để xây dựng, củng cố phong trào cách mạng. Tháng 10/1954, Xứ ủy Nam Bộ được thành lập. Cũng thời gian này, liên Tỉnh ủy miền Đông ra đời. Cuối năm 1954, Xứ ủy Nam Bộ và liên Tỉnh ủy miền Đông quyết định lập lại 2 tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một cho phù hợp tình hình mới. Đồng chí Huỳnh Văn Lũy được giao nhiệm vụ Phó bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa. Đầu năm 1956, Tỉnh ủy Biên Hòa được kiện toàn, đồng chí Hoàng Tam Kỳ được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Huỳnh Văn Lũy tiếp tục làm Phó bí thư Tỉnh ủy cùng đồng chí Ngô Bá Cao.

Sau Hiệp định Genève, trong khi phần lớn cán bộ kháng chiến trước đây đều đi tập kết, chính quyền Ngô Đình Diệm ra sức khủng bố, càn quét, thực hiện nhiều âm mưu thâm độc để đàn áp, dập tắt phong trào cách mạng. Nhiều cơ sở Đảng bị phá vỡ, tình hình rất khó khăn, nhiệm vụ của những cán bộ kháng chiến ở lại càng nặng nề.

Năm 1956, đồng chí Huỳnh Văn Lũy bị giặc phục kích, hy sinh tại cù lao Mỹ Quới (Tân Uyên) ở tuổi vừa tròn 40.

Không chỉ đồng chí Huỳnh Văn Lũy, mà dòng họ Huỳnh của đồng chí ở xã Bạch Đằng cũng có nhiều đóng góp, hy sinh cho cách mạng. Mẹ ruột đồng chí là bà Võ Thị Ngô, mẹ vợ của đồng chí là bà Đồng Thị Hảo, vợ của đồng chí là bà Nguyễn Thị Du đều được Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Anh ruột đồng chí Huỳnh Văn Lũy là Huỳnh Hữu Ngôn cũng là Liệt sĩ, hy sinh năm 1946; con ruột của đồng chí là Huỳnh Văn Công cũng là Liệt sĩ hy sinh năm 1964 trong trận đánh vào Chi khu Tân Uyên.

21 năm hoạt động cách mạng, đồng chí Huỳnh Văn Lũy đã để lại những ấn tượng tốt đẹp trong đồng chí và đồng bào 2 tỉnh Bình Dương, Đồng Nai. Đồng chí là một trong những cán bộ chủ chốt, cánh chim đầu đàn của phong trào cách mạng vùng Đông Nam Bộ và Chiến khu Đ. Đồng chí đã được Đảng bộ, chính quyền và nhân dân hai tỉnh Đồng Nai và Bình Dương ghi nhận, tôn vinh. Để ghi nhớ công lao của người chiến sĩ cách mạng kiên trung trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, tên của Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy đã được đặt cho một xưởng in, một trường Đảng ở căn cứ kháng chiến. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, tên ông được đặt cho một con đường tại TP.Biên

Hòa, tỉnh Đồng Nai và trên mảnh đất Bạch Đằng nơi ông ngã xuống cũng có một ngôi trường mang tên đồng chí Huỳnh Văn Lũy.

Học bổng Huỳnh Văn Lũy được thành lập từ năm 1990, do gia đình cùng các nhà hảo tâm và cựu học sinh Trường THCS Tân Uyên đóng góp. Hàng năm, vào dịp khai giảng và tổng kết năm học, quỹ học bổng này trao khoảng 60 - 70 suất học bổng cho học sinh nghèo hiếu học ở các trường: Huỳnh Văn Nghệ, Huỳnh Văn Lũy, Lê Thị Trung và THCS Thường Tân. Từ khi thành lập quỹ học bổng đến nay, đã có hàng ngàn suất học bổng đã được trao tặng và giúp học sinh nghèo vượt qua những khó khăn trong cuộc sống. Đã có nhiều học sinh nhận học bổng này trở thành những người thành đạt tiếp tục đóng góp công sức để xây dựng quê hương Bình Dương ngày càng giàu mạnh. Vào dịp Lễ, Tết, những người con, cháu của dòng họ Huỳnh Văn cũng tự nguyện đóng góp để tặng quà cho người nghèo, gia đình chính sách khó khăn ở quê nhà.

Tự hào truyền thống một gia đình có 3 Mẹ Việt Nam Anh hùng

Ở vùng đất giàu truyền thống cách mạng như Bạch Đằng, hầu hết các gia đình đều có người hy sinh xương máu cho công cuộc giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước. Gia đình ông Huỳnh Ngọc Ẩn (con trai Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy) là một trong những gia đình cách mạng tiêu biểu có ba Bà mẹ Việt Nam anh hùng và sáu Liệt sĩ, trong đó có một Liệt sĩ mà tên ông vinh dự được đặt tên trường, tên đường là Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy.

Bà nội của ông Huỳnh Ngọc Ẩn là mẹ Võ Thị Ngô (sinh năm 1881) được truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng. Hai người con duy nhất của mẹ là Huỳnh Hữu Ngôn (sinh năm 1912) và Huỳnh Văn Lũy (sinh năm 1916) đã hy sinh quên mình vì Tổ quốc. Ông Huỳnh Hữu Ngôn tham gia cách mạng khi còn là cậu thanh niên mười tám, đôi mươi. Trong trận càn của Pháp năm 1946, ông bị bắn chết.

Nỗi đau mất đi đứa con trai đầu chưa nguôi, mẹ tiếp tục nhận hung tin ông Huỳnh Văn Lũy hy sinh trên đường đi công tác ở xã Mỹ Quới, quận Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa (nay là xã Bạch Đằng, thành phố Tân Uyên).

Mẹ Đồng Thị Hảo (sinh năm 1883), bà ngoại của ông Huỳnh Ngọc Ẩn là một trong 398 mẹ được truy tặng danh hiệu cao quý Bà mẹ Việt Nam Anh hùng năm 2014. Mẹ đã viết tiếp trang sử truyền thống cách mạng của gia đình với hai người con là Liệt sĩ Nguyễn Văn Nho (sinh năm 1936) và Liệt sĩ Nguyễn Văn Sơn (sinh năm 1939). Liệt sĩ Nguyễn Văn Nho hy sinh năm 1963 tại Chiến khu Đ khi đang làm nhiệm vụ. Trong đợt tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 ở Sài Gòn, đồng chí Nguyễn Văn Sơn đã anh dũng hy sinh khi cùng đơn vị tiến công vào Đài Phát thanh Sài Gòn. Bao năm qua, gia đình đã tìm kiếm khắp nơi nhưng hài cốt của Liệt sĩ Nguyễn Văn Sơn vẫn còn nằm đâu đó chưa về được với người thân và đồng đội. Riêng hài cốt của Liệt sĩ Nguyễn Văn Nho đã được đồng đội và gia đình đưa về an táng tại Nghĩa trang Liệt sĩ thành phố Tân Uyên.

Không chỉ bà nội, bà ngoại mà mẹ của ông Huỳnh Ngọc Ẩn là mẹ Nguyễn Thị Du (Nguyễn Thị Hón) cũng vinh dự được Nhà nước tặng danh hiệu cao quý Bà mẹ Việt Nam Anh hùng. Chồng mẹ, Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy sinh ra trong gia đình có truyền thống cách mạng nên từ nhỏ đã là hạt nhân hoạt động phong trào học sinh địa phương trong tổ chức “Liên đoàn học sinh”. Ông còn là người đứng ra thành lập Chi bộ đầu tiên ở xã Mỹ Quới. Sau khi lập gia đình, ông vẫn tiếp tục con đường cách mạng đã chọn. Mẹ một vai gồng gánh nuôi sáu người con trưởng thành. Tiếp

nổi truyền thống cách mạng, các con trai mẹ đều xin được thoát ly vào rừng. Tiễn chồng, con lên đường, mẹ hy vọng đất nước mau chóng hòa bình để gia đình sum họp. Năm 1956, ngày nhận được giấy báo tử của chồng, mẹ khóc rất nhiều nhưng vẫn động viên các con bước tiếp con đường cha đang đi. Trong ba người con tham gia cách mạng, anh Huỳnh Văn Công đã hy sinh và mãi mãi “yên nghỉ” dưới lòng đất mẹ trong trận tấn công vào Chi khu quân sự quận Tân Uyên năm 1964.

Mẹ Du cũng thường nhắc nhở các con, với người phụ nữ, không có nỗi đau nào tột cùng bằng nỗi đau mất chồng, mất con, mất đi những người thân yêu nhất. Nhưng bản thân mẹ và hàng vạn người phụ nữ Việt Nam trong chiến tranh phải vượt qua mất mát để tự hào khi người thân của mình hy sinh vì nghĩa lớn, vì nền độc lập, tự do của dân tộc.

Tiếp nối truyền thống cách mạng của gia đình, nhớ ơn những người đã hy sinh cho Tổ quốc, các thế hệ con cháu dòng họ Huỳnh ở Bạch Đằng đều cố gắng học tập, làm việc tốt, sống có đạo đức. Hiện nay, hầu hết đều có công ăn việc làm ổn định. Riêng gia đình Liệt sĩ Huỳnh Hữu Ngôn có bốn người con, cháu đều chọn ngành y để cống hiến, trong đó có người cháu Huỳnh Văn Khải là bác sĩ - Liệt sĩ hy sinh năm 1967. Các con, cháu Liệt sĩ - bác sĩ Huỳnh Văn Khải đã giữ cương vị Giám đốc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai; trưởng, phó các khoa ở Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đồng Nai. Gia đình Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy có sáu người con, một người là Liệt sĩ Huỳnh Văn Công, năm người còn lại đều có cuộc sống ổn định. Ông Huỳnh Dũng Tiến, cháu đích tôn của Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy chia sẻ: trải qua hai cuộc chiến tranh, nỗi đau chia ly, mẹ mất con, vợ mất chồng đều gắn liền với

những người thân thiết trong gia đình của ông. Biến nỗi đau thành niềm tự hào, các thành viên trong gia đình đều tâm niệm, sự hy sinh của ông, bà là động lực để con cháu học tập, làm việc tốt giúp cho đời, cho xã hội, cộng đồng. Cháu nội của Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy mang tên Huỳnh Dũng Tiến - là bí danh của ông nội Huỳnh Văn Lũy khi hoạt động cách mạng.

Không chỉ giáo dục đạo đức, lối sống cho thế hệ con cháu, dòng họ Huỳnh tại xã Bạch Đằng còn xây dựng Quỹ học bổng Huỳnh Văn Lũy. Hơn 20 năm nay, hàng ngàn phần quà, suất học bổng đã được trao cho học sinh nghèo hiếu học, học sinh giỏi các trường ở Tân Uyên. Những hoạt động từ thiện xã hội đã tác động tích cực đến các thành viên trong gia đình. Thế hệ trước dạy cho thế hệ sau lòng biết ơn, sự quan tâm đối với những mảnh đời khó khăn hơn mình. Quan tâm để những người khó khăn phát triển vươn lên làm giàu cho quê hương đất nước là niềm vui, là hạnh phúc của gia đình Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy.

Ngày này nhớ người đi trước

Đồng chí Huỳnh Văn Lũy sinh năm 1916 trong một gia đình nông dân có truyền thống yêu nước ở ven sông Đồng Nai, nay thuộc xã Bạch Đằng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Ông nội của đồng chí - Huỳnh Hữu Phụng là “chiến sĩ Cần Giuộc” - nghĩa quân của Trương Công Định.

Sớm giác ngộ cách mạng, năm 19 tuổi, đồng chí Huỳnh Văn Lũy đã là đảng viên Đảng Cộng sản. Trong đấu tranh chống thực dân Pháp, điều kiện hoạt động cách mạng vô cùng khó khăn gian khổ: khi bí mật, lúc công khai, đồng chí đã bị địch bắt, tù đầy nhiều nơi như: Côn Đảo, Trảng Bàng, Hớn Quản... nhưng đồng chí vẫn không sờn lòng, kiên trì cùng đồng bào, đồng chí lãnh đạo phong trào khởi nghĩa đấu tranh.

Năm 1946, đồng chí Huỳnh Văn Lũy là Chủ nhiệm Mặt trận Việt minh tỉnh Biên Hòa. Năm 1954, đồng chí được Trung ương Cục miền Nam bố trí ở lại để lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương với các chức danh: Phó Bí thư Tỉnh uỷ Thủ Biên, Phó Bí thư Tỉnh uỷ Biên Hòa.

Năm 1956, trên đường công tác, đồng chí đã anh dũng hy sinh trên quê hương, nơi chôn nhau cắt rốn của mình, khi tuổi đời vừa tròn 40 tuổi, 20 năm hoạt động cách mạng,

để lại sự thương tiếc khôn nguôi của đồng bào, đồng chí và bà con ruột thịt.

Để ghi nhớ công lao đóng góp vì sự nghiệp giải phóng dân tộc của anh hùng Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy, quân dân khu Đông Nam Bộ đã đặt tên xưởng in trong kháng chiến là xưởng in Huỳnh Văn Lũy. Sau ngày giải phóng, tỉnh Đồng Nai đã đặt tên con đường nội ô thành phố Biên Hòa là đường Huỳnh Văn Lũy.

Nhân kỷ niệm 20 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, tỉnh Bình Dương cũng quyết định đặt tên con đường nội ô thị xã Thủ Dầu Một là đường Huỳnh Văn Lũy.



Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy
Phó Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa.



Đồng chí Huỳnh Văn Lũy
năm 1951.



Đồng chí Huỳnh Văn Lũy (bìa phải), năm 1951.



Học sinh Trường miền Nam trên đất Bắc (1954 - 1958).



Kỷ niệm với các bạn Trường học sinh miền Nam trên đất Bắc
số 14 - Hải Phòng (1956 - 1957).



Tác giả Huỳnh Ngọc Ẩn
khi còn là học sinh Trường
học sinh miền Nam trên
đất Bắc (1954).



Tác giả và bạn học Trường học sinh miền Nam trên đất Bắc
số 14 - Hải Phòng (1956 - 1957).



Tác giả Huỳnh Ngọc Ẩn và các bạn sinh viên Trường Đại học Thủy lợi Hà Nội (1963 - 1964).



Tác giả Huỳnh Ngọc Ẩn khi còn ở Sư đoàn F330 đóng quân tại Thanh Hóa (1958 - 1962).



Tác giả Huỳnh Ngọc Ẩn năm 1978.



Tác giả Huỳnh Ngọc Ẩn và vợ (năm 1971).



Tác giả và em trai Huỳnh Văn Nhị (năm 1975).



Tác giả Huỳnh Ngọc Ẩn
năm 1984.



Huỳnh Ngọc Ẩn và các chiến sĩ Sư đoàn F330.



Vợ chồng tác giả (đứng sau) với người thân trong gia đình năm 1971.



Đồng chí Huỳnh Ngọc Ẩn - Phó Giám đốc Sở Thủy lợi Đồng Nai kiểm tra thi công đập Suối Cả, huyện Long Thành, năm 1976.



Cán bộ Sở Thủy lợi Đồng Nai kiểm tra công tác thi công đập Suối Cả, huyện Long Thành, năm 1976.



Tham gia công tác nghiệm thu kè mỏ hàn chỉnh trị sông Hồng tháng 12/1972.



Đồng chí Huỳnh Ngọc Ẩn (thứ hai từ trái qua) kiểm tra công tác thi công cống Ông Kèo (Nhơn Trạch) năm 1991.



Gia đình tác giả Huỳnh Ngọc Ẩn, năm 1989.



Kiểm tra công trình thủy lợi Ông Kèo, huyện Long Thành, tháng 7/1992.



Đắp đập Suối Cả, huyện Long Thành, tháng 6/1976.



Gia đình tác giả tại vườn bưởi quê nhà, ấp Tân Trạch, xã Bạch Đằng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.



Tác giả đứng giữa (thứ ba từ trái sang) với mẹ Nguyễn Thị Du - Bà mẹ Việt Nam anh hùng, vợ của liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy.



Mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Du cùng con, cháu
ngày mừng thọ 90 tuổi.



Tác giả Huỳnh Ngọc Ẩn và vợ - bà Trần Thị Kim Chung.



Tác giả tại Đền thờ gia phả họ Huỳnh, xã Bạch Đằng,
thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.



Tác giả Huỳnh Ngọc Ẩn và bà Sáu Ngân (Huỳnh Thị Ngân),
một nữ chiến sĩ cách mạng kiên trung.



Tác giả dự Hội nghị Chiến sĩ Hai Giỏi tại Hà Nội năm 1996.



Họp mặt truyền thống Ban Nông nghiệp, Trung ương Cục miền Nam, năm 2000.



Họp mặt truyền thống cán bộ Ban Nông nghiệp,
Trung ương Cục miền Nam năm 2011.



Dự họp mặt truyền thống cán bộ Ban Nông nghiệp Trung ương
Cục miền Nam năm 2010 tại Cần Thơ.



Dự họp mặt truyền thống Quân dân y - Chiến khu Đ, miền Đông Nam Bộ lần thứ 2 (năm 2018).



Tác giả (thứ hai từ phải qua) cùng những đồng đội xưa thăm lại Bộ Chỉ huy Miền tại Lộc Ninh (Bình Phước).



Dự lễ Kỷ niệm 50 năm ngành Thủy lợi Việt Nam và
20 năm ngành Thủy lợi Đồng Nai.



Thăm chùa Hương Tích, Hà Tĩnh năm 1998.



Thăm Bảo tàng thành phố Nam Định năm 2022.



Tác giả (đứng giữa) trước tượng đài Trần Hưng Đạo, thành phố Nam Định, năm 2022.

Mục lục

LỜI GIỚI THIỆU	5
LỜI TỰA	15
LỜI NGỎ.....	23

CHIẾN KHU Đ - RA ĐI ĐỂ TRỞ VỀ

Những câu chuyện đáng nhớ về ông nội.....	31
Tôi đi dự ngày lễ độc lập đầu tiên	34
Viết lại những điều không quên	36
Giấc dữ đến quê hương.....	39
Chiến khu Đ quê tôi	41
Chi đội 10 anh hùng	51
Đi học trường làng và trở thành cậu bé liên lạc	57

Bà nội tôi	61
Hai lần đối mặt với cạp ba móng.....	63
Hầm bí mật của ba	66
Nghĩa tình của má.....	68
Quê ngoại dấu yêu.....	72
Trở thành lao động chính	74
Chú Bảy Đua	78
Bác Mười của tôi.....	80
Kỷ niệm với chị Hai Dung.....	85
Trái tim non rung động.....	87
Người anh cứu mạng của tôi	90
Bước ngoặt cuộc đời.....	95
Những người bạn thời học sinh miền Nam trên đất Bắc.....	102
Tình yêu tuổi học trò.....	104
Thủy lợi - Tình yêu của tôi... ..	110
Mối duyên kỳ ngộ	117
Tiếp bước con đường của ba	124
Trở về Chiến khu Đ	127
Trên đất bạn Campuchia.....	132
Thủy lợi Đồng Nai, những ngày đầu xây dựng.....	138
Thăm lại chiến trường xưa.....	146

TIẾNG LÒNG TÔI VỚI QUÊ HƯƠNG

Tiếng lòng tôi với quê hương.....	157
Kỷ niệm với ba	158
Nhận tin ba hy sinh.....	159
Má tiễn con đi tập kết	161
Ở thành Nam, nhớ ba.....	162
Bức ảnh gia đình.....	164
Gặp bạn	165
Thăm lại trường xưa	167
Bồi hồi nhớ bạn ngày xưa	168
Hội ngộ	169
Tình đồng đội	171
Tiếng gọi quê hương	173
Nhớ Chiến khu Đ.....	175
Phút chia tay	177
Trên đường hành quân	179
Giữa chiến trường, nhớ vợ con	180
Về quê với mẹ	182
Ngày sum họp.....	183
Vần thơ dâng bà.....	185
Thơ tặng vợ	186
Về thăm Chiến khu xưa.....	187

Thơ gửi bác Hạnh ở Hải Phòng	188
Tìm mộ anh trong rừng Chiến khu Đ	190
Mảnh vườn quê	192
Con về thăm má	194
Con đường mang tên ba	196
Viếng bạn Trường Học sinh miền Nam.....	198
Thăm tình Việt - Lào	199
Hành quân trên đất bạn	200
Những chàng trai, cô gái thủy lợi Đồng Nai.....	201
Xây dựng thủy lợi vùng đất Ông Kèo	202
Ngày gặp lại.....	203
Ngày giỗ thứ 43 của ba tôi	204
Mừng ba tròn trăm tuổi	205
Thi tướng của rừng xanh.....	206
Nhớ Tiểu đoàn 303 Anh hùng	207
Anh em kết nghĩa vườn đào.....	208
Gặp lại nhau.....	209
Đưa con về quê	210
Cháu dạo đường phố.....	211

PHẦN PHỤ LỤC

Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy Người con ưu tú của vùng đất Chiến khu Đ	215
Tự hào truyền thống một gia đình có 3 Mẹ Việt Nam Anh hùng	222
Ngày này nhớ người đi trước	226



Tuyển tập sáng tác
BẢN TÌNH CA NGƯỜI LÍNH

Huỳnh Ngọc Ẩn

Mã ISBN: 978-604-42-3408-3

Chịu trách nhiệm xuất bản:
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
BÙI THỊ LÂM NGỌC

Biên tập: Nguyễn Thị Kim
Biên tập kỹ thuật: Nguyễn Thị Hồng Tươi
Trình bày: Minh Huyền
Sửa bản in: Nguyễn Thị Kim
Bìa: Họa sĩ Nguyễn Minh

In: 500 bản. Khổ: 14.5 x 20.5 cm. In tại: Công ty Thiên Ngôn - 134/8 Hoàng Hoa Thám, P. 12, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.
Số xác nhận ĐKXB: 1239 - 2025 / CXBIPH / 3 - 396 / DoN,
Cục Xuất bản, In và Phát hành xác nhận ngày: 14/04/2025, Quyết định xuất bản số: 779/QĐ-NXBĐN, do NXB Đồng Nai cấp ngày: 14/05/2025. In xong và nộp lưu chiểu: quý 2/2025.

Nhà xuất bản Đồng Nai,
1953J (số cũ 210) Nguyễn Ái Quốc, TP Biên Hòa, Đồng Nai
Ban Biên tập: (02513) 825 292 - P Kinh doanh: 946 521 - P Kế toán: 946 520
Fax: (02513) 946 530 - Email: dongnainxb@gmail.com